EVNGENCO3



LINH HOẠT PHÁT TRIỂN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ATVSLĐ: An toàn vệ sinh lao động

BKS: Ban Kiểm soát

BĐH: Ban Điều hành

BVMT: Bảo vệ môi trường

CTCP: Công ty Cổ phần

CNĐKDN: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

CP: Cổ phần

CPH: Cổ phần hóa

CTCP ĐT: Công ty Cổ phần Đầu tư

CTCP ĐT&PT: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển

CPĐT PTĐ: Cổ phần Đầu tư Phát triển điện

CTNĐ: Công ty Nhiệt điện

CTTĐ: Công ty Thủy điện

CBCNV: Cán bộ Công nhân viên

CNVCLĐ: Công nhân viên chức lao động

CLTG: Chênh lệch tỷ giá

DVSC: Dịch vụ sửa chữa

DTT: Doanh thu thuần

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

ĐMT: Điện mặt trời

ĐT-XĐ: Đầu tư - Xây dựng

HĐQT: Hội đồng Quản trị

HĐTV: Hội đồng Thành viên

HĐKD: Hoạt động kinh doanh

HSRR: Hồ sơ rủi ro

HTPT: Hạch toán phụ thuộc

KD - TTĐ: Kinh doanh - Thị trường điện

KTKT: Kinh tế kỹ thuật

KSNB: Kiểm soát nội bộ

LN: Lợi nhuận

LNTT: Lợi nhuận trước thuế

LNST: Lợi nhuận sau thuế

NMNĐ: Nhà máy Nhiệt điện

NMTĐ: Nhà máy Thủy điện

NMĐ: Nhà máy điện

NLĐ: Người lao động

NSLĐ: Năng suất lao động

NĐD: Người đại diện

NĐT: Nhà đầu tư

PTNNL: Phát triển nguồn nhân lực

QTKD: Quản trị kinh doanh

QTRR: Quản trị rủi ro

QLDA: Quản lý Dự án

QLVH: Quản lý vận hành

QCQLNB: Quy chế quản lý nội bộ

QHĐ: Quy hoạch điện

SXKD: Sản xuất kinh doanh

SXĐ: Sản xuất điện

SCL: Sửa chữa lớn

SLĐ: Sản lượng điện

TCT: Tổng Công ty, EVN*GENCO3*, *GENCO3*

TNHH MTV: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

TTĐL: Trung tâm Điện lực

TGĐ: Tổng Giám đốc

TN-MT: Tài nguyên - Môi trường

VCSH: Vốn chủ sở hữu

MỤC LỤC

Câu chuyện chủ đề BCTN năm 2022 5
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 6
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc 8
Các chỉ số nổi bật năm 2022 12
Thành tích tiêu biểu của EVN*GENCO3* 13
Sự kiện tiêu biểu 14

TỔNG QUAN VỀ EVN*GENCO3*

18 Thông tin khái quát về EVN*GENCO3*
19 Lĩnh vực hoạt động và địa bàn kinh doanh
20 Lịch sử hình thành và phát triển
22 Hệ thống nhà máy và các đơn vị thành viên
34 Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức
36 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
38 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
40 Giới thiệu Ban Kiểm soát

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổng quan tình hình kinh tế và ngành điện trong năm 2022 44
Triển vọng phát triển ngành điện 48
Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu trung và dài hạn của EVN*GENCO3* 49
Định hướng chiến lược trung và dài hạn của EVN*GENCO3* 50
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 60
Tình hình tài chính 64
Tổ chức và nhân sự 66
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án 68
Đầu tư phát triển công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động 70
Báo cáo và đánh giá của Ban TGĐ 72
Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị 74
Báo cáo của Ban Kiểm soát 76
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 78
Hoạt động quan hệ cổ đông nổi bật năm 2022 81

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

84 Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị
86 Cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát
87 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và BKS
88 Quản trị rủi ro
92 Đánh giá tình hình thực hiện quản trị công ty dựa trên Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các mục tiêu phát triển bền vững 100
Mô hình Quản trị hướng đến phát triển bền vững 101
Nguyên tắc Quản trị phát triển bền vững 102
Gắn kết với 17 mục tiêu PTBV của LHQ 104
Gắn kết với các bên liên quan 110
Các vấn đề trọng yếu 114
Hiệu quả về kinh tế 117
Bảo vệ môi trường 120
Các vấn đề về xã hội 124

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

131 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
132 Báo cáo kiểm toán độc lập
134 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
136 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
137 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
139 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

LINH HOẠT PHÁT TRIỂN

Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động khiến giá nhiên liệu dầu, than tăng cao đột biến, gây ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của ngành Điện, trong đó có EVN*GENCO3*. Tuy nhiên, với bề dày kinh nghiệm tích lũy trong 10 năm qua, EVN*GENCO3* - nhà sản xuất điện hàng đầu cả nước, với tổng công suất lắp đặt là 6.565MW chiếm khoảng 8,4% tổng công suất lắp đặt của toàn hệ thống, sở hữu những ưu thế về kinh nghiệm trong lĩnh vực vận hành nhà máy điện, các nhà máy điện có thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại bậc nhất; đội ngũ nhân sự chuyên môn cao, đầy nhiệt huyết; năng lực sửa chữa vững mạnh,... EVN*GENCO3* đã vững vàng vượt qua những thử thách, hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao, đảm bảo cung ứng điện cho sự phát triển kinh tế xã hội.

Báo cáo thường niên EVN*GENCO3* năm 2022 có chủ đề "**LINH HOẠT PHÁT TRIỂN**", nhằm truyền tải thông điệp, EVN*GENCO3* với nội lực vững vàng, cùng tầm nhìn, định hướng đúng đắn của Ban Lãnh đạo và sự quyết tâm, tinh thần không ngừng sáng tạo của tập thể CBCNV, EVN*GENCO3* luôn chủ động thích ứng với tình hình thực tế, làm chủ kỹ thuật công nghệ, đảm bảo vận hành sản xuất điện ổn định, an toàn và hứa hẹn sẽ tạo nên những thành tựu đột phá, phát triển bền vững trong tương lai, hiện thực hóa khát vọng vươn lên tầm cao mới hội nhập quốc tế, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia, cũng như sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP là một trong những Đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, đầu tư phát triển nguồn điện tại Việt Nam và khu vực.

SỨ MỆNH

Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế; đầu tư nguồn điện hiệu quả - góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hướng đến mục tiêu vì sự phát triển bền vững, EVN*GENCO3* luôn lấy hệ thống giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam, là chuẩn mực cho mọi hoạt động của Tổng Công ty.



CHẤT LƯỢNG - TÍN NHIỆM

Nền tảng cho mọi hoạt động của tất cả các thành viên trong EVN*GENCO3*. EVN*GENCO3* tin tưởng rằng bằng những cam kết nêu trên sẽ mang lại sự hài lòng và sự tín nhiệm của khách hàng và đối tác.

TẬN TÂM - TRÍ TUỆ

Đây là giá trị phong cách làm việc của EVN*GENCO3* trong mọi hành động với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của cổ đông, đối tác và của NLĐ, NLĐ luôn vận dụng tri thức, trí tuệ để hành động với hiệu quả cao nhất. EVN*GENCO3* mong muốn xây dựng hình ảnh bằng sự tận tâm và trí tuệ.

HỢP TÁC - CHIA SẺ

Là tinh thần chủ đạo mà EVN*GENCO3* mong muốn đạt được. EVN*GENCO3* tin rằng bằng sự hợp tác một cách hài hòa, trung thực, công bằng, với ý thức sẵn sàng chia sẻ và gắn bó khăng khít giữa tất cả mọi thành viên, chúng ta mới có thể cùng nhau hành động, cùng nhau phát triển và cùng nhau tiến bộ, vì sự thành công của EVN*GENCO3* của EVN và các đối tác của EVN*GENCO3*.

SÁNG TẠO - HIỆU QUẢ

Là đòn bẩy cho sự phát triển, vì vậy EVN*GENCO3* luôn phấn đấu xây dựng một môi trường thuận lợi cho việc phát huy sức sáng tạo, làm chủ kỹ thuật công nghệ hiện đại, vận dụng những phương pháp quản lý tiên tiến, cùng với sức mạnh của sự đoàn kết toàn EVN*GENCO3* sẽ mang hiệu quả cao nhất giúp EVN*GENCO3* hoàn thành tốt sứ mệnh và đạt được mục tiêu đề ra.

Hành trình 10 năm xuyên suốt **MỘT TINH THẦN** ***TẠO NÊN DẤU ẤN EVNGENCO3***

KÍNH GỬI:
Quý Cổ đông, Đối tác và Quý Khách hàng,



Chủ tịch HĐQT **Đinh Quốc Lâm**

Năm 2022 là một năm có ý nghĩa hết sức quan trọng, đánh dấu hành trình 10 năm Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (EVN*GENCO3*) vươn mình phát triển, khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất điện và cung cấp dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

10 năm - chặng đường phát triển không ít gian nan và thử thách nhưng tập thể CBCNV EVN*GENCO3* luôn giữ vững một tinh thần, cùng nhau đoàn kết, cùng nhau sát cánh vững tin tiến về phía trước, tạo ra những giá trị mới để viết lên những giai điệu tự hào về EVN*GENCO3*. Tinh thần này sẽ tiếp tục "thắp lửa" đam mê trên hành trình phát triển vững bước tương lai, để người EVN*GENCO3* tự hào khi khoác trên mình sắc áo EVN*GENCO3* cùng tâm niệm "tim có thể ngừng đập nhưng điện không thể tắt".

Nói về năm 2022 là một năm với nhiều khó khăn và thách thức khi tình hình thế giới có nhiều biến động, ảnh hưởng giá nhiên liệu tăng cao đột biến; nguồn khí trong nước suy giảm và tăng theo giá dầu thế giới. Bên cạnh đó, công tác kinh doanh của EVN*GENCO3* cũng đối diện với một số thử thách nhất định do biến động CLTG, lãi suất,... Mặc dù vậy, với sự quyết tâm, nỗ lực hết mình của Ban Lãnh đạo và đội ngũ CBCNV, EVN*GENCO3* không chùn bước trước gian nan, vẫn vững vàng vượt qua khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao và góp phần đảm bảo cung ứng điện cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

10 NĂM - CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN KHÔNG ÍT GIAN NAN VÀ THỬ THÁCH NHƯNG TẬP THỂ CBCNV EVN*GENCO3* LUÔN GIỮ VỮNG MỘT TINH THẦN, CÙNG NHAU ĐOÀN KẾT, CÙNG NHAU SÁT CÁNH VỮNG TIN TIẾN VỀ PHÍA TRƯỚC, TẠO RA NHỮNG GIÁ TRỊ MỚI ĐỂ VIẾT LÊN NHỮNG GIAI ĐIỆU TỰ HÀO VỀ EVN*GENCO3*.



CỤ THỂ

SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2022 LÀ

32,242 tỷ kWh

đạt 101,23% kế hoạch, trong đó 28,141 tỷ kWh từ các đơn vị hạch toán phụ thuộc và 4,101 tỷ kWh từ các công ty con và công ty liên kết (EVN*GENCO3* có cử Người đại diện).

TỔNG DOANH THU CỦA CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY LÀ 46.382 TỶ ĐỒNG, ĐẠT 102,13% KẾ HOẠCH, ĐÓNG GÓP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÔNG TY MẸ ĐẠT 2.079 TỶ ĐỒNG.

Kết quả này là minh chứng cho sự nỗ lực và các giải pháp thích ứng linh hoạt của tập thể Lãnh đạo và CBCNV EVN*GENCO3*.

Đặc biệt, năm 2022 là năm đầu tiên mã cổ phiếu PGV chuyển niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE). Sự kiện này đã khẳng định uy tín, sự minh bạch trong quản trị doanh nghiệp, mở ra thêm nhiều cơ hội mới trong chiến lược phát triển của EVN*GENCO3*.

CHÚNG TÔI TIN TƯỞNG RẰNG VỚI NỀN TẢNG TRUYỀN THỐNG VÀ THẾ MẠNH ĐÃ TẠO DỰNG ĐƯỢC, EVN*GENCO3* SẼ TIẾP TỤC DUY TRÌ VÀ PHÁT HUY MỘT TINH THẦN "CÙNG NHAU TẠO NÊN SỰ KHÁC BIỆT, CÙNG NHAU TIẾN VỀ PHÍA TRƯỚC", ĐƯA EVN*GENCO3* PHÁT TRIỂN LÊN TẦM CAO MỚI, ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH CÔNG MỚI TRONG HÀNH TRÌNH PHÍA TRƯỚC,



Tổng Giám đốc **Lê Văn Danh**

Song song đó, EVN*GENCO3* cũng tích cực triển khai về công tác chuyển đổi số, tự động hóa đến các đơn vị thành viên, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đảm bảo cung cấp các dịch vụ vận hành sửa chữa các nhà máy điện cho khách hàng và tạo tiền đề để trở thành doanh nghiệp số.

Với tinh thần tương thân tương ái, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, EVN*GENCO3* thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội với tổng giá trị khoảng 10 tỷ đồng.



TIẾP NỐI GIÁ TRỊ - VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

Bước sang năm 2023, là năm bản lề cho việc thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, cũng là thời điểm bắt đầu cho giai đoạn phát triển mới của EVN*GENCO3*. Ban Lãnh đạo nhận định, năm 2023 cơ hội và thách thức sẽ đan xen nhau. Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, việc điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt của Chính phủ là cơ hội cho EVN*GENCO3* giữ vững ổn định sản xuất, kiên trì công tác tái cơ cấu, mở rộng đầu tư/hợp tác đầu tư các dự án nguồn điện mới, tạo tiền đề cho việc bứt phá trong giai đoạn sắp tới.

Chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng truyền thống và thế mạnh đã tạo dựng được, EVN*GENCO3* sẽ tiếp tục duy trì và phát huy một tinh thần "cùng nhau tạo nên sự khác biệt, cùng nhau tiến về phía trước", đưa EVN*GENCO3* phát triển lên tầm cao mới, đạt được những thành công mới trong hành trình phía trước, luôn hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông tin tưởng giao phó và tiếp tục thực hiện thành công mục tiêu "Cung ứng điện với chất lượng và dịch vụ ngày càng tốt hơn, đảm bảo trách nhiệm với môi trường và cộng đồng", góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đinh Quốc Lâm
Chủ tịch HĐQT

Lê Văn Danh
Tổng Giám đốc

SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT

32,242 tỷ kWh

đạt **101,23%** kế hoạch

trong đó:
28,141 tỷ kWh
từ các đơn vị hạch toán phụ thuộc
và **4,101** tỷ kWh
từ các công ty con và công ty liên kết (EVN*GENCO3* có cử Người đại diện).

TỔNG DOANH THU
(TỶ ĐỒNG)
48.156

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(TỶ ĐỒNG)
2.127

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(TỶ ĐỒNG)
3.057

TỔNG TÀI SẢN
(TỶ ĐỒNG)
66.218

Ghi chú: Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022



THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA EVN*GENCO3*

- Nhận cờ thi đua của Ủy ban Quản lý Vốn nhà nước năm 2020 và nhiều bằng khen của Bộ Công Thương;
- Nhận bằng khen của UBND TP.HCM năm 2021 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch Covid-19 tại TP.HCM.
- Năm 2022, Tổng Công ty Phát điện 3 được đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác năm 2022.
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam trao tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân xuất sắc vì đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Tổng Công ty nói riêng và ngành Điện nói chung.



1

EVN*GENCO3* CHÍNH THỨC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Ngày 10/02/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tổ chức Lễ trao Quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (EVN*GENCO3*) với mã chứng khoán PGV trên sàn HOSE. Việc niêm yết trên sàn HOSE vừa là thách thức lớn, cũng vừa là cơ hội để EVN*GENCO3* không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu, sự minh bạch và hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp, mở ra nhiều cơ hội tiếp cận gần hơn với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



2

EVN*GENCO3* ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

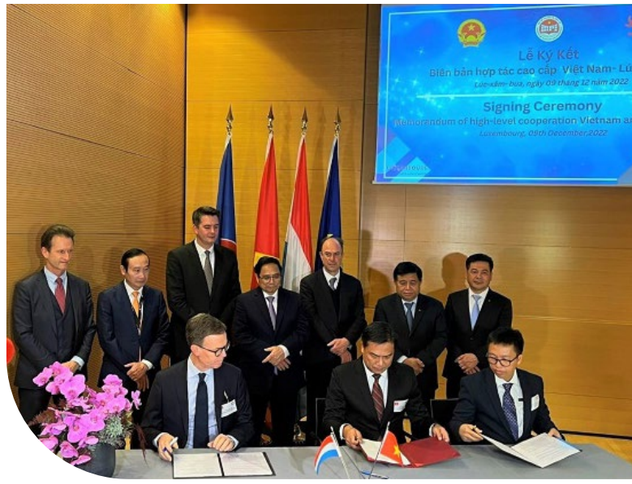
Trong công tác chuyển đổi số, tự động hóa, EVN*GENCO3* có 3 sản phẩm tự động hóa tham gia trưng bày tại Hội nghị Tự động hóa ngành Điện trong xu thế chuyển đổi số là Robot sơn bồn kim loại (PM TANKBOT 1), hệ thống mô phỏng chuyển đổi điện tự dùng (ATS) do Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ nghiên cứu, phát triển và Hệ thống quan trắc, tính toán và truyền số liệu thủy văn tự động (BK HYDROLOG) do Công ty Thủy điện Buôn Kuốp chế tạo, lắp đặt. Các thành quả của chuyển đổi số đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đảm bảo cung cấp các dịch vụ vận hành sửa chữa các nhà máy điện cho khách hàng.

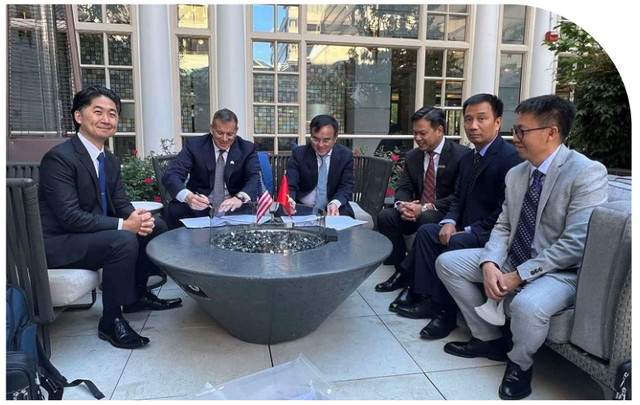
3

EVN*GENCO3* KÝ KẾT BIÊN BẢN GHI NHỚ VỚI BABCOCK&WILCOX

Ngày 09/12/2022, tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Luxembourg, Chủ tịch HĐQT EVN*GENCO3* Đinh Quốc Lâm, Chủ tịch HĐQT PECC2 Nguyễn Chơn Hùng và Phó Chủ tịch Babcock&Wilcox Mr. Joseph T Buckler đã ký kết Biên bản ghi nhớ, tạo tiền đề cho sự hợp tác giải pháp kỹ thuật cho các NMĐ của EVN*GENCO3* trong lộ trình chuyển dịch năng lượng. Lễ ký kết có sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, các Bộ ngành Việt Nam và Luxembourg.

Biên bản ghi nhớ mở ra cơ hội để EVN*GENCO3* tiếp cận các giải pháp kỹ thuật và hỗ trợ tài chính cho các NMĐ than EVN*GENCO3*, trước mắt thực hiện thí điểm tại NMĐ than của EVN*GENCO3* sau đó nhân rộng cho các NMĐ than tại Việt Nam theo hướng nâng cao hiệu suất vận hành và xây dựng lộ trình giảm phát thải theo hướng khử cacbon.





4

EVN*GENCO3* ĐẨY MẠNH TRAO ĐỔI, HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỐI TÁC NĂNG LƯỢNG TẠI HOA KỲ

Tháng 5/2022, bên lề chuyến công tác của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hoa Kỳ và theo chương trình công tác của lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tổng Công ty Phát điện 3 (EVN*GENCO3*) đã có các buổi làm việc với một số đối tác cung cấp LNG như Tellurian Inc, Cheniere Energy và đối tác lâu năm Tập đoàn General Electric về kế hoạch phát triển, thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ vận hành và sửa chữa các nhà máy điện, hợp tác phát triển các dự án mới...



5

EVN*GENCO3* CHUNG TAY VÌ CỘNG ĐỒNG

Với tinh thần tương thân tương ái, EVN*GENCO3* luôn tiên phong trong những hoạt động trao gửi những giá trị tinh thần cho cộng đồng. Tổng kinh phí cho các hoạt động an sinh xã hội trong năm 2022 của EVN*GENCO3* khoảng 10 tỷ đồng, cho các chương trình gồm: Đồng hành cùng Chương trình "Học đường niềm tin" tài trợ cho 47 em học sinh mồ côi do Covid-19 tại TP.HCM; Sữa Học Đường; hỗ trợ người dân bị thiên tai, trao tặng máy vi tính và dụng cụ học tập,... cho các vùng sâu vùng xa với mong ước chia sẻ yêu thương, tinh thần tương thân tương ái với cộng đồng.

01

TỔNG QUAN VỀ EVNGENCO3



VỮNG VÀNG **NỘI LỰC**

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ EVN*GENCO3*

Tên giao dịch	Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP
Tên tiếng Anh	Power Generation Joint Stock Corporation 3
Tên viết tắt	EVN*GENCO3*
Mã chứng khoán	PGV
Niêm yết tại	HOSE
Giấy CNĐKDN	Số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 9 ngày 5/10/2021 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	11.234.680.460.000 đồng Mười một nghìn hai trăm ba mươi bốn tỷ sáu trăm tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng
Trụ sở chính	Số 60 - 66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, P. An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại	(84.28) 3636 7449
Fax	(84.28) 3636 7450
Email	genco3@genco3.evn.vn
Website	http://www.genco3.com

LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐIỆN NĂNG



- EVN*GENCO3* là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất lắp đặt là 6.565MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời).
- Sản lượng điện bình quân hằng năm của Công ty mẹ giai đoạn 2016 -2022 giữ ổn định ở mức công ty mẹ: 30 tỷ kWh, toàn TCT: 33 tỷ kWh.

Cơ cấu nguồn điện EVN*GENCO3*

Nhiệt điện khí:	Nhiệt điện than:	Thủy điện:	Điện mặt trời:
44,61%	**36,92%**	**17,82%**	**0,65%**
2.929MW	**2.424**MW	**1.170**MW	**42,65**MWp

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



- Tổng công suất các dự án do EVN*GENCO3* làm Chủ đầu tư và tư vấn quản lý dự án: **4.986,65**MW
- EVN*GENCO3* có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong công tác quản lý, đầu tư xây dựng các dự án Nhà máy điện và Trung tâm Điện lực công suất lớn.
  - Các dự án do TCT làm tư vấn QLDA gồm: Vĩnh Tân 4 (1.200MW), Vĩnh Tân 4 mở rộng (600MW), Thái Bình (600MW): tổng là 2.400MW.
  - Các dự án do TCT làm chủ đầu tư: Mông Dương 1 (1.080MW), Vĩnh Tân 2 (1.244MW), Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 (42,65MWp).
- Bên cạnh nhiệm vụ chính là quản lý, đầu tư xây dựng, EVN*GENCO3* còn triển khai công tác chuẩn bị sản xuất cho các dự án nguồn điện đảm bảo tiếp quản vận hành sau khi nhận bàn giao từ các nhà thầu EPC.
- Ngoài hiệu quả kinh tế, các dự án EVN*GENCO3* quản lý phải đảm bảo về an sinh xã hội nhằm ổn định, giảm thiểu ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân địa phương, góp phần bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực.

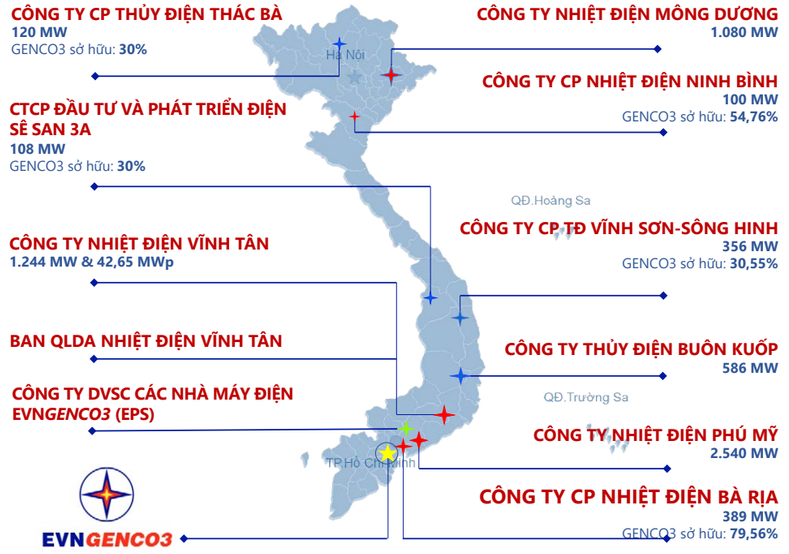


DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN



- Cung cấp các gói dịch vụ sửa chữa chất lượng cao cho các Nhà máy điện. Bao gồm các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các tổ máy tuabin khí, tuabin hơi, lò hơi, lò thu hồi nhiệt; máy phát điện và các thiết bị trong nhà máy nhiệt điện và các nhà máy công nghiệp.
- Ngoài ra còn cung cấp các dịch vụ: Đào tạo vận hành, sửa chữa nhà máy điện; Vận hành thuê nhà máy điện; Phục hồi, gia công chế tạo; Tư vấn, thiết kế, lắp đặt các công trình điện và công nghiệp: nhà máy điện, trạm điện.
- Với năng lực và kinh nghiệm vượt trội được tích lũy trên 22 năm trong lĩnh vực bảo trì các nhà máy điện, Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVN*GENCO3* (EPS) là thương hiệu tin cậy, cùng với các đối tác, khách hàng xây dựng và phát triển Niềm tin bền vững. EPS cam kết liên tục cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của khách hàng.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 (EVN*GENCO3*) ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3025/QĐ-BCT NGÀY 01/06/2012 CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG VÀ CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2013. TRẢI QUA 10 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG THƯƠNG HIỆU MẠNH TRONG NGÀNH NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM, LUÔN HOÀN THÀNH SỨ MỆNH THAM GIA ĐẢM BẢO CUNG ỨNG ĐIỆN CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC.

1996 - 2002

Dấu ấn tiên phong,
người mang dòng khí thắp sáng niềm tin

- **Ngày 7/4/1996**, tại khu công nghiệp Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phát lệnh khởi công xây dựng Nhà máy Điện Phú Mỹ - Nhà máy nhiệt điện lớn nhất, hiện đại nhất Việt Nam lúc bấy giờ, góp phần quan trọng trong việc xây dựng một lưới điện thống nhất cả nước, giải quyết tình trạng thiếu điện ở phía Nam, thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế đồng thời tận dụng nguồn khí đốt khổng lồ đang phải đốt bỏ ngoài khơi Vũng Tàu.
- Cụm Nhà máy điện Phú Mỹ gồm 4 Nhà máy. Nhà máy Phú Mỹ 2.1 được xây dựng đầu tiên với tổng công suất 290MW. Sau đó, tiếp tục lần lượt xây dựng các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 MR, Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 và Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4.

2003 – 2010

Chinh phục những dòng sông
của đại ngàn Tây Nguyên

- **Năm 2004**: dự án cụm 3 nhà máy Thủy điện bậc thang lớn trên sông Srêpôk gồm: Buôn Kuốp; Buôn Tua Srah; Srêpôk 3, với tổng công suất 586MW cũng được liên tiếp khởi công xây dựng, nhằm giải quyết tình trạng thiếu điện ở khu vực Tây Nguyên.
- **Từ năm 2009 - 2010**: Đưa vào vận hành thương mại các nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3.

2011 – 2017

Bước ngoặt
cho giai đoạn phát triển mới

- **Ngày 01/6/2012,** Tổng Công ty Phát điện 3 (EVN*GENCO3*) được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT của Bộ Công Thương, trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các ban quản lý dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số công ty phát điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- **Năm 2013:** Thành lập Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân.
- **Năm 2014:** Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE-PMTP.
- **Năm 2015:** Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương kiêm Ban QLDA Nhiệt điện 1; Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVN*GENCO3*.
- **Năm 2016:** Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ được thành lập lại và tiếp quản vận hành các nhà máy điện Phú Mỹ.

2018 – 2022

Khẳng định năng lực
vững bước vươn tầm cao mới

- **Năm 2018:** Tổng Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình CTCP; Thực hiện IPO và đăng ký giao dịch cổ phiếu PGV của Tổng Công ty Phát điện 3- CTCP trên sàn UPCOM vào ngày 21/3/2018.
- **Năm 2019:** Chuyển trụ sở Tổng Công ty từ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Năm 2021:** Vốn hóa thị trường chạm mốc 1 tỷ USD.
- **Năm 2022:** Ngày 10/02/2022 chính thức niêm yết trên sàn HOSE.





Từ những mỏ than nằm sâu trong lòng đất,
đến những dòng sông hùng vĩ,
cùng dòng khí tự nhiên ngoài biển khơi.

CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN QUÝ GIÁ NÀY ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN HÓA KỲ DIỆU THÀNH NGUỒN NĂNG LƯỢNG THEO LƯỚI TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA PHỤC VỤ DÂN SINH, PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA ĐẤT NƯỚC...

EVN*GENCO3* hiện có 8 đơn vị HTPT, 2 công ty con và 4 công ty liên kết, góp vốn (có cử Người đại diện) với tổng công suất lắp đặt là

6.565

MW

chiếm khoảng 8,4% công suất đặt toàn hệ thống điện, trong đó đa dạng nhiều loại hình nguồn điện:

Nhiệt điện tuabin khí

2.929

MW

chiếm khoảng 44,61%

Nhiệt điện than

2.424

MW

chiếm khoảng 36,92%

Thuỷ điện

1.170

MW

chiếm khoảng 17,82%

Điện mặt trời

42,65

MWp

chiếm khoảng 0,65%



CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ

Địa chỉ:
Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

TỔNG CÔNG SUẤT (MW)

2.540

Hoạt động: Ra đời với nhiệm vụ giải quyết cấp bách tình trạng thiếu điện và tận dụng nguồn khí đốt khổng lồ đang phải đốt bỏ ngoài khơi Vũng Tàu, dự án Nhà máy Phú Mỹ 2.1 được triển khai xây dựng đầu tiên với tổng công suất 290MW. Sau đó, tiếp tục xây dựng và đưa vào vận hành các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 MR, Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 và Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4 từ năm 1998 - 2004 tại Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các nhà máy đều sử dụng công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp công nghệ hiện đại, nhiên liệu sử dụng chính là nguồn khí tự nhiên từ các mỏ Nam Côn Sơn, Hải Thạch - Mộc Tinh, Thiên Ưng - Đại Hùng, Sao Vàng - Đại Nguyệt.

Với tổng công suất 2.540MW, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đóng góp 46% vào tổng công suất của Tổng Công ty.

Cụ thể các nhà máy điện thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ bao gồm:

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 1

CÔNG SUẤT
1.118 MW
Nhiên liệu sử dụng:
Khí thiên nhiên.

Là nhà máy có công suất lớn nhất trong các nhà máy điện của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ với công suất 1.090MW, được đưa vào vận hành thương mại năm 2002. Sử dụng công nghệ và thiết bị của Mitsubishi Heavy Industries Group (Nhật Bản) cấu hình 3 -3 -1, tuabin khí loại M701F. Khi vận hành với hệ thống Fogging & high fogging, công suất nhà máy lên đến 1.118MW.

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 2.1

CÔNG SUẤT
477 MW
Nhiên liệu sử dụng:
Khí thiên nhiên.

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) nay là GE, cấu hình 2-2-1, được đưa vào vận hàng thương mại chu trình đơn vào năm 1997 và chu trình hỗn hợp vào năm 2003 với công suất lắp đặt 450MW, đến năm 2016, tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 477MW. Và đây cũng là nhà máy đầu tiên của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ dự kiến hết khấu hao vào năm 2023.



NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 2.1 mở rộng

CÔNG SUẤT
468 MW
Nhiên liệu sử dụng:
Khí thiên nhiên.

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Siemen (Đức) cấu hình 2-2-1, tuabin khí loại V94.2, được đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1999 và chu trình hỗn hợp vào năm 2006 với công suất lắp đặt 440MW. Khi vận hành với hệ thống Fogging & high-fogging, công suất nhà máy lên đến 468MW.

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 4

CÔNG SUẤT
477 MW
Nhiên liệu sử dụng:
Khí thiên nhiên.

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sỹ) nay là GE, cấu hình 2-2-1, hoàn tất đưa vào vận hành thương mại năm 2004 với công suất lắp đặt 450MW. Đến năm 2015 tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 477MW.

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

Địa chỉ:
Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

TỔNG CÔNG SUẤT (MW)

1.286

Hoạt động: Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân được giao nhiệm vụ quản lý và vận hành 2 nhà máy với tổng công suất là 1.286MW gồm: NMNĐ Vĩnh Tân 2 (1.244MW) và Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 42,65MWp, tương đương 38MW, tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, tỉnh Bình Thuận. Đến cuối năm 2022, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân có sản lượng điện sản xuất lên hệ thống điện lưới Quốc gia đạt hơn 50 tỷ kWh.







NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 2

CÔNG SUẤT
2x622MW
Nhiên liệu sử dụng: Than cám.

Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 được đưa vào vận hành thương mại từ đầu năm 2015 với tổng công suất lắp đặt 2x622MW, sản lượng điện sản xuất bình quân hàng năm khoảng 7,4 tỷ kWh, cung cấp điện chủ yếu cho phụ tải khu vực phía Nam, góp phần quan trọng cho việc vận hành kinh tế hệ thống điện Quốc gia, nhất là vào mùa khô.

Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 sử dụng nguyên liệu chính là than cám trong nước và than nhập khẩu. Hoạt động quản lý môi trường tại Nhà máy đặc biệt được Tổng Công ty chú trọng. Công tác quản lý và xử lý tro, xỉ được kiểm soát tốt, đảm bảo môi trường. Bãi xỉ nhà máy đảm bảo ổn định, an toàn, tro xỉ phát sinh trong vận hành của Nhà máy hầu hết được tiêu thụ để làm phụ gia xi măng, gạch không nung,... Hoàn thành lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường online, camera giám sát và truyền dữ liệu về Sở TN&MT địa phương.



NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH TÂN 2

CÔNG SUẤT
42,65MWp

Nhà máy ĐMT Vĩnh Tân 2 công suất lắp đặt 42,65MWp được vận hành thương mại cuối tháng 6 năm 2019, mỗi năm, nhà máy ĐMT Vĩnh Tân 2 phát vào lưới điện Quốc gia khoảng 68,4 triệu kWh, góp phần đa dạng hóa loại hình phát điện của Tổng Công ty và tạo ra một hệ thống nguồn điện bổ sung và hỗ trợ nhau.

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

TỔNG CÔNG SUẤT (MW)

1.080

Nhiên liệu sử dụng: Than cám

Hoạt động: Công ty Nhiệt điện Mông Dương thành lập năm 2015, quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 với tổng công suất 1.080MW. Mỗi năm, Nhà máy cung cấp cho hệ thống điện Quốc gia khoảng 6,5 tỷ kWh.

Nguồn nhiên liệu NMNĐ Mông Dương 1 sử dụng than 6a của TKV và than 5b của Đông Bắc. Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 là công trình nhiệt điện đầu tiên của EVN sử dụng công nghệ lò hơi tầng sôi tuần hoàn (CFB). Đây là công nghệ tiên tiến nhất thế giới hiện nay, đặc biệt trong lĩnh vực xử lý khí thải, đảm bảo thân thiện với môi trường. Đáng chú ý, năm 2021, Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 đã đưa vào vận hành hệ thống bảng điện tử hiển thị số liệu quan trắc môi trường online để công khai, minh bạch hóa thông tin về công tác quản lý môi trường đến cộng đồng; đã được cấp giấy chứng nhận HTQL môi trường phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015, tro xỉ của Nhà máy được tiêu thụ toàn bộ.









CÔNG TY THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP

Địa chỉ:
Số 22 đường Mai Xuân Thưởng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

TỔNG CÔNG SUẤT (MW)

586

Hoạt động: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp được giao quản lý và vận hành 03 nhà máy Thủy điện bậc thang lớn trên sông Srêpôk thuộc địa bàn 2 tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông với tổng công suất 586MW, điện lượng bình quân hàng năm là 2,6 tỷ kWh.

Cụm Nhà máy Thủy điện thuộc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp có công suất thuộc top 3 tổng công suất lắp đặt lớn nhất tại khu vực Miền Trung, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng điện ở khu vực miền Trung Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Bộ. Đồng thời, còn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động điều tiết lũ, hạn hán cho khu vực hạ lưu lưu vực sông Srêpôk.

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP

CÔNG SUẤT **2x140** MW

Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp vận hành thương mại năm 2009 với công suất 2x140MW. Đây cũng là một trong những Thủy điện có địa hình hiểm trở, phức tạp nhất trong các dự án Thủy điện ở nước ta.

Ngoài tạo nguồn cung cấp điện cho hệ thống điện Quốc gia, công trình này còn điều hòa nguồn nước, cấp nước tạo nguồn cho hạ du nhà máy, có vai trò quan trọng phục vụ tưới tiêu cho hơn 100.000ha cây trồng, nông nghiệp của vùng, phát triển tiềm năng du lịch, nuôi trồng thủy sản...

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BUÔN TUA SRAH

CÔNG SUẤT **2x43** MW

Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah được đưa vào vận hành thương mại năm 2010 với công suất 2x43MW, hồ chứa có dung tích hữu ích 522 triệu m^3 nước, sản lượng điện bình quân hàng năm 347 triệu kWh.

Ngoài chức năng sản xuất điện, nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah còn thực hiện nhiệm vụ điều tiết nước trong mùa cạn và cắt giảm lũ trong mùa mưa cho các địa phương phía hạ du thuộc huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông và huyện Lắk, huyện Krông ANa, tỉnh Đắk Lắk.

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SRÊPÔK 3

CÔNG SUẤT **2x110** MW

Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 vận hành thương mại năm 2010 với công suất 2x110MW. Mỗi năm, Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 cung cấp cho lưới điện Quốc gia hơn 1 tỷ kWh.

Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 có vai trò rất quan trọng, nhà máy không chỉ tạo ra hồ chứa với dung tích là 200 triệu m^3 nước, cung cấp nước ổn định cho Thủy điện Srêpôk 4 phía hạ du, cắt lũ cho vùng hạ lưu sông Srêpôk. Mà còn là nước nguồn tưới tiêu cây ăn quả như sầu riêng, bơ, cà phê... nuôi trồng thủy sản, tạo điều kiện cho người dân các huyện Buôn Đôn (Đắk Lắk) và Chư Jút (Đắk Nông) phát triển kinh tế.

CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVN*GENCO3*

Đối với các doanh nghiệp sản xuất và vận hành các nhà máy điện, chi phí sửa chữa lớn là một trong những chi phí lớn nhất của các nhà máy. Việc sở hữu một đơn vị sửa chữa trực thuộc Tổng Công ty, chúng tôi có lợi thế lớn trong việc sắp xếp các dịch vụ sửa chữa, tiết giảm chi phí, đồng thời nhanh chóng áp dụng công nghệ kỹ thuật mới vào công tác sửa chữa lớn đối với các nhà máy điện trực thuộc Tổng Công ty.







CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVN*GENCO3* VỚI HƠN 22 NĂM KINH NGHIỆM TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VẬN HÀNH, SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN (CHẠY KHÍ, THAN VÀ THỦY ĐIỆN), CHỨC NĂNG CHÍNH LÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN HÀNH, SỬA CHỮA CHUYÊN NGHIỆP CHO CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN VÀ CÁC NHÀ MÁY CÔNG NGHIỆP KHÁC.

EPS CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ

- Cung cấp các gói dịch vụ sửa chữa chất lượng cao Nhà máy điện: Bảo trì tuabin khí, tuabin hơi Nhà máy nhiệt điện; Bảo dưỡng, sửa chữa lò hơi, lò thu hồi nhiệt (HRSG); Sửa chữa lớn máy phát điện.
- Đào tạo vận hành, sửa chữa, dịch vụ vận hành thuê nhà máy điện.
- Phục hồi vật tư thay thế, gia công chế tạo.
- Tư vấn, thiết kế, lắp đặt các công trình điện và công nghiệp: nhà máy điện, trạm điện
- Các dịch vụ khác

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN



BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN (BAN AVT)

Địa chỉ: Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Hoạt động: Hiện nay Ban AVT đang thực hiện quyết toán các dự án trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân.

BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN 1 (BAN AND1)

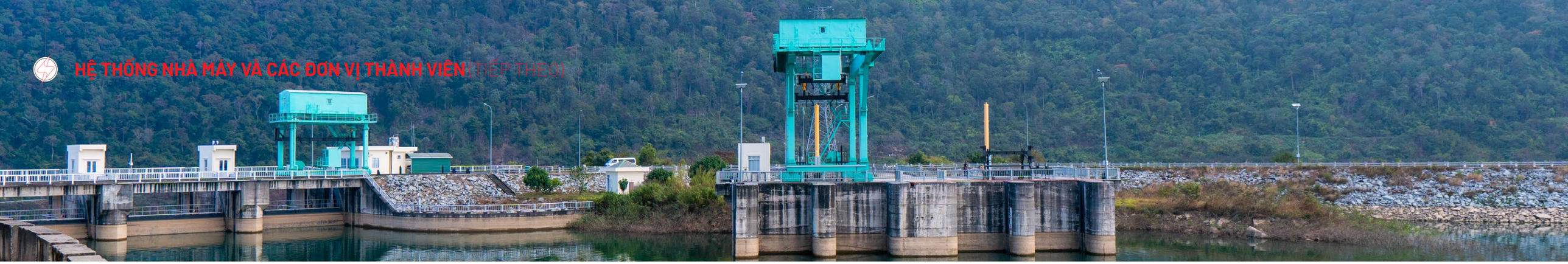
Địa chỉ: Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

Hoạt động: Ban ANĐ1 đã thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Mông Dương 1.

BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH (BAN ATB)

Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình.

Hoạt động: Hiện nay Ban ATB đang thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Thái Bình.



CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA (BTP)

CÔNG SUẤT **389** MW

Nhiên liệu sử dụng: Khí thiên nhiên

Địa chỉ:
Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:
Sản xuất điện năng



- Vốn điều lệ: **604,86** tỷ đồng
- Vốn góp của EVN*GENCO3*: **481,24** tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của EVN*GENCO3*: **79,56%**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH (NBP)

CÔNG SUẤT **100** MW

Nhiên liệu sử dụng: Than cám trong nước và than nhập khẩu

Địa chỉ:
Số 1 đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:
Sản xuất điện năng



- Vốn điều lệ: **128,66** tỷ đồng
- Vốn góp của EVN*GENCO3*: **70,45** tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của EVN*GENCO3*: **54,76%**

CÔNG TY GÓP VỐN, LIÊN KẾT

1 CTCP THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:
Sản xuất điện năng
- Công suất: 120MW
- Vốn điều lệ: 635,00 tỷ đồng
- Vốn góp của EVN*GENCO3*: 190,50 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của EVN*GENCO3*: 30,00%



2 CTCP TĐ VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:
Sản xuất điện năng
- Công suất: 356MW
- Vốn điều lệ: 2.362,41 tỷ đồng
- Vốn góp của EVN*GENCO3*: 608,72 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của EVN*GENCO3*: 30,55%



3 CTCP ĐT & PT ĐIỆN SÊ SAN 3A

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:
Sản xuất điện năng
- Công suất: 108MW
- Vốn điều lệ: 280,00 tỷ đồng
- Vốn góp của EVN*GENCO3*: 84,00 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của EVN*GENCO3*: 30,00%



4 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NĂNG LƯỢNG GE - PMTP

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:
Sửa chữa, phục hồi thiết bị tuabin khí
- Vốn điều lệ: 501,70 tỷ đồng
- Vốn góp của EVN*GENCO3*: 74,46 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của EVN*GENCO3*: 15,00%



5 CTCP ĐL DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:
Sản xuất điện năng
- Công suất: 750MW
- Vốn điều lệ: 2.878,76 tỷ đồng
- Vốn góp của EVN*GENCO3*: 83,09 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của EVN*GENCO3*: 2,47%



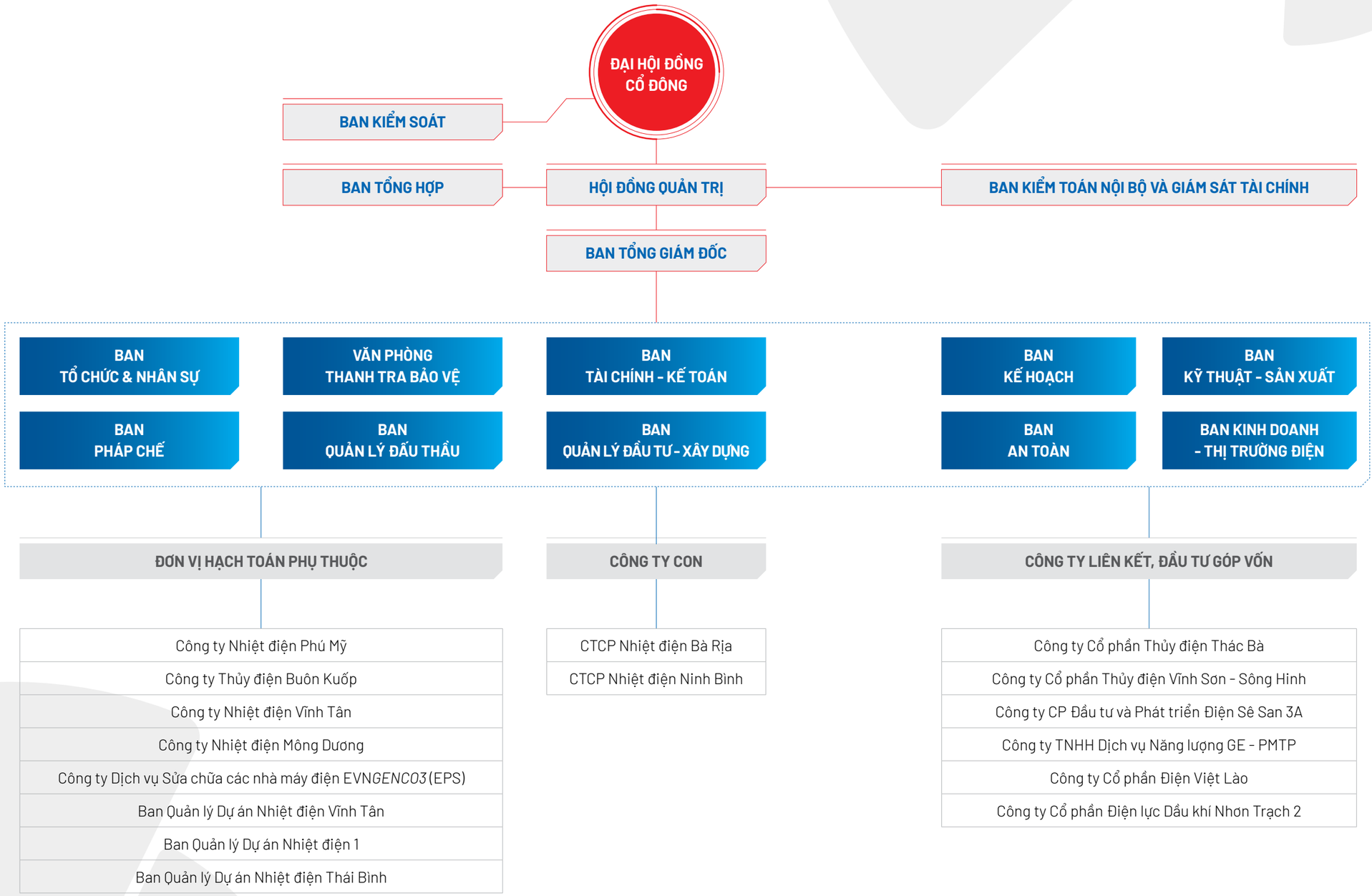
6 CTCP ĐIỆN VIỆT LÀO

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:
Sản xuất điện năng
- Công suất: 651MW
- Vốn điều lệ: 4.375,73 tỷ đồng
- Vốn góp của EVN*GENCO3*: 19,60 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của EVN*GENCO3*: 0,45%



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN, LÀ DOANH NGHIỆP ĐƯỢC TỔ CHỨC DƯỚI HÌNH THỨC CÔNG TY CỔ PHẦN, HOẠT ĐỘNG THEO HÌNH THỨC CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON, CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN.

Tổng Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có con dấu, biểu tượng, điều lệ, có chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật, được mở tài khoản tại các ngân hàng; trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất - kinh doanh và đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết.

Cơ cấu tổ chức của EVN*GENCO3* gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy tham mưu, cụ thể như sau:

» Ban Lãnh đạo gồm: Chủ tịch HĐQT, 04 thành viên HĐQT (1 thành viên đã từ nhiệm tại ĐHĐCĐ năm 2022); Tổng Giám đốc, 04 Phó Tổng Giám đốc phụ trách các lĩnh vực: Sửa chữa & Công nghệ, Kinh doanh - Thị trường điện, Kinh tế - Tài chính, Đầu tư - Xây dựng.

» 12 ban chức năng, gồm: Ban Tổ chức & Nhân sự; Văn phòng - Thanh tra Bảo vệ; Ban Pháp chế; Ban Tài chính - Kế toán; Ban Kế hoạch; Ban Kỹ thuật - Sản xuất; Ban Quản lý Đấu thầu; Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng, Ban Kinh doanh - Thị trường điện; Ban An toàn; Ban Tổng hợp; Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính;

» 08 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 02 công ty con và 06 công ty liên kết, góp vốn.



Ông **ĐINH QUỐC LÂM**

Chủ tịch HĐQT

» Ông Đinh Quốc Lâm sinh năm 1973, hiện là Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

» Số cổ phần EVN*GENCO3* mà Ông sở hữu và đại diện là 557.239.952 cổ phần (chiếm 49,60% vốn điều lệ).

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện.

Ông **LÊ VĂN DANH**

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

» Ông Lê Văn Danh sinh năm 1974, hiện là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP.

» Số cổ phần EVN*GENCO3* mà Ông sở hữu và đại diện là 334.339.498 cổ phần (chiếm 29,76% vốn điều lệ).

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử.

Ông **TRƯƠNG QUỐC PHÚC**

Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022)

» Ông Trương Quốc Phúc, sinh năm 1961, là thành viên HĐQT, đã miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Ông **NGUYỄN MINH KHOA**

Thành viên HĐQT

» Ông Nguyễn Minh Khoa sinh năm 1974, hiện là thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

» Số cổ phần EVN*GENCO3* mà Tập đoàn Điện lực Việt Nam ủy quyền Ông đại diện là 222.884.599 cổ phần (chiếm 19,84% vốn điều lệ)

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật Quốc tế, Cử nhân Tiếng Anh.

Ông **ĐỖ MỘNG HÙNG**

Thành viên HĐQT độc lập

» Ông Đỗ Mộng Hùng sinh năm 1958, hiện là thành viên độc lập HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Nhiệt điện.



Ông **LÊ VĂN DANH**

Tổng Giám đốc

» Ông Lê Văn Danh sinh năm 1974, hiện là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện-Điện tử.

Ông **CAO MINH TRUNG**

Phó Tổng Giám đốc
Sửa chữa và Công nghệ

» Ông Cao Minh Trung sinh năm 1963, hiện là Phó Tổng Giám đốc Sửa chữa và Công nghệ Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.

Ông **NGUYỄN THANH TRÙNG DƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc
Kinh doanh - Thị trường điện

» Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương sinh năm 1970, hiện là Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh- Thị trường điện Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Mạng và Hệ thống Điện, Kỹ sư Kỹ thuật Điện.

Bà **NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc
Kinh tế - Tài Chính

» Bà Nguyễn Thị Thanh Hương sinh năm 1977, hiện là Phó Tổng Giám đốc Kinh tế-Tài chính Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ-Tiếng Anh.

Ông **VÕ MINH THẮNG**

Phó Tổng Giám đốc
Đầu tư - Xây dựng

» Ông Võ Minh Thắng sinh năm 1977, hiện là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư – Xây dựng kiêm Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện-Điện tử

Bà **VŨ PHƯƠNG THẢO**

Kế toán trưởng

» Bà Vũ Phương Thảo sinh năm 1983, hiện là Kế toán trưởng Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán



Ông **PHẠM HÙNG MINH**

Trưởng Ban Kiểm soát

» Ông Phạm Hùng Minh hiện là Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Cử nhân Kế toán.

Ông **ĐẬU ĐỨC CHIẾN**

Thành viên Ban Kiểm soát

» Ông Đậu Đức Chiến hiện là thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật điện, Kỹ sư Hệ thống điện.

Bà **VŨ HẢI NGỌC**

Thành viên Ban Kiểm soát

» Bà Vũ Hải Ngọc hiện là thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



LINH HOẠT **PHÁT TRIỂN**

KINH TẾ VIỆT NAM 2022

PHỤC HỒI MẠNH MẼ

NĂM 2022, TRONG BỐI CẢNH TÌNH HÌNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI CÓ NHIỀU BIẾN ĐỘNG KHÓ LƯỜNG, NỀN KINH TẾ VIỆT NAM VẪN ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH TỰU QUAN TRỌNG, KHI GDP TĂNG 8,02% SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG CAO NHẤT TRONG 10 NĂM QUA DO NỀN KINH TẾ ĐÃ KHÔI PHỤC TRỞ LẠI.

GDP ĐẠT 409
TỶ USD
TĂNG 8,02% SO VỚI NĂM 2021

FDI ĐẠT 22,4
TỶ USD
TĂNG 13,5% SO VỚI NĂM 2021

CPI TĂNG 3,15%
SO VỚI NĂM 2021

Trong năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, lần đầu tiên quy mô GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD. GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện tại Việt Nam năm 2022 đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn FDI cao nhất trong 5 năm qua. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân quý IV/2022 tăng 4,41% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.





Nền kinh tế vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro

Trước xu hướng lạm phát toàn cầu tăng cao và chính sách thắt chặt tiền tệ của các ngân hàng Trung ương Mỹ và Châu Âu (Hai thị trường xuất khẩu chính chiếm 41% thị phần xuất khẩu của Việt Nam). Việt Nam phải đối diện với nhiều áp lực chính sách điều hành giá, lãi suất, tỷ giá,... Sự ổn định vi mô và bảo đảm các cân đối lớn trong nước cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro trước xu hướng kinh tế thế giới đang ở thời điểm tăng trưởng chậm lại. Bên cạnh đó là những tác động của biến đổi khí hậu, những căng thẳng địa chính trị ngày càng phức tạp.

Cần có giải pháp giữ vững ổn định kinh tế

Thực tiễn này đòi hỏi cần có nhiều đột phá thực sự và đồng bộ, thực chất cả về nhận thức và thể chế trong việc tháo gỡ điểm nghẽn về ổn định cung cầu, giá cả các mặt hàng thiết yếu (nổi bật là xăng, dầu) cho sản xuất, đời sống; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường kiểm soát và lành mạnh hóa các thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường bất động sản và thị trường tín dụng, thị trường lao động, cũng như trong tái cơ cấu kinh tế và định hướng lại hoạt động sản xuất, kinh doanh. Cùng với đó là tăng cường thu hút FDI đầu tư mới và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy liên kết giữa khu vực FDI và kinh tế trong nước; tiếp tục đẩy mạnh kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kiểm soát nợ xấu, nợ thuế và chi phí vốn của DN; thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội...

TỔNG QUAN NGÀNH ĐIỆN NĂM 2022



THEO TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM (EVN), ĐẾN CUỐI NĂM 2022, TỔNG CÔNG SUẤT ĐẶT NGUỒN ĐIỆN (ĐÃ COD) TOÀN HỆ THỐNG ĐẠT XẤP XỈ 77.800MW, TĂNG GẦN 1.400MW SO VỚI NĂM 2021

Trong năm 2022, tình hình thế giới phát sinh các biến động lớn như chính sách zero-covid tại Trung Quốc, xung đột địa chính trị tại Châu Âu, lạm phát tăng tốc tại hầu hết các Quốc gia trên thế giới, chính sách thắt chặt tiền tệ tại một số Quốc gia là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam... ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu đã tác động trực tiếp tới hoạt động của ngành Điện. Đặc biệt, giá nhiên liệu tăng cao đã làm tăng chi phí sản xuất điện và ảnh hưởng trực tiếp đến việc đảm bảo cân đối tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); Công tác đầu tư xây dựng tiếp tục gặp nhiều vướng mắc do các quy định hiện hành còn thiếu đồng bộ, khó khăn trong việc chuyển đổi đất rừng, giải phóng mặt bằng, chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án điện.

Trong điều kiện như vậy, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các Bộ, ngành, các địa phương. Toàn thể CBCNV của Tập đoàn đã hết sức nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn, đảm bảo cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Theo EVN, đến cuối năm 2022, tổng công suất đặt nguồn điện (đã COD) toàn hệ thống đạt xấp xỉ 77.800MW, tăng gần 1.400MW so với năm 2021. Trong đó, tổng công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo là 20.165MW chiếm tỷ trọng 26,4%. Quy mô hệ thống điện Việt Nam đứng đầu khu vực ASEAN về công suất nguồn điện.

Năm 2022, điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống là 268,4 tỷ kWh, tăng 5,26% so với năm 2021. Công suất phụ tải cực đại toàn hệ thống là 45.434MW, tăng 4,41%. Sản lượng điện sản xuất và mua của EVN là 261,2 tỷ kWh, tăng 6,08%, còn điện thương phẩm toàn Tập đoàn đạt 242,3 tỷ kWh, bằng 99,97% kế hoạch và tăng 7,53% so với năm 2021.

108 NHÀ MÁY ĐIỆN
tham gia trực tiếp trong thị trường điện, chiếm **38%** với tổng công suất đặt
30.937 MW

TỔNG CÔNG SUẤT ĐẶT NGUỒN ĐIỆN
≈77.800 MW
tăng gần **1.400**MW so với năm 2021

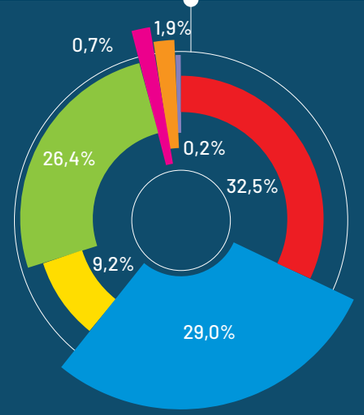
TỔNG CÔNG SUẤT CÁC NGUỒN ĐIỆN NLTT
20.165 MW
chiếm **26,4%** trong tổng công suất đặt nguồn điện

SẢN LƯỢNG ĐIỆN

ĐIỆN SẢN XUẤT VÀ NHẬP KHẨU
268,4 tỷ kWh
tăng **5,26%** so với năm 2021

ĐIỆN THƯƠNG PHẨM
242,3 tỷ kWh
tăng **7,53%** so với năm 2021

CƠ CẤU CÔNG SUẤT NGUỒN ĐIỆN TOÀN HỆ THỐNG



Nhiệt điện than	32,5%	Điện nhập khẩu	0,7%
Thủy điện	29,0%	Nhiệt điện dầu	1,9%
Tuabin khí	9,2%	Nguồn khác	0,2%
Năng lượng tái tạo	26,4%		

Phát triển ngành Điện phù hợp với

CAM KẾT

của VIỆT NAM tại COP26



TẠI HỘI NGHỊ COP26, VIỆT NAM ĐÃ ĐƯA RA CAM KẾT MẠNH MẼ VỚI CỘNG ĐỒNG QUỐC TẾ VỀ VIỆC ĐẠT MỨC PHÁT THẢI RÒNG BẰNG "0" VÀO NĂM 2050. CAM KẾT NÀY THỂ HIỆN QUYẾT TÂM CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHUYỂN DỊCH TỪ NGUỒN NĂNG LƯỢNG HÓA THẠCH TRUYỀN THỐNG SANG CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG XANH, SẠCH, GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH, CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Ngay sau Hội nghị COP26, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã thành lập Ban Chỉ đạo Quốc gia về thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26 và phân công các bộ, ngành xây dựng kế hoạch hành động trong từng lĩnh vực. Trong đó, quá trình chuyển dịch năng lượng đang được chỉ đạo đẩy nhanh trên tinh thần phát huy nội lực, đồng thời tăng cường hợp tác, hỗ trợ từ các đối tác quốc tế, các định chế tài chính song phương và đa phương.

Tại Hội thảo "Tác động của COP26 đến chuyển dịch năng lượng theo hướng tăng trưởng xanh" tổ chức ngày 17/8/2022, Thứ trưởng Bộ Công thương Đặng Hoàng An cho biết, để thực hiện các cam kết tại Hội nghị COP26, cũng như đạt được các mục tiêu tăng trưởng xanh Quốc gia giai đoạn 2021-2030, Việt Nam đặt ra bốn mục tiêu lớn trong chuyển dịch năng lượng, gồm:

- **Thứ nhất**: Không phát triển thêm các nhà máy điện than mới sau năm 2030, phát triển các nguồn điện chạy khí ở mức độ hợp lý để tránh lệ thuộc vào thị trường thế giới và xây dựng lộ trình chuyển đổi nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện chạy than, khí hiện có.
- **Thứ hai**: Tiếp tục tăng mạnh tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo để tận dụng thế mạnh của Việt Nam.
- **Thứ ba**: Tìm hiểu, tiếp cận sớm các công nghệ sử dụng các nguồn năng lượng sơ cấp như hydro xanh, amoniac xanh.
- **Thứ tư**: Cải thiện hạ tầng truyền tải và phân phối, nâng cấp khả năng kỹ thuật của hệ thống điện Quốc gia về vận hành an toàn, đủ khả năng hấp thụ tỷ trọng ngày càng lớn của năng lượng tái tạo.

Với các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, nhiều chuyên gia và doanh nghiệp cũng cho rằng, dự thảo Quy hoạch điện VIII cần đưa năng lượng tái tạo phát triển nhanh hơn, bên cạnh việc loại bỏ dần các dự án điện than. Đặc biệt, Quy hoạch điện VIII được hy vọng sẽ tạo ra bước đổi mới quan trọng; là cơ sở, nền tảng để huy động các nguồn lực, đầu tư phát triển ngành Điện, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội. Hơn nữa, đây cũng là công cụ để kiểm soát, quản lý hiệu quả, bền vững, đảm bảo an ninh các nguồn năng lượng cho Quốc gia.



MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Vận hành các tổ máy trong EVN*GENCO3* đáp ứng theo phương thức huy động của Điều độ hệ thống điện Quốc gia.
- Đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHĐCĐ thông qua.
- Triển khai xúc tiến đầu tư, hợp tác đầu tư dự án nguồn điện mới.
- Triển khai công tác tái cơ cấu nhằm nâng cao năng lực tài chính của Tổng Công ty, đáp ứng thu xếp vốn cho đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện mới được phê duyệt.
- Đảm bảo việc làm và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV.



NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

- Đảm bảo vận hành ổn định, tin cậy và kinh tế các nhà máy điện.
- Thực hiện tối ưu hóa chi phí, đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh.
- Triển khai xúc tiến đầu tư Nhà máy điện khí LNG tại TTĐL Long Sơn; Khảo sát lập dự án đầu tư và xin chủ trương đầu tư NMTĐ Srêpôk 3 MR và Buôn Kuốp MR; Hợp tác góp vốn đầu tư Cụm Thủy điện nhỏ khu vực Tây Bắc; Nghiên cứu đầu tư nguồn điện gió trên bờ/ngoài khơi và loại hình năng lượng tái tạo khác theo Quy hoạch điện VIII.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác tiêu thụ tro xỉ của NMNĐ Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1 với khối lượng lớn và lâu dài, bền vững.
- Tiếp tục hoàn thiện: quản trị chuyên nghiệp, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thành tổ chức học hỏi; sắp xếp lao động tối ưu, chuyên nghiệp, gắn tiền lương, thu nhập, cơ hội phát triển nghề nghiệp với hiệu quả công việc của từng cá nhân KPI.
- Bảo đảm công tác an ninh - quốc phòng; tích cực thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA EVN*GENCO3*

ĐỊNH HƯỚNG DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ PHẦN

Nhận thức vai trò và vị trí trên thị trường phát điện, để phục vụ cho mục tiêu phát triển lâu dài và duy trì thị phần phù hợp trong giai đoạn tới, EVN*GENCO3* đã và đang triển khai các định hướng chính như sau:

Công tác sản xuất điện: Tối đa sản xuất các nguồn điện hiện có và từng bước triển khai chuyển đổi nhiên liệu theo Nghị quyết số 121/NQ-HĐQT ngày 19/9/2022 về chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến 2035.

» **Nhiệt điện than:** Với phương châm đa dạng hoá và chủ động nguồn cung nhiên liệu; tiếp tục tìm kiếm mua các nguồn than anthracite phù hợp trên thế giới để sử dụng vận hành trực tiếp cho các nhà máy, giảm dần sự phụ thuộc nguồn than trong nước ngày càng khan hiếm; triển khai nghiên cứu chuyển đổi vận hành phối trộn với Amonia, Biomass để giảm phát thải.

» **Nhiệt điện khí:** Triển khai mua thêm khí LNG nhập khẩu để phát huy hiệu quả của các NMĐ Phú Mỹ, Bà Rịa có công nghệ thân thiện với môi trường. Nghiên cứu nâng cấp/đầu tư mới công nghệ để vận hành phối trộn với khí Hydrogen trong tương lai.

» **Công tác đầu tư các dự án nguồn điện:** Dịch chuyển năng lượng sạch. Với các định hướng và tình hình tài chính vững vàng, EVN*GENCO3* đặt mục tiêu phấn đấu tăng trưởng và duy trì tỷ lệ công suất lắp đặt hơn 10% so với hệ thống điện và đóng góp tỷ trọng sản lượng điện hàng năm vào khoảng 15% bằng việc tham gia phát triển đầu tư khoảng 2.700 MW nguồn điện mới bằng các công nghệ điện khí LNG, thuỷ điện vừa/nhỏ và điện gió trên bờ, ngoài khơi.



ĐỊNH HƯỚNG VỀ CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

NHẬN THỨC RÕ MỤC TIÊU PHẢI PHÁT TRIỂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, EVNGENCO3 ĐÃ XÁC ĐỊNH CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG SẠCH LÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI, ĐỂ CÙNG CHUNG TAY GIẢM THIỂU CÁC TÁC NHÂN GÂY BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.



Ngày 19/9/2022, Hội đồng Quản trị EVN*GENCO3* ban hành Nghị quyết số 121/NQ-HĐQT về chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến 2035. Hiệu lệnh đã ban ra, đoàn tàu EVN*GENCO3* lăn bánh trên con đường chuyển dịch năng lượng sạch.

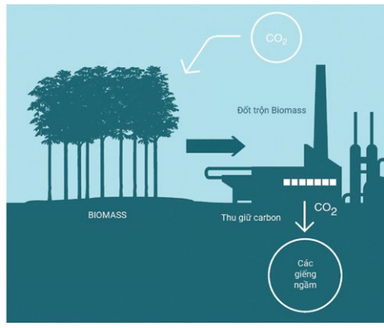
Con đường chuyển dịch năng lượng sạch với nhiều tiềm năng và cũng lắm thách thức phải vượt qua để đạt được các mục tiêu đến 2035 và xa hơn nữa. Một chặng đường cần quyết tâm mạnh mẽ và hành động cụ thể để vượt qua.



Trong giai đoạn đầu của hành trình này, các nhà máy nhiệt điện than của EVN*GENCO3* sẽ được ưu tiên đầu tư với mục tiêu đảm bảo phát thải bằng các giải pháp nâng cấp cải tiến thiết bị môi trường, thu giữ cacbon. Ngoài ra, áp dụng các công nghệ đốt trộn Amonia, đốt trộn Biomass cũng sẽ góp phần cho việc đảm bảo phát thải của các nhà máy điện than.

Đối với các turbine khí, việc chuyển dịch năng lượng sạch sẽ được thực hiện trong giai đoạn sau, trong đó việc đốt trộn được Hydro là ưu tiên hàng đầu. Các turbine khí hiện hữu sẽ được nâng cấp cải tiến, các dự án mới phải lựa chọn công nghệ đảm bảo việc đốt trộn Hydro và có thể mở rộng cho tương lai. Bên cạnh đó, EVN*GENCO3* cũng sẽ tham gia vào nhiều lĩnh vực của thị trường Hydro đang rất sôi động và đầy tiềm năng hiện nay.





Không chỉ là định hướng, ngay lúc này EVN*GENCO3* cùng với nhiều đối tác sẵn sàng về công nghệ, mong muốn đồng hành cùng EVN*GENCO3* hiện thực hóa mục tiêu chuyển dịch năng lượng sạch bằng những dự án với tổng công suất khoảng 2.700 MW:

- Nhà máy điện khí LNG Long Sơn 1: 1.500 MW
- Điện gió ngoài khơi: 500 MW
- Điện gió trên bờ: 250 MW
- Thủy điện Srêpốk 3 mở rộng: 110 MW
- Thủy điện Buôn Kuốp mở rộng: 140 MW
- Thủy điện vừa và nhỏ khu vực Tây Bắc: 200 MW

Với khát vọng vươn lên thực hiện trọn vẹn sứ mệnh của mình EVN*GENCO3* tự tin đi đến đích trên hành trình chuyển dịch năng lượng sạch, phát triển bền vững, hướng đến một tương lai tươi sáng hơn cho thế hệ mai sau.





ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA EVN*GENCO3* (TIẾP THEO)

ĐỊNH HƯỚNG TÁI CƠ CẤU EVN*GENCO3*







Quá trình tái cơ cấu được đánh dấu từ thời điểm 27/9/2018 khi EVN*GENCO3* là Tổng Công ty phát điện đầu tiên trong EVN chính thức chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, cổ phiếu PGV chính thức giao dịch trên sàn UpCom. Gần 4 năm sau đó, ngày 10/02/2022 cổ phiếu PGV chính thức niêm yết và giao dịch trên sàn HOSE, với những chuẩn mực cao hơn trong hoạt động niêm yết, quản trị công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn, mở ra cơ hội đưa EVN*GENCO3* đến gần hơn với các Nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước để tiếp tục thúc đẩy quá trình tái cơ cấu theo định hướng chiến lược phát triển của EVN*GENCO3*.

Hiện nay, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Điện lực Việt Nam giai đoạn 2021-2025, theo đó EVN sẽ thực hiện giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần tại EVN*GENCO3* xuống mức 51% vốn điều lệ.

Để chuẩn bị cho lộ trình tái cơ cấu trong giai đoạn tới, EVN*GENCO3* đã và đang tiếp tục tìm kiếm các Nhà đầu tư tiềm năng, đặc biệt là các Nhà đầu tư chuyên nghiệp về tài chính, công nghệ,... và các Tập đoàn lớn trên Thế giới trong cùng lĩnh vực hoặc lĩnh vực tương đồng để tham gia mua cổ phần và trở thành cổ đông lớn của Tổng Công ty. Với sự tham gia của các Nhà đầu tư lớn, EVN*GENCO3* mong muốn sẽ tiếp tục nâng cao nguồn lực và hướng đến một giai đoạn phát triển mới cùng với sự phát triển của ngành điện Việt Nam.



TRONG SUỐT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, DOANH NGHIỆP LUÔN PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NHỮNG NGUY CƠ, THÁCH THỨC ĐẾN TỪ MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI VÀ TỪ TRONG NỘI TẠI DOANH NGHIỆP. DO ĐÓ, TÁI CƠ CẤU NHẰM NÂNG CAO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ BẮT ĐẦU MỘT CHU KỲ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DOANH NGHIỆP LÀ RẤT CẦN THIẾT TRONG KỶ NGUYÊN KINH DOANH VUCA NGÀY NAY.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CUNG CẤP DỊCH VỤ

CUNG CẤP DỊCH VỤ SỬA CHỮA - VẬN HÀNH O&M

Với nền tảng hơn 25 năm sửa chữa các loại hình nhiệt điện của các nhà sản xuất MPW, GE, Siemens, Doosan, SEC,... Công ty EPS (chi nhánh của EVN*GENCO3*) đã không ngừng tích lũy kinh nghiệm, làm chủ công nghệ, phát triển thị trường và hiện nay đã thực hiện sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn các nhà máy điện thuộc EVN*GENCO3* và EVN với tổng công suất gần 6.700 MW.

Bên cạnh duy trì thị trường, Công ty EPS không ngừng được đào tạo chuyên sâu về sửa chữa bảo dưỡng tuabin, máy phát, lò hơi, tuabin gió, công nghệ gia công chế tạo, công nghệ tối ưu hóa vận hành lò hơi, cân bằng động,... tại các nước tiên tiến trên thế giới nhằm hướng đến cung cấp dịch vụ Vận hành và bảo dưỡng trọn gói cho các nhà máy điện trong và ngoài nước.











CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng cũng là thế mạnh của EVN*GENCO3*. Với kinh nghiệm hơn 25 năm tham gia phát triển đầu tư, xây dựng các dự án trung tâm điện lực quy mô lớn gồm tuabin khí chu trình hỗn hợp ở Phú Mỹ, nhiệt điện than ở Vĩnh Tân và Mông Dương, thủy điện (ở Buôn Kuốp, Bản Chát),... trong thời gian tới EVN*GENCO3* sẽ là đối tác tin cậy cung cấp dịch vụ quản lý các dự án điện trong và ngoài ngành.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

NGUỒN NHÂN LỰC

Bệ phóng đưa EVN*GENCO3* CẤT CÁNH BAY CAO



Con người luôn là gốc rễ của mọi sự phát triển, đổi mới và góp phần quan trọng trong việc cải tổ, phát triển, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ và cả ngành Điện Việt Nam đang tập trung vào quá trình chuyển dịch năng lượng, hướng tới giảm thải carbon bằng 0 theo cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị COP 26.

Chia sẻ của Đ/c Trần Đình Nhân
Tổng Giám đốc EVN tại Hội nghị TC&NS EVN

Song hành với chiến lược chuyển đổi số và chuyển dịch năng lượng sạch, EVN*GENCO3* chủ động triển khai các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực để "đi trước một bước", trong đó "tinh thần khai phóng" là nét chủ đạo trong các khóa học tập và đào tạo kỹ năng mềm với tiêu chí "thấu hiểu để được hiểu", xác lập tinh thần cùng nhau tạo ra sự khác biệt, đa dạng, hợp tác đưa ra quyết định là nét riêng của EVN*GENCO3*.







Cán bộ quản lý có vai trò tiên phong trong đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị, thích ứng linh hoạt để dẫn dắt và xây dựng đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật cao, tác phong chuyên nghiệp, đáp ứng được các yêu cầu phát triển ngành điện theo chuẩn mực quốc tế. Đội ngũ kỹ thuật của EVN*GENCO3* được đào tạo chuyên môn sâu, nắm bắt và làm chủ công nghệ và hệ thống thiết bị, thay thế được các chuyên gia nước ngoài, quản lý vận hành hệ thống điện an toàn, hướng đến dịch vụ cung ứng nguồn lực chất lượng cao về vận hành, sửa chữa các loại hình công nghệ.

Với tinh thần chủ động "đi trước một bước" EVN*GENCO3* đã chuẩn bị mọi nguồn lực về quản trị, QLDA, công nghệ vận hành, sửa chữa theo định hướng chiến lược phát triển năng lượng sạch góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển bền vững trong xu thế chuyển dịch năng lượng, điển hình là chương trình đào tạo công nghệ tuabin điện gió tại Mỹ, đào tạo điện gió offshore tại Úc, Đào tạo sửa chữa tuabin hơi tại GE, Hoa Kỳ,... và nhiều chương trình đào tạo khác.

Bước sang một chặng đường mới với khát vọng chinh phục các mục tiêu mới để tiếp tục bứt phá vươn xa hơn nữa, EVN*GENCO3* với sự tràn đầy nhiệt huyết sức trẻ của các "chiến binh" trên các mặt trận từ quản lý vận hành, kỹ thuật, quản lý dự án, quản trị tiên tiến, cùng tinh thần không ngừng đổi mới tư duy sáng tạo, tinh thần khai phóng, chắc chắn rằng tập thể EVN*GENCO3* sẽ tiếp tục cùng nhau tạo nên những giá trị mới, đa dạng và khác biệt trong hành trình tiếp theo.

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2022

- Giá than thế giới tăng cao bất thường gây khó khăn cho công tác cung ứng nhiên liệu; Giá nhiên liệu khí trong nước tăng theo giá dầu thế giới và nguồn khí suy giảm đã ảnh hưởng đến cơ hội được huy động của các nhà máy nhiệt điện khí của Tổng Công ty;
- Nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) chiếm tỷ trọng lớn và được ưu tiên huy động, đặc biệt là ảnh hưởng của điện mặt trời trong khoảng thời gian từ 09÷16 giờ hàng ngày.
- Các NMNĐ khí đều phải phát ở công suất tối thiểu hoặc vận hành theo phương thức khởi động/dừng hàng ngày (Daily Start/Stop).
- Kết quả sản xuất kinh doanh đối diện với một số thử thách nhất định do tỷ giá hối đoái và lãi suất biến động mạnh.

MỘT SỐ KẾT QUẢ, THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2022

Sản lượng điện sản xuất năm 2022

32,242

tỷ kWh

đạt 101,23% so với kế hoạch

Năm 2022, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do những biến động ảnh hưởng đến giá thành và nguồn cung ứng nhiên liệu, nhưng với tinh thần nỗ lực, quyết tâm cao của tập thể Ban Lãnh đạo và đội ngũ nhân viên EVN*GENCO3* đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể như sau:

» Sản lượng điện sản xuất năm 2022 của EVN*GENCO3* (bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các công ty con, công ty liên kết EVN*GENCO3* có cử người đại diện) đạt 32,242 tỷ kWh, đạt 101,23% so với kế hoạch. Trong điều kiện khó khăn về nhiên liệu, cung ứng than bị thiếu hụt, EVN*GENCO3* vẫn đảm bảo được kế hoạch sản lượng điện, điều này cho thấy sự linh hoạt và thích ứng trong điều hành công tác sản xuất.

Chi tiết sản lượng điện sản xuất của các đơn vị như sau:

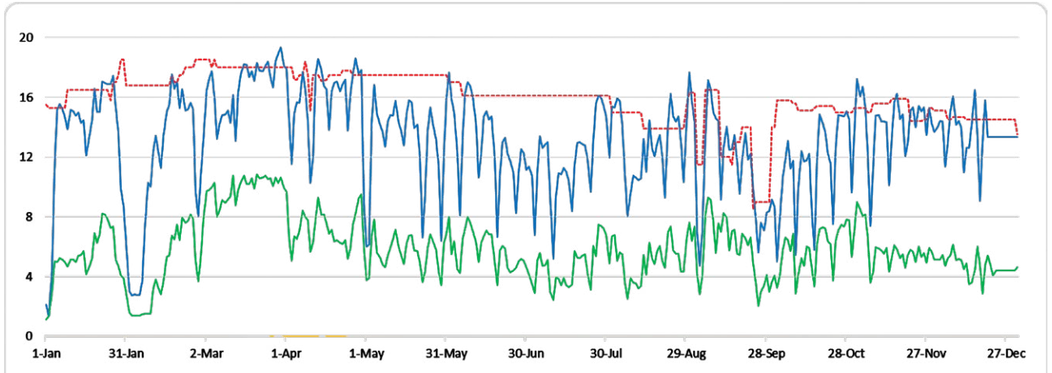
Đơn vị: triệu kWh

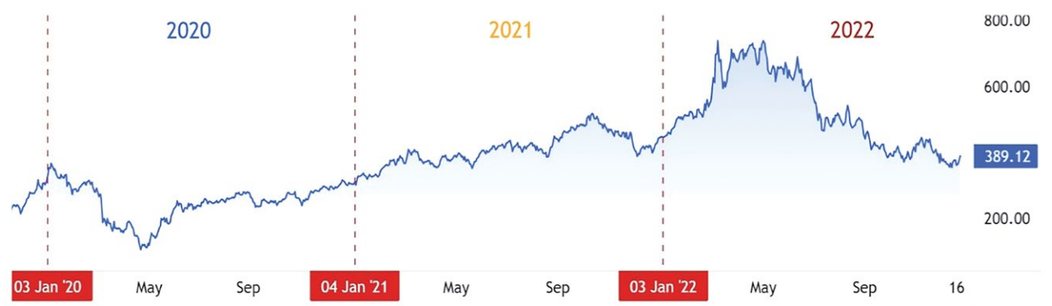
STT	Đơn vị	KH ĐHĐCĐ	TH 2022	So sánh (%) Cùng kỳ	So sánh (%) KH năm
I.	**Công ty mẹ**	**28.472**	**28.141**	**108,65**	**98,84**
1	CTNĐ Phú Mỹ	11.561	11.060	113,08	95,67
2	CTNĐ Vĩnh Tân	7.269	6.760	98,80	93,00
2.1	NMĐ Vĩnh Tân 2	7.210	6.711	98,84	93,08
2.2	ĐMT Vĩnh Tân 2	59,0	49,5	93,89	83,94
3	CTNĐ Mông Dương	6.996	7.020	105,84	100,34
4	CTTĐ Buôn Kuốp	2.645	3.300	124,76	124,76
II.	**Công ty cổ phần**	**3.380**	**4.101**	**111,03**	**121,33**
1	CTCP NĐ Bà Rịa	425	169	25,05	39,66
2	CTCP NĐ Ninh Bình	346	409	94,43	118,21
3	CTCP TĐ Vĩnh Sơn-Sông Hinh	1.857	2.616	146,02	140,86
4	CTCP TĐ Thác Bà	345	409	119,96	118,50
5	CTCP TĐ Sê San 3A	407	498	109,50	122,56
	Tổng cộng	**31.852**	**32.242**	**108,95**	**101,23**

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO NHIÊN LIỆU CHO SẢN XUẤT

NHIÊN LIỆU KHÍ

Năm 2022, nhiên liệu khí cơ bản đáp ứng cho nhu cầu sản xuất điện theo kế hoạch phê duyệt của Bộ Công Thương. Khí tiêu thụ của các NMĐ khu vực Đông Nam bộ khoảng 12,9 triệu m^3/ngày và của các NMĐ Phú Mỹ là 5,8 triệu m^3/ngày. Tuy nhiên, do khả năng cấp khí tối đa bị hạn chế nên trong một số chu kỳ phụ tải tăng cao, tình trạng thiếu khí cho phát điện vẫn xảy ra.





Biểu đồ giá dầu HSFO tăng cao trong năm 2022



GIÁ DẦU THẾ GIỚI TĂNG CAO DO CUỘC KHỦNG HOẢNG NĂNG LƯỢNG TOÀN CẦU ĐÃ KÉO THEO GIÁ KHÍ TRONG NƯỚC TĂNG CAO. GIÁ KHÍ BÌNH QUÂN TRONG NĂM 2022 LÀ 8,83 USD/MMBTU, TĂNG 23,6% SO VỚI NĂM 2021.

NHIÊN LIỆU THAN

Năm 2022, thị trường than thế giới xảy ra nhiều sự kiện bất lợi ảnh hưởng đến cung ứng than như: nhu cầu than tăng mạnh cho phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19, việc tạm ngừng xuất khẩu than của Indonesia trong tháng 01/2022, cuộc chiến giữa Nga - Ucraina,... dẫn đến nguồn cung cấp than bị gián đoạn và đẩy giá than tăng cao đột biến làm cho việc mua than nhập khẩu gặp nhiều khó khăn phần nào ảnh hưởng đến cung ứng than nói chung và các NMĐ của TCT nói riêng.



Năm 2022 giá than nhập khẩu Nam Phi (API 4) tăng cao

KẾT QUẢ CUNG ỨNG THAN NĂM 2022

CTNĐ Vĩnh Tân: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) cung cấp 1,34 triệu tấn, Tổng Công ty Đông Bắc 1,43 triệu tấn, đạt khối lượng hợp đồng, EVN*GENCO3* tự mua 0,53 triệu tấn.

CTNĐ Mông Dương: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) cung cấp 3,04 triệu tấn đạt theo hợp đồng, Tổng Công ty Đông Bắc cung cấp khoảng 0,22 triệu tấn, đảm bảo nhu cầu sản xuất.



ĐẢM BẢO CÔNG TÁC SỬA CHỮA LỚN

Năm 2022, các đơn vị HTPT đã hoàn thành 06 công trình sửa chữa lớn các tổ máy (Phú Mỹ 1: Trung tu TI GT11, Trung tu TI GT12 và Trung tu CI GT13; Phú Mỹ 4: Đại tu GT42; Mông Dương 1: Trung tu tổ máy S1; BuônTuaSrah: Đại tu Tổ máy H1) đảm bảo an toàn, chất lượng, vượt tiến độ 14 ngày.

Trong năm 2022, công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVN*GENCO3* (EPS) cũng đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, ứng dụng công nghệ RCM, RMS trong công tác bảo dưỡng sửa chữa, đảm bảo cho các nhà máy điện vận hành ổn định, an toàn tin cậy. Đồng thời, EPS cũng đã hoàn thành bộ định mức sửa chữa lớn tổ máy 600MW nhiệt điện than được Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt.

CỔ PHIẾU PGV CHÍNH THỨC GIAO DỊCH TRÊN SÀN HOSE

Từ ngày 10/02/2022, cổ phiếu PGV chính thức chuyển niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Điều này khẳng định uy tín, sự minh bạch trong quản trị doanh nghiệp, mở ra nhiều cơ hội thực hiện các mục tiêu tái cấu trúc trong chiến lược phát triển của EVN*GENCO3*.

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO MÔI TRƯỜNG

Các nhà máy điện của Tổng Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy định về môi trường, các thông số được công khai, minh bạch và truyền trực tiếp về Sở TN&MT địa phương để giám sát và luôn đảm bảo nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Các nhà máy nhiệt điện than tiếp tục tăng cường mật độ phủ xanh với diện tích cây xanh, thảm cỏ đã đạt hơn 30% trên tổng diện tích của các nhà máy.

KẾT QUẢ SXKD NĂM 2022 CỦA CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	TH 2022	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	45.417	46.382	102,13%
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	43.199	43.681	101,12%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	2.218	2.701	121,78%
4	Cổ tức	%	11%	Đảm bảo tỷ lệ 11%	100%

Nhận xét

- Tổng Công ty đạt các chỉ tiêu KH ĐHĐCĐ giao, cổ tức năm 2022 sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua
- Nộp ngân sách Nhà nước năm 2022 của Công ty mẹ Tổng Công ty là 2.079 tỷ đồng.

DOANH THU

DOANH THU CỦA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY NĂM 2022 ĐẠT 45.342 TỶ ĐỒNG, TĂNG 29,8% SO VỚI NĂM 2021 DO GIÁ NHIÊN LIỆU THAN, KHÍ TĂNG SO VỚI NĂM 2021.

STT	Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2021	2022	Tăng/Giảm (%)
1	**Doanh thu bán điện Công ty mẹ**	**34.925**	**45.342**	**29,8%**
1.1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	15.519	20.132	29,7%
1.2	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	1.764	3.010	70,7%
1.3	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	9.289	11.033	18,8%
1.4	Công ty Nhiệt điện Mông Dương	8.353	11.166	33,7%
2	**Doanh thu tại công ty con và doanh thu khác**	**2.833**	**1.945**	**-31,3%**
	Tổng cộng doanh thu hợp nhất	**37.758**	**47.287**	**25,2%**

TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TỶ ĐỒNG)

47.287

TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)

3.057

TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ ĐỒNG)

2.550

LỢI NHUẬN

STT	CHỈ TIÊU	TH 2021	KH 2022	TH 2022	TH/ KH2022	TĂNG/ GIẢM (%)
	Công ty mẹ					
1	Lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG)	2.516	1.905	3.236	169,85%	28,64%
2	Lợi nhuận trước thuế	3.726	2.218	2.701	121,78%	-27,51%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.022	1.827	2.207	120,81%	-26,96%
	Hợp nhất					
1	Lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG)	2.612	1.970	3.293	167,09%	26,05%
2	Lợi nhuận trước thuế	3.912	2.334	3.057	131,01%	-21,85%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.179	1.920	2.550	132,84%	-19,79%

Trong năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện các giải pháp tối ưu sản xuất do đó lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG) là 3.236 tỷ đồng, đạt 169,85% kế hoạch năm và tăng 28,64% so với năm 2021. Năm 2022, Công ty mẹ Tổng Công ty đạt lợi nhuận trước thuế ở mức 2.701 tỷ đồng, đạt 121,78% kế hoạch, tuy nhiên giảm 27,51% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 2.207 tỷ đồng, đạt 120,81% kế hoạch được thông qua tại ĐHĐCĐ.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	ĐVT	2021	2022	TĂNG/GIẢM (+/-)
Khả năng thanh khoản				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,8	1,5	(0,26)
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,51	1,40	(0,11)
Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,23	0,13	(0,10)
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	27,70%	30,63%	7,93%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	72,30%	69,37%	-2,93%
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	74,38%	73,36%	-1,02%
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	25,62%	26,64%	1,02%
Hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu	Lần	2,90	2,75	(0,15)
Năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,54	0,70	0,16
Vòng quay tài sản cố định	Lần	0,81	1,11	0,30
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất sinh lời của Tổng tài sản (ROA)	%	4,51%	3,80%	-0,71%
Tỷ suất sinh lời Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	19,64%	14,55%	-5,09%
Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,16	1,01	(0,15)

ĐÁNH GIÁ/NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

Về khả năng thanh toán: Năm 2022, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của EVN*GENCO3* là 1,5 lần, hệ số khả năng thanh toán nhanh là 1,4 lần, giảm nhẹ so với năm 2021. Các năm vừa qua, EVN*GENCO3* luôn duy trì các hệ số tỷ suất thanh toán ngắn hạn và tỷ suất thanh toán nhanh đều > 1 cho thấy khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn của EVN*GENCO3*.

Về cơ cấu vốn: EVN*GENCO3* là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, đặc thù tài chính của các nhà máy điện là cơ cấu nợ tương đối cao. EVN*GENCO3* có nguồn thu ổn định từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, Tổng Công ty xây dựng lộ trình trả nợ dài hạn đều đặn. Năm 2022, nợ phải trả chiếm 73,36% trên tổng nguồn vốn của Tổng Công ty, giảm 1,02% so với năm 2021. Cấu trúc vốn của EVN*GENCO3* đang dần trở nên lành mạnh hơn, đòn bẩy tài chính giảm dần qua các năm. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 3,87 lần (31/12/2020) xuống còn 2,75 lần (31/12/2022), đảm bảo an toàn tài chính.

Về năng lực hoạt động: Hệ số vòng quay tổng tài sản và vòng quay tài sản cố định tăng tương ứng 0,16 lần và 0,3 lần so với năm 2021 cho thấy hiệu quả của việc sử dụng tài sản ngày càng tăng. Với đặc thù hoạt động kinh doanh có sử dụng tài sản cố định lớn, EVN*GENCO3* luôn chú trọng đến việc quản trị chi phí hoạt động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của tài sản. Đồng thời, các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định luôn được EVN*GENCO3* chú trọng trong những năm qua.

Về khả năng sinh lời: Các chỉ số về khả năng sinh lời của EVN*GENCO3* giảm so với cùng kỳ năm 2021. Năm 2022, ROE giảm từ mức 19,64% xuống 14,55% và ROA giảm từ 4,51% xuống mức 3,88%.

Kết luận: Nhìn chung, EVN*GENCO3* đã ghi nhận một năm 2022 đảm bảo sản xuất điện ổn định dù giá nguyên liệu tăng cao và tỷ giá biến động mạnh. Ngoài việc cải thiện đáng kể hệ số nợ, EVN*GENCO3* còn duy trì được khả năng sinh lời cho đến hiệu quả sử dụng tài sản - nguồn vốn của chủ sở hữu.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

	BAN ĐIỀU HÀNH	CHỨC VỤ
1	Ông **Lê Văn Danh**	Tổng Giám đốc
2	Ông **Cao Minh Trung**	Phó Tổng Giám đốc Sửa chữa và Công nghệ
3	Ông **Nguyễn Thanh Trùng Dương**	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Thị trường điện
4	Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương**	Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Tài Chính
5	Ông **Võ Minh Thắng**	Phó Tổng Giám đốc Đầu tư - Xây dựng
6	Bà **Vũ Phương Thảo**	Kế toán trưởng

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

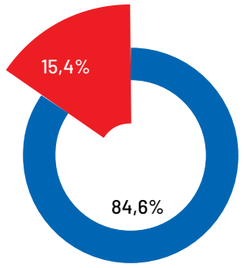
Năm 2022, EVN*GENCO3* không có sự thay đổi trong Ban Điều hành



NHÂN SỰ CÁN BỘ NHÂN VIÊN

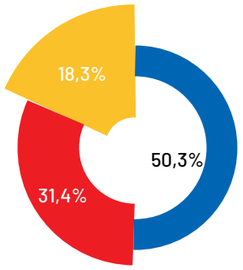
TỔNG CÔNG TY THƯỜNG XUYÊN SẮP XẾP TỐI ƯU LAO ĐỘNG, TUYỂN DỤNG VÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG THẤP HƠN KẾ HOẠCH ĐƯỢC GIAO, LAO ĐỘNG SXKD ĐIỆN BÌNH QUÂN LÀ 2.055 NGƯỜI (KH LÀ 2.075 NGƯỜI), TRONG ĐÓ CÔNG TY MẸ LÀ 1.392 NGƯỜI (KH LÀ 1.393 NGƯỜI). TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2022, SỐ LAO ĐỘNG CƠ QUAN TCT VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC LÀ 2.071 NGƯỜI. THEO ĐÓ:

CƠ CẤU GIỚI TÍNH



	Người
Nam	1.753
Nữ	318

CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ



	Người
Đại học trở lên	1.042
Cao đẳng, trung cấp, trung học	651
So cấp, lao động phổ thông	378

Năng suất lao động đạt kế hoạch được giao:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	TH 2022
1	Điện sản xuất/lao động	Tr.kWh/ng	13,37	13,97
	Trong đó Công ty mẹ	Tr.kWh/ng	19,65	20,22
2	Số lao động/đơn vị công suất lắp đặt	Người/MW	0,35	0,35
	Trong đó Công ty mẹ	Người/MW	0,25	0,25

NHỮNG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc tại EVN*GENCO3* là 8h/ngày. Mỗi tuần người lao động được nghỉ ít nhất 48h liên tục. Tất cả cán bộ, công nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.



Ưu đãi và phúc lợi: Tổng Công ty đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Những ưu đãi và phúc lợi bao gồm: Chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động. Chúng tôi còn thường xuyên rà soát, điều chỉnh chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều ưu đãi thiết thực để đảm bảo an sinh cho toàn thể cán bộ nhân viên.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

EVN*GENCO3* TẬP TRUNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN NHƯ: DỰ ÁN NÂNG CẤP CẢNG THAN VÀ CẢNG DẦU NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 2, CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MẶT TRỜI PHỤC VỤ ĐIỆN TỰ DÙNG NHÀ MÁY, CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CHO DỰ ÁN TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC LONG SƠN, THỦY ĐIỆN VỪA VÀ NHỎ, CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI. TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỰC HIỆN NĂM 2022 ĐẠT 86,41% SO VỚI KẾ HOẠCH.

TỔNG GIÁ TRỊ ĐTXD
thực hiện năm 2022 đạt
86,41%
so với kế hoạch



Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)

TT	Danh mục	KH 2022	Thực hiện	Giải ngân	% TH/KH	% giải ngân/KH
1	Trả nợ gốc	4.851.413	5.028.227	5.028.227	103,64	103,64
2	Góp vốn các dự án điện	199.849	-	-	0	0
3	Đầu tư thuần	918.568	130.021	108.588	14,15	11,82
	Tổng cộng	**5.969.830**	**5.158.248**		**86,41**	**86,05**

BÊN CẠNH NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC, VẪN CÒN MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- Các hạng mục ĐTXD còn vướng các thủ tục nên không đạt tiến độ kế hoạch và khối lượng ĐTXD thấp.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Năm 2022 (triệu đồng)

TT	Các Công ty có vốn góp của EVN*GENCO3*	Sản lượng điện (tr. kWh)	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	ROE (%)
1	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	168,58	599.408	70.744	12%
2	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	409,07	932.671	24.264	19%
3	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	2.616,15	3.094.609	1.264.845	54%
4	CTCP Thủy điện Thác Bà	408,83	742.224	378.788	59%
5	CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	498,39	422.655	130.899	47%
6	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE-PMTP	-	236.358	32.146	6,4%

Sản lượng điện (SLĐ) sản xuất năm 2022 của các công ty con và công ty liên kết của EVN*GENCO3* đạt 4,101 tỷ kWh, đạt 121,33% so với kế hoạch

» Trong năm 2022, các CTCP sản xuất kinh doanh đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn.

» Lợi nhuận sau thuế năm 2022 của các đơn vị vượt so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao như VSH đạt 241%, TBC đạt 230% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ của một số đơn vị tương đối cao như TBC là 59%, VSH là 54%, S3A là 47%.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐÃ HOÀN THÀNH 24 NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021- 2022.

CÁC CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ TIÊU BIỂU HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2022

- Hệ thống giám sát và chẩn đoán từ xa RMS cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1.
- Triển khai đầy đủ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị theo phương pháp RCM cho các NMĐ.
- Hệ thống thu thập dữ liệu thủy văn và cảnh báo lũ với các hạng mục chính như: xây dựng mô hình dự báo dòng chảy, huấn luyện mạng Nơ-ron cho các hồ chứa; xây dựng các bản đồ số hiển thị các công trình, mốc ranh, trạm cảnh báo, phạm vi ngập lụt, tích hợp lên website; xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du, ...
- Phần mềm Elogbook cho các NMĐ với các chức năng nổi bật như: Quản lý thông số, Nhật ký vận hành, Quản lý Phiếu công tác, Phiếu thao tác, cho phép nhập liệu bằng giọng nói, nhận dạng thiết bị thông qua RFID.QR Code, giao nhận ca bằng chữ ký số, ...





CÁC CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ TIÊU BIỂU HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2022

- Cập nhật dữ liệu của phần mềm PMIS, vượt kế hoạch EVN giao: Tổng số hệ thống thiết bị của các NMĐ đã nhập lên PMIS là 126.128, đạt 100% thiết bị được số hóa (tăng 17,2% so với năm 2021) cho 06 trường dữ liệu.
- Hoàn thành công tác quản lý dự án với các nhiệm vụ chính như: ứng dụng nhật ký công trình điện tử, áp dụng phần mềm quản lý tiến độ BIM, số hóa công tác quản lý mua sắm thiết bị cho dự án, ...
- Đưa vào sử dụng 90 Dashboard trên hệ thống Báo cáo quản trị, điều hành BI để phục vụ nhu cầu khai thác phân tích, đánh giá số liệu hàng ngày trong các lĩnh vực hoạt động của TCT.
- Triển khai số hóa 14 quy trình nội bộ của TCT trên nền tảng Base.vn.
- Triển khai Ứng dụng di động phục vụ Người lao động - SmartEVN trong toàn Tổng Công ty.
- Phần mềm quản lý kho vật tư thông minh (WMS) và chuẩn hóa mã vật tư (eCAT): triển khai xây dựng và đưa vào vận hành thử nghiệm phần mềm WMS tại Công ty Thủy điện Buôn Kuốp từ ngày 19/12/2022 trước khi áp dụng trong toàn bộ Tổng Công ty.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2022, EVN*GENCO3* quyết tâm triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao chỉ tiêu kỹ thuật, tối ưu hóa chi phí SXKD, thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, góp phần vào sự phát triển của ngành Điện Việt Nam.

ĐẢM BẢO CÔNG TÁC SẢN XUẤT ĐIỆN ỔN ĐỊNH

- Các nhà máy điện của EVN*GENCO3* đảm bảo an toàn vận hành, đáp ứng tốt yêu cầu huy động của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0), tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về môi trường và thị trường điện, hiệu quả cao. Đồng thời, phát huy tối đa mọi nguồn lực đảm bảo nâng cao năng lực sửa chữa bảo dưỡng thiết bị hướng tới nâng cao hoạt động tin cậy và ổn định thiết bị, hệ thống điện (RCM).
- Năm 2022, tổng sản lượng điện toàn Tổng Công ty đạt 32,242 tỷ kWh đạt 101,23% kế hoạch.

CƠ CẤU NGUỒN VỐN TỐI ƯU

- EVN*GENCO3* phấn đấu duy trì cơ cấu vốn lành mạnh, phù hợp với môi trường kinh doanh, nhưng phải linh hoạt tận dụng tối đa những cơ hội của thị trường để có thể huy động được nguồn vốn tốt. Đồng thời, lựa chọn linh hoạt các công cụ tài chính khác nhau của thị trường nợ & thị trường vốn, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn nhằm đảm bảo dòng tiền được sử dụng hợp lý với chi phí vốn tốt nhất.
- Năm 2022, doanh thu của toàn Tổng Công ty đạt 48.156 tỷ đồng, đạt 102,25% kế hoạch và bằng 122,67% so với cùng kỳ năm 2021. Doanh thu Công ty Mẹ năm 2022 đạt 46.382 tỷ đồng, bằng 102,13% KH và bằng 125,11% so với cùng kỳ năm 2021.
- Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng Công ty đạt 3.057 tỷ đồng, bằng 131,01% KH năm và bằng 78,15% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ năm 2022 đạt 2.701 tỷ đồng, bằng 121,78% KH năm 2022 và bằng 72,49% so với năm 2021.

ĐÓNG GÓP CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- Năm 2022, Công ty mẹ Tổng Công ty nộp ngân sách Nhà nước đạt 2.079 tỷ đồng.

CỦNG CỐ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

- EVN*GENCO3* luôn hướng tới sự phát triển một bộ máy quản trị gọn nhẹ, linh hoạt & hiệu quả. Chính vì vậy, việc củng cố năng lực quản trị là một trong những chiến lược trọng yếu trong năm 2023. Để làm được điều đó, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra các định hướng chính sau:
  - Tinh gọn bộ máy, tinh gọn hệ thống quy định, quy trình để tăng năng suất, hiệu quả.
  - Thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đào tạo thực tế qua công việc và các khóa đào tạo đặc biệt chuyên sâu tại nước ngoài.
  - Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ kỹ thuật 4.0 và kinh nghiệm vào quản trị nhằm tạo ra những đột phá mới.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÀI SẢN

- Tại thời điểm 31/12/2022, Tổng tài sản TCT đạt 66.218 tỷ đồng, giảm 1.739 tỷ đồng tương ứng giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó:
  - Tài sản ngắn hạn đạt 20.281 tỷ đồng, tăng 1.457 tỷ đồng tương ứng tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2021;
  - Tài sản dài hạn đạt 45.937 tỷ đồng, giảm 3.196 tỷ đồng tương ứng giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2021;

NỢ PHẢI TRẢ

- Tính đến hết ngày 31/12/2022, nợ phải trả của Tổng Công ty là 48.575 tỷ đồng, giảm 1.973 tỷ đồng, tương đương giảm 3,9% so với cùng kỳ

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Tiếp tục xây dựng và triển khai các phương án lành mạnh hóa tài chính và nâng cao năng lực, sức hấp dẫn của EVN*GENCO3* trên thị trường.

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023
Tổng doanh thu	tỷ đồng	48.456
Tổng chi phí	tỷ đồng	45.985
Tổng lợi nhuận (chưa bao gồm CLTG)	tỷ đồng	2.472
Trong đó:		
Lợi nhuận SXKD điện (chưa bao gồm CLTG)	tỷ đồng	1.976
Lợi nhuận hoạt động tài chính và khác	tỷ đồng	495

Việc phân phối lợi nhuận (bao gồm nội dung chia cổ tức) sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.



VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

Chỉ tiêu thực hiện năm 2022 Công ty mẹ so với kế hoạch ĐHĐCĐ

- Tổng Công ty đã hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 giao.
- Công tác môi trường được Tổng Công ty đảm bảo, duy trì.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY

Trong năm 2022, HĐQT đã chỉ đạo TCT hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2022 của ĐHĐCĐ, cụ thể:

- HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo, kịp thời giải quyết những nội dung trọng tâm, nhiệm vụ cấp bách cũng như có định hướng dài hạn để đảm bảo các hoạt động TCT; thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua và ban hành đều trên cơ sở thống nhất cao (tỷ lệ 100%) của các thành viên HĐQT; thường xuyên duy trì việc kiểm tra, kiểm toán, giám sát đối với các hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.
- Ban Điều hành đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD-TC-ĐTXD trong TCT kịp thời, hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định Điều lệ TCT, thực hiện các công việc theo đúng phân cấp và các chỉ đạo của HĐQT.





VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. HĐQT luôn theo dõi hoạt động của Ban Điều hành, kịp thời giải quyết những kiến nghị/đề xuất của Ban Điều hành và các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
2. HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc trong Tổng Công ty (TCT) đảm bảo các công việc trong Tổng Công ty tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ và các quy định của pháp luật liên quan.
3. Tham gia các cuộc họp giao ban tuần, tháng; theo dõi sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tổng Công ty, kịp thời chỉ đạo đảm bảo các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao.
4. Chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành trong việc điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.
2. Điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhất quán với định hướng của Hội đồng Quản trị và luôn bám sát thực tiễn, sáng tạo, chủ động tháo gỡ khó khăn và tạo được lợi nhuận ở mức tốt nhất. Có các biện pháp tích cực nâng cao hoạt động quản lý - vận hành thể hiện qua các quy định được ban hành.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TGĐ ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Giám sát Tổng Công ty và các Công ty con trong việc công bố thông tin theo quy định.
- Kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021, thời gian thực hiện từ ngày 23/02 đến ngày 04/3/2022.
- Lập báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (thực hiện vào tháng 04 năm 2022).
- Thẩm định báo cáo quyết toán quỹ tiền lương sản xuất điện năm 2021 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 03/2022).
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 03 năm 2022).
- Thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2022 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 07 năm 2022).
- Thẩm định kế hoạch tiền lương năm 2022 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 05 năm 2022).
- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn chọn nhóm 04 Công ty lớn nhất Việt Nam mời tham gia đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của toàn Tổng Công ty năm 2022 và giai đoạn năm 2023 - 2025.
- Chủ trì và phối hợp Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng Công ty tổ chức giám sát kiểm toán độc lập PwC thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021 của Tổng Công ty (đã thực hiện trong năm 2021 và tháng 01, tháng 02 năm 2022);
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ EVN*GENCO3* một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.
- Họp sơ kết 6 tháng đầu năm 2022 vào ngày 12/7/2022 (họp trực tuyến).
- Họp tổng kết công tác kiểm soát năm 2022 vào ngày 29/11/2022.
- Chủ trì và phối hợp Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng Công ty tổ chức giám sát Kiểm toán độc lập PwC thực hiện kiểm toán BCTC giữa niên độ năm 2022 thực hiện giám sát trong tháng 7 năm 2022; Giám sát công tác kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho tại các đơn vị vào cuối tháng 12/2022.
- Thực hiện kiểm toán trực tiếp các mặt hoạt động của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp từ ngày 24 đến ngày 30/11/2022.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN TGĐ ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát thông qua chương trình E-office, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, khi có yêu cầu.
- Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý của Tổng Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.



NHẬN XÉT CHUNG

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Ban, các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS

- Tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, tập huấn hàng năm về nghiệp vụ Kiểm toán nội bộ, giám sát tài chính và kiểm soát tuân thủ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức.
- Tham dự các phiên họp của Hội đồng Quản trị và các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng của Tổng Công ty.

CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC

- Không có

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

Mã chứng khoán
PGV

GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
(TỶ ĐỒNG)
20.335
(tính đến ngày 31/12/2022)

CỔ ĐÔNG LỚN
Tập đoàn Điện lực Việt Nam
(chiếm 99,19%) - tương đương
1.114,42
TRIỆU CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU LƯU HÀNH
(TRIỆU CỔ PHIẾU)
1.123,47

Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 5,5%

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Căn cứ

- Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/12/2022 bởi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
- Công văn số 2985/*GENCO3*-KH ngày 20/10/2021 của Tổng Công ty Phát điện 3 về việc điều chỉnh loại chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán
- Công văn số 5464/CNVSD-ĐK ngày 25/10/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM về việc thay đổi loại chứng khoán – mã CK: PGV

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của CBCNV: **70.400 cổ phiếu**

- Lý do hạn chế chuyển nhượng: là số cổ phiếu mà CBCNV được mua theo số năm cam kết làm việc lâu dài của CBCNV theo phương án cổ phần hóa.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: kể từ ngày 27/9/2018 (theo Giấy Chứng nhận ĐKKD của Công ty Cổ phần) cho đến hết thời gian cam kết làm việc lâu dài của CBCNV.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết bị hạn chế chuyển nhượng theo số năm như sau:
  - Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 10 năm đến ngày 27/9/2028: 55.000 cổ phiếu;
  - Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 8 năm đến ngày 27/9/2026: 4.000 cổ phiếu;
  - Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 5 năm đến ngày 27/9/2023: 7.000 cổ phiếu;
  - Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 4 năm đến ngày 27/9/2022: 4.400 cổ phiếu;

Số lượng cổ phiếu do các thành viên HĐQT, Ban TGĐ, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng, cổ đông lớn là người có liên quan đến cổ đông nội bộ được các thành viên cam kết nắm giữ như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức niêm yết	Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (1)	Tổng số cổ phiếu sở hữu (2)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch HĐQT	23.455	5.000	28.455	0,003%
2	Lê Văn Danh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	12.600	-	12.600	0,001%
3	Trương Quốc Phúc	Thành viên HĐQT	6.720	-	6.720	0,0006%
4	Nguyễn Minh Khoa	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
5	Đỗ Mộng Hùng	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
6	Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	23.415	-	23.415	0,002%
7	Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc	11.170	5.000	16.170	0,001%
8	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	10.080	-	10.080	0,001%
9	Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	7.180	5.000	12.180	0,001%
10	Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	-	-
11	Đậu Đức Chiến	Thành viên BKS	-	-	-	-
12	Vũ Hải Ngọc	Thành viên BKS	-	-	-	-
13	Vũ Phương Thảo	Kế toán trưởng	945	-	945	0,0001%
	Tổng cộng		**95.565**	**15.000**	**110.565**	**0,01%**

Ghi chú:

(1) Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: là số cổ phiếu mà CBCNV được mua theo số năm cam kết làm việc lâu dài tại Tổng Công ty theo phương án cổ phần hóa và bị hạn chế chuyển nhượng theo số năm cam kết làm được.

(2) Tổng số cổ phiếu sở hữu: là số lượng cổ phiếu sở hữu của cá nhân, không bao gồm số cổ phiếu đại diện sở hữu của Nhà nước.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến thời điểm 31/12/2022, cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**1.998**	**1.123.274.956**	**11.232.749.560.000**	**99,98%**
1.1	Cổ đông tổ chức	7	1.114.522.889	11.145.228.890.000	99,20%
1.2	Cổ đông cá nhân	1.991	8.752.067	87.520.670.000	0,78%
2	**Cổ đông ngoài nước**	**30**	**193.090**	**1.930.900.000**	**0,02%**
2.1	Cổ đông tổ chức	5	147.600	1.476.000.000	0,01%
2.2	Cổ đông cá nhân	25	45.490	454.900.000	0,004%
	Tổng cộng	**2.028**	**1.123.468.046**	**11.234.680.460.000**	**100%**

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

	Họ tên – Chức vụ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Đinh Quốc Lâm - Chủ tịch HĐQT	28.455	0,003%	
	Ông Lê Văn Danh - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	12.600	0,001%	
	Ông Trương Quốc Phúc - Thành viên HĐQT	6.720	0,0006%	Thôi giữ chức vụ từ 14/06/2022
	Ông Nguyễn Minh Khoa - Thành viên HĐQT	0		
	Ông Đỗ Mộng Hùng - Thành viên HĐQT độc lập	0		
BAN KIỂM SOÁT	Ông Phạm Hùng Minh – Trưởng Ban Kiểm soát	0		
	Bà Vũ Hải Ngọc – Thành viên BKS	0		
	Ông Đậu Đức Chiến – Thành viên BKS	0		
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Cao Minh Trung – Phó TGĐ	23.415	0,002%	
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương - Phó TGĐ, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	16.170	0,001%	
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Phó TGĐ	10.080	0,001%	
	Ông Võ Minh Thắng - Phó TGĐ	12.180	0,001%	
KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY	Bà Vũ Phương Thảo - Kế toán trưởng	945	0,0001%	
	Bà Châu Thị Duy Lan - Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Tổng Công ty	2.205	0,0002%	

NĂM 2022 - LÀ CỘT MỐC CHO TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 KHI MÃ CỔ PHIẾU PGV CHÍNH THỨC ĐƯỢC NIÊM YẾT TRÊN SÀN HOSE VÀO NGÀY 10/02/2022. ĐIỀU NÀY KHẲNG ĐỊNH TẦM VÓC CỦA PGV TRÊN THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM VÀ CÀNG NHẤN MẠNH SỰ NỖ LỰC TRONG CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY.

Các hoạt động IR tiêu biểu:

- Ngày 10/02/2022, tổ chức thành công lễ trao Quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu Tổng Công ty Phát điện 3 (mã chứng khoán: PGV) với sự tham gia đông đảo của các đối tác.
- EVNGENCO3 ưu tiên đẩy mạnh các kênh online, trong đó có mảng báo chí. Trong năm qua, tất cả các tin tức về hoạt động của PGV đều cập nhật liên tục trên các trang báo với độ phủ thị trường lớn, nhằm mục đích cung cấp nhanh nhất các hoạt động của EVNGENCO3 đến nhà đầu tư.
- Để các cổ đông và nhà đầu tư có thêm góc nhìn về mã cổ phiếu PGV qua các chuyên viên phân tích hàng đầu trong thị trường. Tổng Công ty đã liên tục cập nhập báo cáo quan hệ cổ đông (IR) theo tháng để các chuyên viên phân tích có thể thường xuyên ra báo cáo về mã cổ phiếu PGV.



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần tới thời điểm hiện nay, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 5%, thời điểm thực hiện: tháng 7/2021), vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng tương ứng.

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY

STT	Thời gian	Vốn thực góp trước khi tăng (đồng)	Vốn thực góp sau khi tăng (đồng)	Hình thức phát hành
1	Tháng 07/2021	10.699.695.770.000	11.234.680.460.000	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2020, với tỷ lệ phát hành là 5%.

TÌNH HÌNH GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP không có cổ phiếu quỹ.

03

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÁT HUY SỨC MẠNH



THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông **Đinh Quốc Lâm**	Chủ tịch HĐQT	17/9/2018 (Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ 15/01/2020)	-
2	Ông **Lê Văn Danh**	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	15/01/2020	-
3	Ông **Trương Quốc Phúc**	Thành viên HĐQT chuyên trách	17/9/2018	14/6/2022
4	Ông **Nguyễn Minh Khoa**	Thành viên HĐQT không chuyên trách	15/01/2020	-
5	Ông **Đỗ Mộng Hùng**	Thành viên HĐQT độc lập	17/9/2018	-

CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022, HĐQT EVN*GENCO3* đã tổ chức thực hiện/chỉ đạo và ban hành 48 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề trọng tâm, chủ trương, kế hoạch và công tác quản trị của TCT; ngoài ra, HĐQT cũng có các Nghị quyết, quyết định, văn bản để thông qua, chỉ đạo các công việc có tính chất định kỳ trong hoạt động của TCT với tỷ lệ thông qua là 100% để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng Công ty.





SỐ LƯỢNG CUỘC HỌP CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông **Đinh Quốc Lâm** Chủ tịch HĐQT	12/12	100%	
2	Ông **Lê Văn Danh** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	12/12	100%	
3	Ông **Trương Quốc Phúc** Thành viên HĐQT	5/5	100%	Thôi giữ chức vụ TV.HĐQT từ 14/6/2022
4	Ông **Nguyễn Minh Khoa** Thành viên HĐQT	12/12	100%	
5	Ông **Đỗ Mộng Hùng** Thành viên HĐQT	12/12	100%	

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ

Các Thành viên HĐQT, Ban TGĐ, BKS và các cán bộ quản lý khác của Tổng Công ty đã và tiếp tục tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty đại chúng theo khung quản trị tiên tiến trên Thế giới

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	17/9/2018	Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Cử nhân Kế toán
2	Ông Đậu Đức Chiến	Thành viên Ban Kiểm soát	17/9/2018	Thạc sĩ Kỹ thuật điện, Kỹ sư Hệ thống điện
3	Bà Vũ Hải Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	17/9/2018	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Phạm Hùng Minh	4	100%	100%
2	Ông Đậu Đức Chiến	4	100%	100%
3	Bà Vũ Hải Ngọc	4	100%	100%

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO

TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT THỰC HIỆN NĂM 2022: **7,469 TỶ ĐỒNG**



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

EVN*GENCO3* XÂY DỰNG KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO HƯỚNG ĐẾN THÔNG LỆ VÀ CHUẨN MỰC QUỐC TẾ, NHƯNG VẪN ĐẢM BẢO PHÙ HỢP VỚI MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VIỆT NAM. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO ("QTRR") TẠI EVN*GENCO3* ĐƯỢC XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI NHẰM CÁC MỤC TIÊU CHÍNH SAU ĐÂY:

1. Hạn chế và ngăn ngừa những rủi ro không cần thiết hoặc những thiệt hại không đáng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
2. Tạo ra cơ chế vận hành trơn tru, minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý điều hành.
3. Đảm bảo cơ chế và tác nghiệp tuân thủ theo quan điểm quản trị điều hành, hệ thống quy trình quy chuẩn hoạt động cũng như quản lý tài chính.

Quan điểm của EVN*GENCO3* là có cơ hội trong rủi ro. Vì vậy, QTRR không phải chỉ bao gồm giảm thiểu rủi ro, mà cần phân tích đầy đủ rủi ro, tối ưu hóa tương quan giữa rủi ro và cơ hội, chấp nhận rủi ro trong phạm vi cho phép của Tổng Công ty. Nhờ đó, Tổng Công ty chọn lọc và chấp nhận rủi ro một cách thận trọng và có kiểm soát vì những mục tiêu kinh doanh hợp lý.

EVN*GENCO3* có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, toàn diện và đồng bộ, liên thông giữa các cấp, trong đó xác định rõ cơ cấu tổ chức và kế hoạch quản trị rủi ro tại EVN*GENCO3*. Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro được thiết lập tích hợp với cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của EVN*GENCO3* trong đó phải có sự tham gia của cấp quản lý, điều hành cao nhất tại EVN*GENCO3*, đơn vị, các ban, phòng chuyên môn nghiệp vụ và bộ phận kiểm soát tuân thủ của EVN*GENCO3*. EVN*GENCO3* đã áp dụng ISO/IEC 27001 là hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS) để đánh giá theo các tiêu chuẩn quốc tế. Chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 21001 sẽ thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý hiệu quả giúp EVN*GENCO3* kiểm soát tính an toàn và bảo mật tài sản thông tin của đơn vị mình.





CÁC VẤN ĐỀ RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ



Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: Tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân thương mại, dịch bệnh... Nền kinh tế hội nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền rủi ro ngày càng nhanh mà còn khuếch đại tác động mà rủi ro đó đem lại. Là một cá thể tham gia vào tổng thể hoạt động của nền kinh tế, chắc chắn Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước sự thay đổi của các nhân tố đó.

Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế giúp dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

RỦI RO VỀ PHÁP LÝ



Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các chính sách thuế, chính sách về giá bán điện, các cam kết hội nhập, các quy định về bảo vệ môi trường... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Tổng Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Do đó, Tổng Công ty luôn thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan để nắm bắt kịp thời những thay đổi trong các quy định pháp luật, đồng thời giảm thiểu rủi ro cho Tổng Công ty.

RỦI RO ĐẶC THÙ



VỀ NHIÊN LIỆU THAN

» Hiện nay các NMNĐ than của EVN*GENCO3* đều đã ký hợp đồng cung cấp than dài hạn với Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Đông Bắc để đảm bảo khoảng 80% nhu cầu than cho nhà máy hoạt động. Giá than của Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc bán cho sản xuất điện chịu sự điều tiết của cơ quan nhà nước nên giá than khá ổn định.

» Đối với nguồn than nhập khẩu, Tổng Công ty sẽ cân đối so với nguồn trong nước để nhập khẩu khi giá phù hợp.

VỀ NHIÊN LIỆU KHÍ

» Các nhà máy điện Phú Mỹ được bao tiêu khí đến năm 2023, sau thời điểm trên, Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần có thể có rủi ro về giá khí và nguồn cung cấp. Nhưng đây cũng là cơ hội để Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần tìm được nguồn nhập LNG có giá cạnh tranh hơn. EVN*GENCO3* sẽ triển khai mua nguồn khí thiên nhiên hóa lỏng LNG nhập khẩu để bù đắp cho phần khí trong nước thiếu hụt so với nhu cầu sản xuất điện do các mỏ khí khu vực Đông Nam Bộ ngày càng suy giảm. Trong thời gian tới, theo quy hoạch một số Kho cảng LNG mới cũng sẽ được xây dựng, khi đó thị trường khí sẽ có tính cạnh tranh cao hơn.

VỀ GIÁ ĐIỆN

» Đặc thù giá bán điện được Nhà nước kiểm soát và điều chỉnh sao cho hài hoà lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng điện. Để đảm bảo lợi ích chung, nhà nước ban hành ra các khung giá bán điện áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau, chính vì thế giá bán điện đôi lúc chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường. Biến động giá không linh hoạt bên cạnh rủi ro về giá nhiên liệu luôn là hạn chế ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Tổng Công ty.





RỦI RO KHÁC



RỦI RO VỀ CỔ PHIẾU

Việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là một xu hướng tất yếu nhằm nâng cao giá trị cho các cổ đông thông qua việc tăng tính thanh khoản và nâng cao hoạt động quản trị, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, khi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên sàn HOSE, giá cổ phiếu sẽ biến động không chỉ phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh nội tại mà còn chịu sự tác động từ biến động chung của thị trường chứng khoán.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trên, Tổng Công ty còn chịu các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty. Để hạn chế rủi ro, Tổng Công ty thường thu thập, nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và thời tiết để lên kế hoạch điều hành Tổng Công ty một cách tối ưu, phù hợp với tình hình chung.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2022

Năm 2022, có sự biến động mạnh về tỷ giá ngoại tệ, giá nhiên liệu (khí, than) tăng mạnh, do đó việc đảm bảo nhiên liệu than, khí cho hoạt động sản xuất điện, chế độ vận hành daily start/stop đối với các NMĐ Phú Mỹ, thời gian dừng dự phòng các tổ máy dài do không có nhu cầu huy động từ Hệ thống điện, công tác triển khai đầu tư xây dựng các nguồn điện mới và công tác quyết toán CPH gặp nhiều khó khăn, đây là những yếu tố rủi ro tác động mạnh đến hiệu quả hoạt động của TCT.

TCT đã triển khai xây dựng hồ sơ rủi ro trọng yếu, hồ sơ rủi ro cấp quy trình năm 2022 theo tiến độ được giao. Hiện nay, TCT đã hoàn thành 198/366 HSRR cấp quy trình, vượt kế hoạch được giao. Trong đó, cơ quan TCT hoàn thành 54/97 hồ sơ; các đơn vị trong TCT hoàn thành 144/269 hồ sơ.

Công tác xây dựng HSRR cấp quy trình được các đơn vị triển khai xây dựng phù hợp, gắn với chuyên môn nghiệp vụ của từng ban/phòng/phân xưởng;

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

TRONG NĂM 2022, EVN*GENCO3* ĐÃ CÓ NHỮNG NỖ LỰC ĐÁNG GHI NHẬN TRONG VIỆC CẢI THIỆN TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ ĐANG TIẾN ĐẾN GẦN NHƯ TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC CHUẨN MỰC CỦA KHU VỰC. CỤ THỂ, KHI THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN, EVN*GENCO3* ĐÃ ĐÁP ỨNG TỐT CÁC TIÊU CHÍ LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG, ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG, VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH. EVN*GENCO3* ĐANG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐỂ CÓ THỂ ĐÁP ỨNG TỐT NHẤT CÁC TIÊU CHÍ CỦA THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN Ở TẤT CẢ CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG THẺ ĐIỂM.

MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA TỔNG CÔNG TY THAM CHIẾU VỚI THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

	THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA EVN*GENCO3*
A	Đối xử bình đẳng với cổ đông	Đáp ứng tốt
B	Đảm bảo tất cả các quyền của cổ đông	Đáp ứng tốt
C	Đảm bảo quyền và vai trò của các bên liên quan	Đáp ứng tốt
D	Công bố và minh bạch thông tin	Đáp ứng tốt
E	Tăng cường trách nhiệm của HĐQT đối với cổ đông	Đáp ứng tốt



Dưới đây là thông tin chi tiết về quản trị công ty của EVN*GENCO3* trong năm 2022 tham chiếu với các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
A	**ĐẢM BẢO TẤT CẢ CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG**	Năm 2022, EVN*GENCO3* đã đảm bảo quyền cho tất cả các cổ đông, nhà đầu tư bao gồm cả quyền lợi về tài chính, quyền tiếp cận thông tin và tham gia vào một số quyết định quan trọng của Tổng Công ty.
A.1	**Quyền cơ bản của cổ đông:** » Quyền tham dự họp ĐHĐCĐ » Quyền nhận cổ tức	**Quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:** Ngày 14/6/2022, tại TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (EVN*GENCO3*), mã chứng khoán PGV đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Đến dự Đại hội có đại diện Lãnh đạo Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Lãnh đạo EVN*GENCO3*, Ban Kiểm soát, lãnh đạo các ban, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty và 54 cổ đông được ủy quyền đại diện cho 1.115.428.656 cổ phần, tương đương 99,3% trên tổng số cổ phần của Tổng Công ty. **Quyền nhận cổ tức:** EVN*GENCO3* đã thực hiện chi trả đầy đủ cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 thông qua và theo đúng quy định của pháp luật về thủ tục và thời gian chi trả. Cụ thể: chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 13% từ ngày 29/7/2022. TCT cũng đã tạm ứng cổ tức năm 2022 từ ngày 10/02/2023.
A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty	Trong năm 2022, EVN*GENCO3* không có sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
A.3	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết	Ngày 14/06/2022, ĐHĐCĐ thường niên của EVN*GENCO3* đã được tổ chức thành công, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích tối đa của cổ đông, cụ thể: » Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông với nội dung thông tin đầy đủ về thời gian, địa điểm, đối tượng dự họp, chương trình họp, cách thức tham dự ĐHĐCĐ và các thông tin cơ bản khác về việc đăng ký tham dự. » Toàn bộ tài liệu họp được đăng tải công khai trên website TCT bằng tiếng Việt trong thời gian 21 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ. » Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên website TCT vào ngày 15/6/2022, theo đúng quy định với đầy đủ thông tin theo đúng trình tự thời gian trong vòng 24 giờ.
A.4	Thị trường giao dịch thâu tóm Công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.	Trong năm 2022, EVN*GENCO3* không phát sinh các trường hợp này

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (TIẾP THEO)

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
A	**ĐẢM BẢO TẤT CẢ CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG**	
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.	Năm 2022, Tổng Công ty thực hiện bản tin nhà đầu tư định kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin tình hình sản xuất – kinh doanh đến các nhà đầu tư và được đăng tải trên website: https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu. Bộ phận quan hệ nhà đầu tư của TCT cũng sẵn sàng giải đáp các thắc mắc cũng như ghi nhận những thông tin phản hồi từ phía cổ đông và nhà đầu tư. Trong năm, EVN*GENCO3* tham gia chương trình gặp mặt nhà đầu tư do CTCP Chứng khoán SSI, VCBS tổ chức.
B	**ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG**	

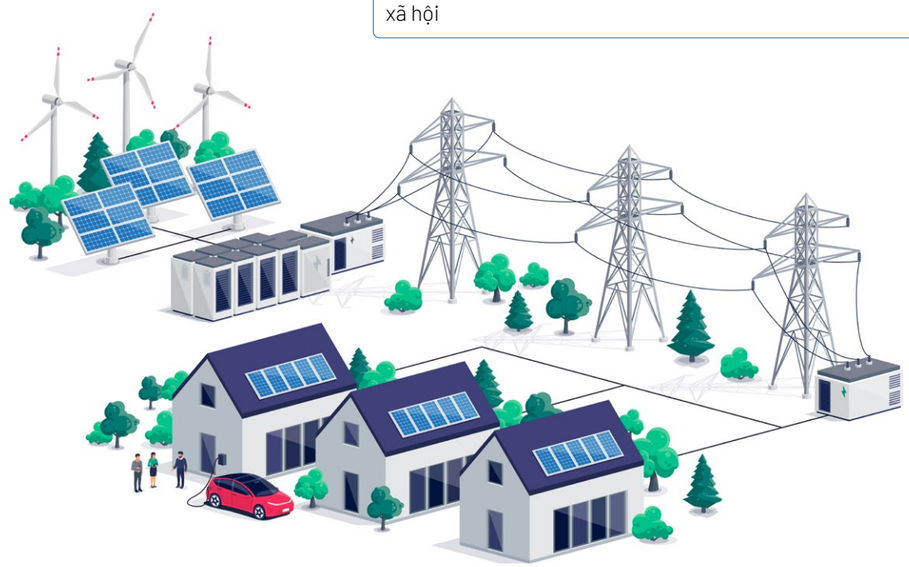
EVN*GENCO3* cung cấp đầy đủ và công khai các thông tin theo quy định cho tất cả các cổ đông bằng cả hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Các cổ đông đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên của EVN*GENCO3*.

B.1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết	TCT chỉ có cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có một quyền biểu quyết.
B.2	Thông báo ĐHĐCĐ	Toàn bộ thông báo, tài liệu ĐHĐCĐ được gửi trực tiếp đến địa chỉ cổ đông đã đăng ký và đăng tải trên website của TCT: https://www.genco3.com/ trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ 21 ngày.
B.3	Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân	Chương X trong Điều lệ EVN*GENCO3* quy định rõ các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của EVN*GENCO3*. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm phải bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Bên cạnh đó, TCT còn thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao	Các giao dịch liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT được quy định tại khoản 7 điều 42 trong Điều lệ TCT.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
C	**ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**	

Các hoạt động kinh doanh của EVN*GENCO3* đều được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cao nhất cho các bên liên quan.

Các bên liên quan	Cam kết của TCT đối với các bên liên quan
Khách hàng	Tuân thủ quy định của pháp luật và các hợp đồng mua bán điện với Công ty mua bán điện EPTC
	Ban hành đầy đủ các quy chế đấu thầu và mua sắm hàng hóa đảm bảo quy định pháp luật
Cổ đông, nhà đầu tư	Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ TCT
Cán bộ nhân viên	Thỏa ước lao động tập thể và nội quy TCT
Cộng đồng	Chăm lo cộng đồng bằng nhiều hoạt động an sinh xã hội
Chính phủ và các bộ ngành	Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động và đóng góp vào ngân sách Nhà nước.
Đối tác, nhà cung cấp	Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về đấu thầu và mua sắm hàng hóa.
Báo chí và cơ quan truyền thông	TCT chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh với Báo chí và truyền thông mạng xã hội



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (TIẾP THEO)

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
D	**CÔNG BỐ VÀ MINH BẠCH THÔNG TIN**	
	EVN*GENCO3* luôn tuân thủ đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn các quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Đồng thời, tất cả các bên liên quan đều có thể tiếp cận thông tin phải công bố của EVN*GENCO3* cập nhật trên website của Tổng Công ty.	
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch	Thông tin về cấu trúc sở hữu và mô hình hoạt động của TCT; dữ liệu về cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, thành viên HĐQT và Ban Điều hành; giao dịch với các bên liên quan được công bố và cập nhật công khai trong Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị và website của TCT.
D.2	Chất lượng và thời hạn công bố của Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính	Báo cáo thường niên của EVN*GENCO3* được lập đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính của EVN*GENCO3* luôn được công bố đúng thời hạn và theo đúng các quy định về công bố thông tin.
D.3	Cung cấp thông tin hoạt động kinh doanh của công ty	Các thông tin liên quan và trọng yếu về hoạt động kinh doanh của EVN*GENCO3* được công bố kịp thời thông qua website TCT: https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu.
D.3	Quan hệ nhà đầu tư	EVN*GENCO3* ưu tiên đẩy mạnh các kênh online, trong đó có mảng báo chí. Trong năm qua, tất cả các tin tức về hoạt động của TCT đều cập nhập liên tục trên các trang báo với độ phủ thị trường lớn, nhằm mục đích cung cấp nhanh nhất các hoạt động của TCT đến nhà đầu tư. Để các cổ đông và nhà đầu tư có thêm góc nhìn về mã cổ phiếu PGV qua các chuyên viên phân tích hàng đầu trong thị trường, Tổng Công ty đã liên tục cập nhập báo cáo quan hệ cổ đông (IR) theo tháng để các chuyên viên phân tích có thể thường xuyên ra báo cáo về mã cổ phiếu PGV.





STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
E	**TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG**	
E.1	Cơ cấu và vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT	Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và thù lao của thành viên HĐQT được quy định rõ trong Chương VII Điều lệ TCT; HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao, lương thưởng hàng năm; ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ để thực hiện theo quy định và được công bố công khai trên Báo cáo thường niên.
E.2	Cuộc họp HĐQT	Trình tự và thủ tục họp HĐQT được quy định cụ thể tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của EVN*GENCO3*. Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện 12 phiên họp.
E.3	Tính độc lập của thành viên HĐQT	Tại EVN*GENCO3*, chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc được tách bạch, giúp gia tăng trách nhiệm và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của HĐQT và Ban Điều hành. TCT có 1 thành viên độc lập HĐQT để hỗ trợ và thực hiện các công việc liên quan.
E.4	Các tiểu ban trực thuộc HĐQT	Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT là không bắt buộc. Theo nhu cầu công việc, cho đến thời điểm này HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.5	Hiệu quả HĐQT	Năm 2022, HĐQT EVN*GENCO3* đã tổ chức thực hiện/chỉ đạo và ban hành 48 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề trọng tâm, chủ trương, kế hoạch và công tác quản trị của TCT; ngoài ra, HĐQT cũng có các Nghị quyết, quyết định, văn bản để thông qua, chỉ đạo các công việc có tính chất định kỳ trong hoạt động của TCT với tỷ lệ thông qua là 100% để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng Công ty. Các thành viên HĐQT đều tích cực tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty đại chúng để cập nhật thông tin theo khung quản trị tiên tiến trên thế giới.

04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG là THÁCH THỨC, TRỌNG TÂM của EVNGENCO3

CHÚNG TÔI ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN CƠ SỞ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC VÀ TIÊU CHUẨN GRI 2021. EVN*GENCO3* VỚI KHÁT KHAO TRỞ THÀNH MỘT ĐƠN VỊ SẢN XUẤT ĐIỆN ĐA DẠNG CÁC LOẠI HÌNH TỪ NĂNG LƯỢNG TRUYỀN THỐNG ĐẾN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO. CHÚNG TÔI TẬP TRUNG CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NHƯ SAU:

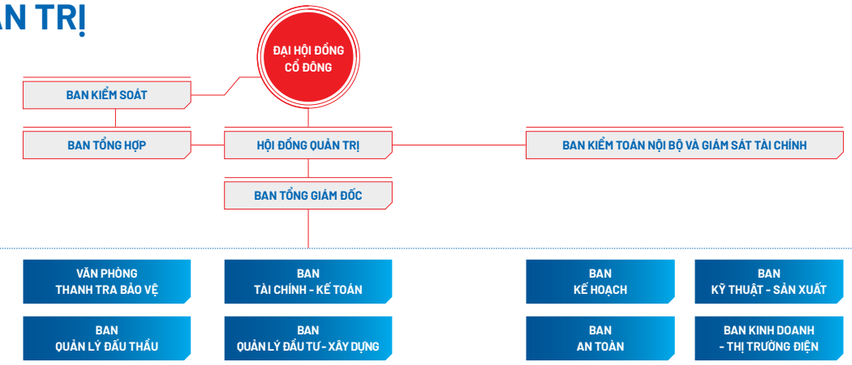
- Duy trì hoạt động sản xuất điện ổn định đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.
- Tuân thủ các quy định về đảm bảo môi trường.
- Phát triển nguồn điện sạch mới theo chương trình chuyển dịch năng lượng của Quốc gia
- Xây dựng đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.





Quản trị bền vững là TRỌNG TÂM trong mọi hoạt động quản trị và vận hành của Tổng Công ty

CƠ CẤU QUẢN TRỊ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA EVN*GENCO3* ĐƯỢC THỰC HIỆN DỰA TRÊN SỰ KẾT HỢP HÀI HÒA GIỮA CÁC YẾU TỐ:

- Nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc: Cơ cấu quản trị của EVN*GENCO3* có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, các Ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Phù hợp thông lệ và pháp luật Việt Nam: Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết.
- Áp dụng thống nhất các công cụ quản trị doanh nghiệp trong toàn Tổng Công ty.

NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định những vấn đề trọng yếu và quan trọng của EVN*GENCO3*.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản lý EVN*GENCO3*, có toàn quyền nhân danh EVN*GENCO3* để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của EVN*GENCO3*, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng Quản trị có vai trò định hướng chiến lược chung và thông qua các mục tiêu chính yếu về kế hoạch phát triển bền vững; cam kết phục vụ vì lợi ích của cổ đông để đạt được sự tăng trưởng bền vững về giá trị công ty. Đồng thời, chịu trách nhiệm toàn bộ về các chính sách và mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ trách điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Đồng thời, đảm nhiệm vai trò triển khai một cách có hệ thống cả cơ hội và rủi ro của hoạt động kinh doanh trong các chiến lược, quy trình và hệ thống quản lý và đảm bảo các mục tiêu về phát triển bền vững của Tổng Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và cổ đông của Tổng Công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời, Ban Kiểm soát có nhiệm vụ tư vấn cho Hội đồng Quản trị về các chiến lược, mục tiêu kinh doanh và phát triển bền vững. Truyền thông các mục tiêu, kế hoạch chi tiết cho các Đơn vị thành viên/Ban chức năng và tổ chức triển khai, kiến nghị điều chỉnh để đảm bảo các mục tiêu đã đề ra.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ CÁC BAN

Có nhiệm vụ triển khai thực hiện kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị. Đồng thời, có trách nhiệm thường xuyên báo cáo, phân tích các vấn đề phát sinh để đề xuất chương trình, mục tiêu phát triển bền vững phù hợp.

GẮN KẾT VỚI 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA LIÊN HỢP QUỐC



SDG - SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS ĐƯỢC HIỂU LÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, HAY MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TOÀN CẦU. ĐÂY LÀ LỜI KÊU GỌI CỦA LIÊN HỢP QUỐC ĐẾN TẤT CẢ CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI NHẰM GIẢI QUYẾT NHỮNG THÁCH THỨC LỚN MÀ NHÂN LOẠI PHẢI ĐỐI MẶT, HƯỚNG ĐẾN MỘT TƯƠNG LAI TỐT ĐẸP VÀ BỀN VỮNG HƠN CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI VÀO NĂM 2030.

Mục tiêu PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG *được chia thành* ***17 mục tiêu*** *liên quan đến các vấn đề phổ biến nhất*

từ đó định hướng cho các cá nhân, doanh nghiệp, chính quyền và các Quốc gia biết phải quan tâm tới vấn đề gì và làm thế nào để xóa đói giảm nghèo, bảo vệ trái đất khỏi những tác động sống của chính con người và đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống mỗi người.

GẮN KẾT CÁC MỤC TIÊU PTBV CỦA EVN*GENCO3* VỚI 17 MỤC TIÊU PTBV CỦA LHQ

HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN MỌI MẶT CỦA CÁC PHƯƠNG DIỆN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG. TRONG NĂM 2022, EVN*GENCO3* ĐÃ PHÁT TRIỂN VÀ ĐẠT MỘT SỐ THÀNH TỰU GẮN LIỀN VỚI 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC NHƯ SAU:



EVN*GENCO3* thực hiện trong năm 2022

1 XÓA NGHÈO

Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở tất cả mọi nơi

- Trong hoạt động cộng đồng, EVN*GENCO3* tài trợ 12 căn nhà "Đại đoàn kết" cho gia đình khó khăn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân cũng phối hợp xây dựng 34 Mái ấm yêu thương và bàn giao cho các gia đình khó khăn, với tổng giá trị hơn 3,4 tỷ đồng.

2 XÓA ĐÓI

Đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng, phát triển nông nghiệp bền vững.

- Tổng kinh phí cho các hoạt động ASXH năm 2022 khoảng 10 tỷ đồng
- EVN*GENCO3* tài trợ cho 47 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi cha mẹ do dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn TP.HCM với số tiền 02 triệu đồng/tháng (bắt đầu từ tháng 10/2021) cho đến khi hoàn thành chương trình học lớp 12 (07 năm)
- Tài trợ cho chương trình "Sữa học đường" hàng năm.

3 SỨC KHỎE VÀ CÓ CUỘC SỐNG TỐT

Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi.

- Hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Năm 2022, chi phí Bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe cho CBCNV là 17,62 tỷ đồng
- Chi phí phụ cấp độc hại đối với NLĐ: 1,43 tỷ đồng
- Chi phí thực hiện đảm bảo an toàn lao động: 1,09 tỷ đồng

4 GIÁO DỤC CÓ CHẤT LƯỢNG

Đảm bảo giáo dục chất lượng, rộng mở và công bằng và nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.

- Trong năm 2022, cơ quan TCT và các đơn vị trực thuộc thực hiện đào tạo, tập huấn 13.810 lượt với sự tham gia của 2.071 học viên, (đào tạo qua E-learning 31.884 lượt). Chi phí đào tạo là 59,55 tỷ đồng. Đảm bảo tối thiểu 40h đào tạo/năm/CBCNV.



EVN*GENCO3* thực hiện trong năm 2022

5 BÌNH ĐẲNG GIỚI

Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái

- EVN*GENCO3* thực hiện bình đẳng giới trong công tác tuyển dụng nhân sự, phát triển tài năng trẻ, đào tạo cán bộ nữ và chính sách phúc lợi. Cụ thể:
  - 100% nữ CBCNV quay lại làm việc sau kỳ nghỉ thai sản.
  - Tỷ lệ lao động nữ/tổng số CBCNV năm 2022 là 17,8%
  - Số cán bộ nữ trong các cấp lãnh đạo, quản lý là 60 người, chiếm 16,9% so với tổng số cán bộ quản lý nam cùng cấp. Năm 2022, đã bổ nhiệm mới thêm 3 nữ cán bộ.
- EVN*GENCO3* đạt được chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu EDGE (Economic Dividends for Gender Equality - Lợi ích kinh tế từ bình đẳng giới), cấp độ ASSESS do tổ chức EDGE Certified Foundation - Thụy Sỹ trao năm 2020-2022 và tái đánh giá thành công chứng chỉ này kể từ ngày 11/01/2023.

6 NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH

Đảm bảo quyền được có nước sạch và các điều kiện vệ sinh môi trường cho tất cả mọi người

1. Nước tiêu thụ

EVN*GENCO3* đang khai thác và sử dụng các nguồn nước sau đây:

- Nước chạy máy sản xuất điện trong nhà máy thủy điện: được tích trong các hồ chứa phía thượng lưu nhà máy, qua hệ thống tuyến năng lượng dẫn vào tuabin phát điện, sau đó đổ ra hạ lưu nhà máy qua hệ thống kênh dẫn và nhập vào các nhánh sông, suối.
- Nước làm mát trong các nhà máy nhiệt điện: được lấy từ sông hoặc biển qua hệ thống kênh dẫn nước vào, đưa vào bình ngưng để trao đổi nhiệt làm mát, sau đó đổ ra lại sông hoặc biển qua hệ thống kênh thoát nước làm mát.
- Ngoài ra, các nhà máy nhiệt điện còn sử dụng nước thủy cục (từ đơn vị cung cấp), nước hồ hoặc nước biển để sản xuất nước khử khoáng phục vụ sản xuất điện; nước biển còn được tận dụng để xử lý môi trường đối với khói thải trước khi qua ống khói.

2. Nước thải

- Nước thải công nghiệp: nước thải phát sinh trong các hoạt động sản xuất của nhà máy, như nước thải nhiễm dầu, nhiễm than, nhiễm hóa chất,... Các nguồn nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung, sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng cho các các mục đích phù hợp hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.
- Nước thải sinh hoạt: không đáng kể. Nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng để tưới cây hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

3. Hệ thống quan trắc online đối với nước mặt, nước biển và nước thải

- Các NMTĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc, giám sát việc khai thác, sử dụng nước hồ và truyền số liệu về cơ quan chức năng theo quy định.
- Các NMNĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống quan trắc online đối với nước mặt, nước biển, nước thải và truyền về Sở TN&MT địa phương theo quy định.
- Đồng thời cũng truyền về trụ sở EVN*GENCO3* để phối hợp giám sát, kiểm soát, góp phần cho công tác quản lý môi trường được kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn.

GẮN KẾT CÁC MỤC TIÊU PTBV CỦA EVN*GENCO3* VỚI 17 MỤC TIÊU PTBV CỦA LHQ (TIẾP THEO)

17 mục tiêu của LHQ

EVN*GENCO3* thực hiện trong năm 2022

7 NĂNG LƯỢNG SẠCH VỚI GIÁ THÀNH HỢP LÝ

Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người.

- EVN*GENCO3* là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất đến ngày 31/12/2022 xấp xỉ 6.559MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời).
- Sản lượng điện (SLĐ) sản xuất năm 2022 của EVN*GENCO3* (bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các đơn vị EVN*GENCO3* có cử người đại diện) đạt 32,242 tỷ kWh, đạt 101,23% so với kế hoạch
- Các NMĐ tham gia chào giá trên thị trường điện cạnh tranh với giá bán điện bình quân năm 2022 của EVN*GENCO3* (chỉ bao gồm các NMĐ HTPT, đã bao gồm các loại phí thuế, chưa VAT) là 1.694,95 đồng/kWh.

8 CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, rộng mở và bền vững, việc làm đầy đủ và năng suất và công việc tốt cho tất cả mọi người.

- Doanh thu sản xuất điện (hợp nhất): 46.779 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất): 3.057 tỷ đồng
- Nộp ngân sách nhà nước (hợp nhất): 2.127 tỷ đồng.
- Lao động SXKD điện bình quân: 2.055 người
- Năng suất lao động:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	TH 2022
1	Điện sản xuất/lao động	Tr.kWh/ng	13,37	13,97
	Trong đó Công ty mẹ	Tr.kWh/ng	19,65	20,22
2	Số lao động/đơn vị công suất lắp đặt	Người/MW	0,35	0,35
	Trong đó Công ty mẹ	Người/MW	0,25	0,25

9 CÔNG NGHIỆP, SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa rộng mở và bền vững, khuyến khích đổi mới.

- Trong giai đoạn 2021-2025, EVN*GENCO3* tập trung thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trên các lĩnh vực quản trị, quản lý kỹ thuật, đầu tư xây dựng, quản lý dự án, công nghệ thông tin và viễn thông. Tiêu biểu như ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để khai thác kho dữ liệu tập trung, phân tích trích xuất thông tin tự động; Xây dựng hệ thống quản lý công tác vận hành - sửa chữa các Nhà máy điện trên thiết bị Mobile; Hoàn thiện hệ thống quan trắc thủy văn, kết hợp bản tin dự báo thời tiết các lưu vực và ứng dụng AI phục vụ cho công tác quản lý vận hành các hồ chứa, nhà máy và cảnh báo lũ cho vùng hạ du các Nhà máy Thủy điện. Đồng thời, tăng cường các giải pháp an ninh bảo mật trong điều kiện các hoạt động công tác của Tổng Công ty diễn ra trên môi trường mạng...

17 mục tiêu của LHQ

EVN*GENCO3* thực hiện trong năm 2022

10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG

Giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia.

- EVN*GENCO3* luôn tôn trọng và giúp đỡ tất cả mọi người, không phân biệt tuổi tác, giới tính, khuyết tật, chủng tộc, sắc tộc, nguồn gốc, tôn giáo, kinh tế và các tình trạng khác.

11 CÁC THÀNH PHỐ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG

Xây dựng các đô thị và các khu dân cư mở cửa cho tất cả mọi người, an toàn, vững chắc và bền vững.

- EVN*GENCO3* là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất đến ngày 31/12/2022 xấp xỉ 6.559MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời). Mỗi năm các nhà máy điện của EVN*GENCO3* cung cấp sản lượng điện hàng năm bình quân khoảng 31-32 tỷ kWh trên toàn lãnh thổ Việt Nam, góp phần quan trọng trong cung ứng điện cho phát triển KT-XH của đất nước.

12 TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM

Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững

- Tại EVN*GENCO3*, tất các nguồn chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đều được quản lý, thu gom, lưu giữ, xử lý đạt yêu cầu theo các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường, các quy định của pháp luật hiện hành.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử sụng, tái chế. Chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại được đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo hợp đồng ký kết.
- Nước thải sau xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng hoặc xả ra môi trường.
- Nước làm mát, nước thải và khí thải được kiểm soát 24/24h qua hệ thống thiết bị quan trắc online tại chỗ, đồng thời truyền số liệu về Sở TN&MT và trụ sở Tổng Công ty.
- Tro xỉ được tiến hành lấy mẫu phân tích đạt hợp chuẩn, hợp quy và sử dụng san lấp mặt bằng, phụ gia bê tông, xi măng, làm vật liệu xây không nung, phối trộn bê tông làm đường giao thông nông thôn,... Trong năm 2022, 100% tro xỉ phát sinh của NMNĐ Mông Dương 1 được tiêu thụ; đối với NMNĐ Vĩnh Tân 2, tỷ lệ này là 92,28% và của NMNĐ Ninh Bình là trên 99%.

GẮN KẾT CÁC MỤC TIÊU PTBV CỦA EVN*GENCO3* VỚI 17 MỤC TIÊU PTBV CỦA LHQ (TIẾP THEO)



EVN*GENCO3* thực hiện trong năm 2022

13 HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU

Hãy hành động khẩn cấp để chống biến đổi khí hậu và các tác động của nó

- » EVN*GENCO3* đã và đang triển khai thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực biến đổi khí hậu, như kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng nhiên liệu đầu vào, thực hiện các giải pháp kỹ thuật để tối ưu hóa các quá trình sản xuất, hạn chế tối đa lưu lượng khói thải phát thải cũng như nồng độ các chất khí gây ô nhiễm, các khí gây hiệu ứng nhà kính.
- » EVN*GENCO3* đã xây dựng định hướng phát triển Sản xuất kinh doanh và Đầu tư xây dựng giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo cam kết COP26, lộ trình chuyển dịch cơ cấu nguồn năng lượng, chuyển đổi nhiên liệu vận hành, tham gia đầu tư các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo.

14 TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN

Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững

- » EVN*GENCO3* sử dụng nước biển để làm mát máy móc thiết bị, xử lý khói thải và sản xuất nước biển thành nước ngọt để phục vụ vận hành sản xuất điện của NMNĐ Vĩnh Tân 2. Nước biển sau làm mát qua quá trình giải nhiệt được dẫn qua kênh hở và đưa trở lại điểm tiếp nhận, không bị nhiễm bởi bất kỳ hóa chất hoặc vật chất nào khác.
- » Nước biển sau hệ thống xử lý nước biển thành nước ngọt được đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt yêu cầu và tái sử dụng.
- » Nước biển sau khi qua hệ thống khử SOx được đưa đến hệ thống sục khí Oxy để xử lý đạt yêu cầu trước khi hòa vào kênh hở.
- » Tại kênh dẫn nước biển vào làm mát và kênh xả nước biển làm mát được lắp đặt thiết bị quan trắc chất lượng nước tự động liên tục.
- » Chất lượng nước biển tại cầu cảng được kiểm soát định kỳ hàng quý. Hoàn toàn không có việc khai thác nguồn lợi biển.
- » Trong những năm qua, rất nhiều loài thủy hải sản đã vào khu vực cầu cảng, kênh nước của NMNĐ Vĩnh Tân 2 sinh sống, phát triển; đặc biệt là các loài san hô với nhiều màu sắc sặc sỡ đã sinh sôi, phát triển tại chân cầu cảng Nhà máy. Điều này chứng tỏ chất lượng nước biển tại khu vực này được bảo vệ nghiêm và duy trì tốt.

15 TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐẤT LIỀN

Bảo vệ, khôi phục và thúc đẩy sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn, quản lý rừng bền vững, chống sa mạc hóa, ngăn chặn và đảo ngược suy thoái đất và ngăn chặn mất đa dạng sinh học

- » Tại các nhà máy điện, cảnh quan cây xanh luôn chăm sóc, cải tạo, tăng diện tích phủ xanh và hình thành môi trường xung quanh xanh, sạch, đẹp.
- » Rừng phòng hộ hoặc rừng nguyên sinh tại khu vực lân cận được bảo vệ tuyệt đối, đảm bảo nguyên trạng.
- » Không có bất kỳ sự tác động nào làm thay đổi hiện trạng môi trường đất, không khí, hệ sinh thái trên cạn hoặc làm mất đa dạng sinh học.



EVN*GENCO3* thực hiện trong năm 2022

16 HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ MẠNH MẼ

Thúc đẩy các xã hội hòa bình và hòa nhập để phát triển bền vững, cung cấp quyền tiếp cận công lý cho tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm và bao trùm ở tất cả các cấp.

- » Công đoàn Tổng Công ty Phát điện 3 tổ chức Hội nghị NLĐ cấp EVN*GENCO3* định kỳ 2 năm/lần, và trong TCT hàng năm luôn có 100% đơn vị cơ sở tổ chức Hội nghị Người lao động (NLĐ) theo quy định... Thông qua các hoạt động này, các cấp lãnh đạo Công đoàn kịp thời giải quyết những kiến nghị, tâm tư nguyện vọng chính đáng của NLĐ. Công đoàn phối hợp xây dựng, thương lượng, ký kết và ban hành Thỏa ước lao động tập thể TCT năm 2022 với 48 điểm có lợi hơn các quy định cho NLĐ.

17 QUAN HỆ ĐỐI TÁC VÌ CÁC MỤC TIÊU

Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

Năm 2022, EVN*GENCO3* đã đẩy mạnh trao đổi, hợp tác với các đối tác Năng lượng tại Hoa Kỳ, Châu Âu:

- » Làm việc với một số đối tác cung cấp LNG như Tellurian Inc, Cheniere Energy và làm việc với đối tác lâu năm Tập đoàn General Electric.
- » Làm việc với World Bank trao đổi về tình hình triển khai các dự án đang tài trợ vốn và khả năng WB hỗ trợ vốn cho EVN trong thời gian tới.
- » Làm việc với Babcock&Wilcox, các đối tác kỹ thuật và các định chế tài chính nhằm thúc đẩy cơ hội hợp tác và hỗ trợ trong các dự án, chương trình đầu tư nguồn điện sạch của EVN*GENCO3*.

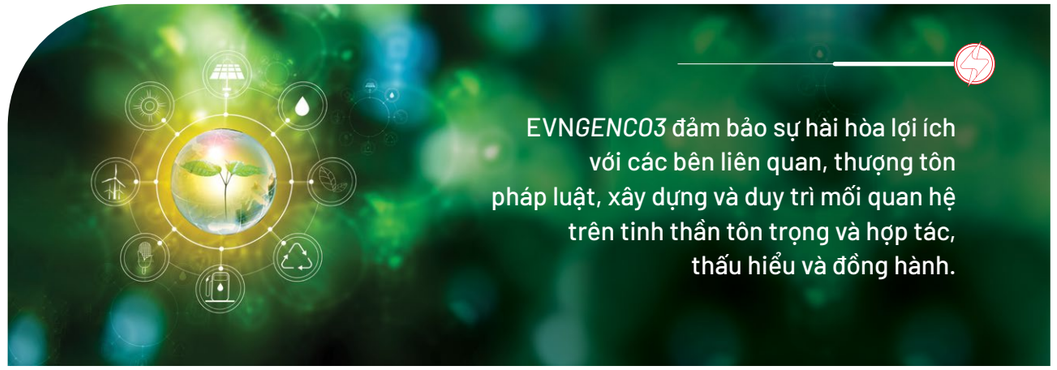


GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan là những đối tượng có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động của EVN*GENCO3*, hoặc chịu ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh của EVN*GENCO3*. Theo đó, các bên liên quan được EVN*GENCO3* xác định bao gồm:

Cổ đông/NĐT | Đối tác mua bán điện | Đối tác triển khai DA | Cơ quan Nhà nước | Cộng đồng Xã hội | Người lao động

Việc gắn kết với các bên liên quan được thực hiện hiệu quả sẽ giúp ích cho quá trình hoạt động và phát triển của Tổng Công ty. EVN*GENCO3* đảm bảo sự hài hòa lợi ích với các bên liên quan, thượng tôn pháp luật, xây dựng và duy trì mối quan hệ trên tinh thần tôn trọng và hợp tác, thấu hiểu và đồng hành.



CÁC BÊN LIÊN QUAN	CÁC MỐI QUAN TÂM	PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN	HÀNH ĐỘNG CỦA EVN*GENCO3*
CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ	» Đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; » Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời; » Ổn định và gia tăng giá trị của doanh nghiệp và giá trị cổ phiếu trên sàn chứng khoán; » Đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi cổ đông, nhà đầu tư	Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường theo luật định. » Tiếp nhận, trao đổi qua email, điện thoại, fax... » Họp định kỳ hàng năm tổng kết, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty để cổ đông và nhà đầu tư nắm rõ thông tin. » Công bố thông tin trên website của Tổng Công ty. » Tham gia các diễn đàn, hội thảo nhà đầu tư nhằm chia sẻ thông tin, cơ hội đầu tư	Luôn ý thức thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh. » Chủ động công bố những thông tin quan trọng, có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định đầu tư của nhà đầu tư, giúp cổ đông, nhà đầu tư theo sát diễn biến hoạt động của EVN*GENCO3*. » Việc trao đổi, tiết lộ thông tin được thực hiện công bằng, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi nhà đầu tư.
ĐỐI TÁC MUA ĐIỆN (KHÁCH HÀNG MUA ĐIỆN)	» Đảm bảo độ khả dụng các tổ máy » Chi phí mua điện cạnh tranh » Chia sẻ rủi ro trong quá trình tham gia thị trường điện	» Đề xuất, thương thảo, đàm phán giá điện và Hợp đồng mua bán điện » Chào giá hợp lý trên thị trường điện	» Tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm chi phí, giá thành điện, đảm bảo sản lượng theo cam kết. » Tuân thủ các quy định trong Hợp đồng mua bán điện và quy định vận hành thị trường điện
ĐỐI TÁC TRIỂN KHAI DỰ ÁN	» Hợp tác cùng phát triển » Tiến độ triển khai dự án	» Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp. » Thông qua thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác giữa hai bên để tạo cơ sở xây dựng mối quan hệ gắn bó lâu dài.	» Thực hiện trên nguyên tắc kinh doanh công bằng, chính trực, đôi bên cùng có lợi trong mọi hoạt động hợp tác kinh doanh cùng EVN*GENCO3*. » Thực hiện đối xử công bằng giữa các đối tác trong và ngoài nước.

GẮN KẾT
VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

CÁC BÊN LIÊN QUAN	CÁC MỐI QUAN TÂM	PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN	HÀNH ĐỘNG CỦA EVN*GENCO3*
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	» Thượng tôn pháp luật; » Triển khai và ủng hộ chủ trương của Nhà nước; » Phát triển kinh tế địa phương và phát triển ngành; » Thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp; » Đóng góp vào ngân sách Nhà nước.	» Thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo vệ môi trường, PCCC,... » Đóng góp ý kiến về các văn bản, quyết định, luật do các cơ quan Nhà nước ban hành. » Phối hợp với các đoàn kiểm tra của các Bộ, Ban, Ngành giải trình về các vấn đề liên quan, khắc phục các tồn tại, hạn chế (nếu có) theo yêu cầu, khuyến nghị của các đoàn kiểm tra. » Tham gia hội nghị, hội thảo chuyên ngành do các Bộ, Ban, Ngành tổ chức.	» Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động,... » Chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác xây dựng, sửa chữa các nhà máy điện, hoàn thiện các giai đoạn đúng tiến độ, đóng góp vào ngân sách Nhà nước và giải quyết việc làm cho lao động địa phương. » Đưa ra đề xuất điều chỉnh phù hợp đối với các chính sách, quy định còn nhiều bất cập khi đi vào triển khai thực hiện, giúp Chính phủ và chính quyền các cấp ngày càng thực hiện tốt hơn công tác quản lý.
CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI	» Thực thi các quy định về môi trường đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy (PCCC) và an toàn môi trường (ATMT) tại các nhà máy điện; » Hỗ trợ phát triển kinh tế, cơ sở vật chất, y tế, giáo dục,... cho địa phương.	» Phối hợp với chính quyền địa phương; » Phổ biến và nâng cao nhận thức về an toàn môi trường; » Trao đổi song phương qua các sự kiện. » Thông qua hoạt động công đoàn qua đoàn thanh niên.	» Thực hiện sản xuất kinh doanh gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn và an sinh xã hội. » Triển khai các chương trình, hoạt động an sinh xã hội hàng năm theo kế hoạch của TCT cho cộng đồng như: Xây dựng nhà tình thương, trường học, tặng học bổng, xây cầu,... » Tổ chức các hoạt động chia sẻ, hỗ trợ những hoàn cảnh nghèo, gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh,...
NGƯỜI LAO ĐỘNG	» Đảm bảo nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi và an toàn lao động » Môi trường làm việc văn minh, không phân biệt đối xử » Được đào tạo, nâng cao năng lực, tay nghề và có cơ hội phát triển bản thân; » Được ghi nhận sự cống hiến, đóng góp.	» Hội nghị người lao động hàng năm » Các cuộc họp tổng kết » Tổ chức các lớp đào tạo » Truyền thông nội bộ hiệu quả; » Cơ chế trao đổi trực tiếp, giải quyết khiếu nại » Ban hành và thực thi các chính sách » Duy trì và phát huy văn hóa doanh nghiệp thông qua các hoạt động team building	» Thông qua Thỏa ước lao động kết giữa lãnh đạo TCT và đại diện của người lao động. » Thành lập các tổ chức Công đoàn, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Câu lạc bộ Phụ nữ... » Lấy ý kiến thông qua email, báo cáo khảo sát... » Tổ chức chương trình bình chọn cá nhân, tập thể tiêu biểu. » Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền An toàn - Sức khỏe – Môi trường cho CBCNV. » Xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức cho CBCNV. » Tổ chức các hoạt động nội bộ Công ty: Văn hóa nghệ thuật, thể thao, du lịch...

EVN*GENCO3* TIẾP CẬN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN QUA NHIỀU KÊNH TƯƠNG TÁC VÀ BẰNG NHIỀU HÌNH THỨC KHÁC NHAU. CHÚNG TÔI LUÔN TÌM HIỂU NGUYỆN VỌNG VÀ SỰ QUAN TÂM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỂ MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY NGÀY CÀNG HIỆU QUẢ HƠN.



QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới EVN*GENCO3*, cũng như tác động đến mối quan tâm của các bên liên quan.

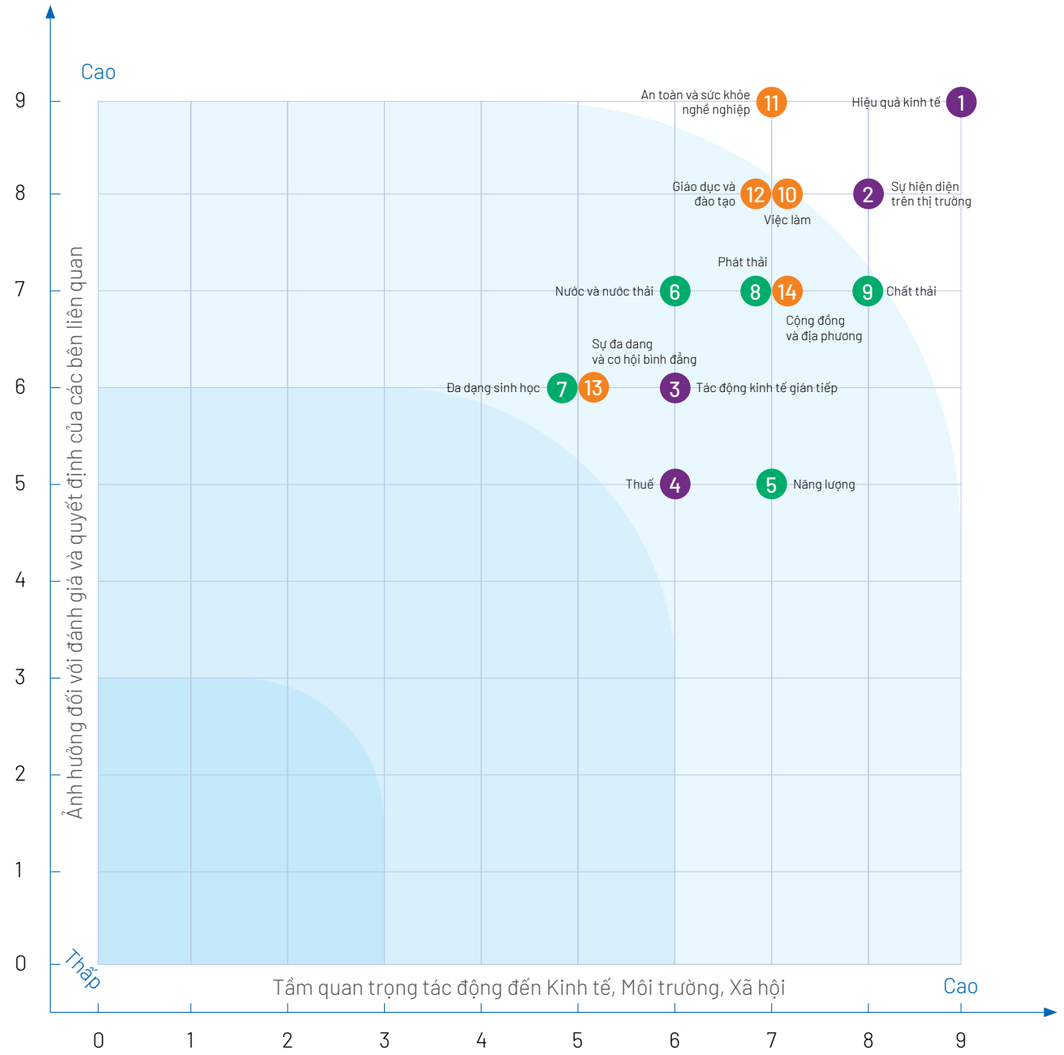
- Nghiên cứu, rà soát các thông tin từ thị trường và ngành điện
- Phân tích thông tin báo chí
- Đánh giá, khảo sát từ khách hàng, đối tác,...
- Thông tin từ các Hiệp hội ngành
- Các thảo luận nội bộ với người lao động buổi tiếp xúc với lãnh đạo địa phương.

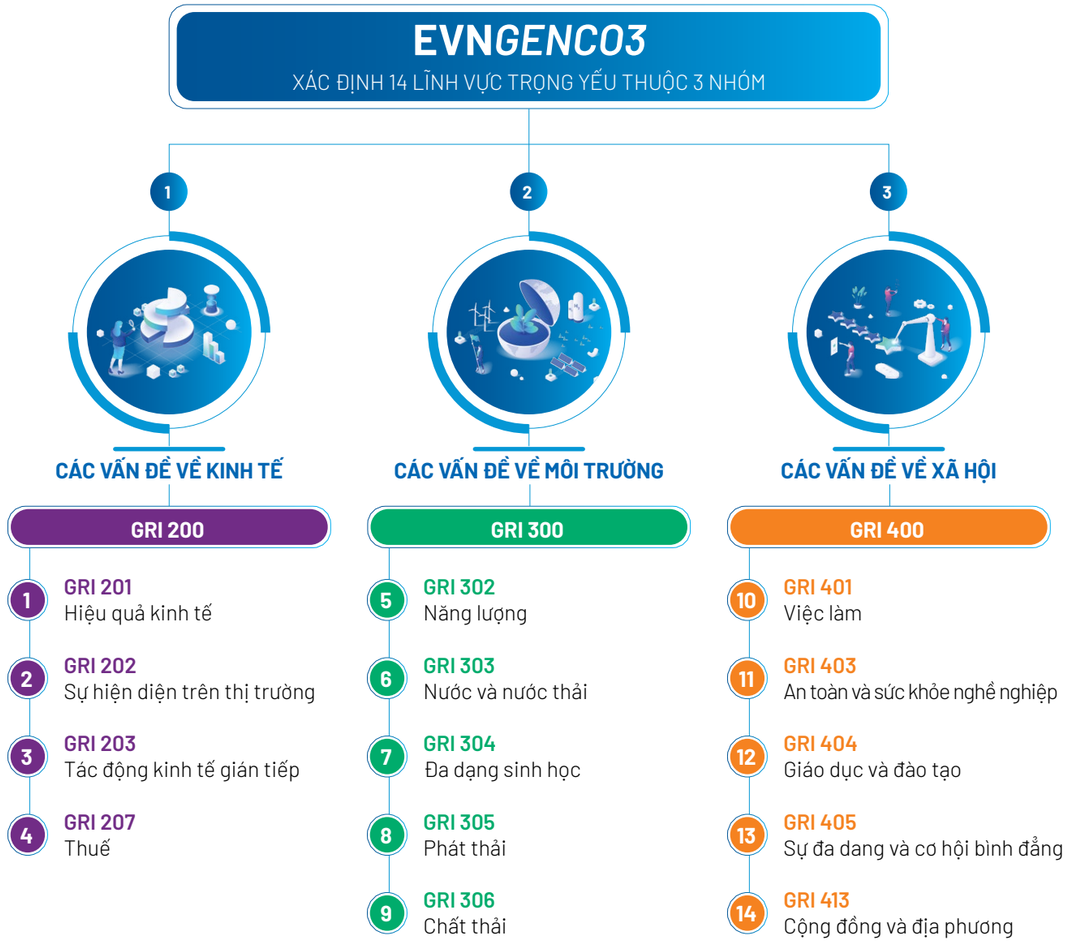
Lựa chọn các lĩnh vực trọng yếu được các bên quan tâm

- Sàng lọc các lĩnh vực quan trọng cần được ưu tiên
- Xác thực lĩnh vực trọng yếu từ lãnh đạo cấp cao
- Lựa chọn các lĩnh vực được coi là trọng yếu với EVN*GENCO3*
- Phân loại các lĩnh vực trọng yếu dựa theo 3 nhóm nội dung: Kinh tế - Xã hội – Môi trường.

MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

THÔNG QUA VIỆC ĐÁNH GIÁ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÁC LĨNH VỰC XÉT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA MỨC ĐỘ QUAN TÂM CỦA CÁC BÊN VÀ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG TỚI HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, EVN*GENCO3* XÂY DỰNG "MA TRẬN CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU" NHẰM XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ ƯU TIÊN VÀ THỰC HIỆN PHÂN BỔ NGUỒN LỰC HỢP LÝ NHẰM ĐÁP ỨNG TỐT NHẤT CÁC KỲ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN CŨNG NHƯ ĐẢM BẢO CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TCT.





GRI 200

HIỆU QUẢ KINH TẾ

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - GRI 201

GRI 201-1
GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỔ

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra - Doanh thu

» Các nhà máy của EVN*GENCO3* tham gia trực tiếp thị trường điện, do đó Tổng Công ty điều hành và kiểm soát công tác chào giá hiệu quả; phối hợp với công tác vận hành, sửa chữa các tổ máy, nhà máy để tăng doanh thu; tuân thủ các quy định trên thị trường điện.

» Trong năm 2022, mặc dù giá nhiên liệu khí tăng cao trong giai đoạn đầu năm đã ảnh hưởng đến khả năng được huy động của các tổ máy tuabin khí và tình hình cung cấp nhiên liệu than gặp khó khăn nên một số thời điểm đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên EVN*GENCO3* vẫn linh hoạt thích ứng và đạt được nhiều kết quả quan trọng:

› Sản lượng điện của Tổng Công ty là 32,242 tỷ kWh, đạt 101,23% kế hoạch.

› Tổng doanh thu của Công ty mẹ Tổng Công ty là 46.382 tỷ đồng, đạt 102,13% kế hoạch.

Giá trị kinh tế được phân bổ - Chi phí hoạt động

» Tổng Công ty Phát điện 3 rút ngắn tiến độ sửa chữa lớn các tổ máy, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số và các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm chi phí hoạt động.

» Năm 2022, các đơn vị HTPT đã hoàn thành 06 công trình sửa chữa lớn các tổ máy (Phú Mỹ 1: Trung tu TI GT11, Trung tu TI GT12 và Trung tu CI GT13; Phú Mỹ 4: Đại tu GT42; Mông Dương 1: Trung tu tổ máy S1; BuônTuaSrah: Đại tu Tổ máy H1) đảm bảo an toàn, chất lượng, vượt tiến độ 14 ngày.

» Thực hiện chi phí SCL năm 2022 của các đơn vị là 513.385 tỷ đồng thấp hơn 155.733 tỷ đồng so với kế hoạch.

» Triển khai đề án giảm sự cố, chỉ tiêu tỷ lệ dừng máy do sự cố của các khối được cải thiện tốt, đạt thấp hơn rất nhiều so kế hoạch giao.

» Thực hiện đề án giảm suất hao nhiệt, các đơn vị đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, kết quả thực hiện năm 2022 đạt 10.536 kJ/kWh, giảm 36 kJ/kWh so với thực hiện năm 2021

» Giá vốn hàng bán/Doanh thu năm 2022 là 88,35%, xấp xỉ cùng kỳ năm 2021

Giá trị kinh tế được phân bổ - Lương và phúc lợi

» Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP thực hiện chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

» Tổng Công ty thường xuyên rà soát, điều chỉnh chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều ưu đãi thiết thực để đảm bảo an sinh cho toàn thể cán bộ nhân viên.

Giá trị kinh tế được phân bổ - Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn

» Với đặc thù ngành điện, các dự án đầu tư cần huy động nguồn vốn vay lớn. Trong thời gian qua, Tổng Công ty luôn đảm bảo thanh toán nợ vay cho các tổ chức tài chính đầy đủ, đúng hạn. Tổng dư nợ vay đến cuối năm 2022 của Tổng Công ty đạt 40.499 tỷ đồng, giảm 5.073 tỷ đồng so với cuối năm 2021.

Giá trị kinh tế được phân bổ - Các khoản phải nộp cho Chính phủ

» Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP luôn thực hiện đầy đủ các khoản nộp ngân sách Nhà nước. Nộp ngân sách Nhà nước năm 2022 của Công ty mẹ là 2.079 tỷ đồng. Trong đó, thuế phí tài nguyên nước, phí môi trường rừng đã nộp 608,65 tỷ đồng.

Giá trị kinh tế được phân bổ - Các khoản đầu tư cộng đồng

» Thường xuyên thực hiện các hoạt động thăm hỏi tặng quà cho người nghèo, gia đình chính sách, hỗ trợ các chương trình của địa phương.

» Tổng kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ, hướng đến cộng đồng của EVN*GENCO3* năm 2022 khoảng 10 tỷ đồng.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA EVN*GENCO3* NĂM 2022 TẠI CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - GRI 201

GRI 201-2
ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CÁC RỦI RO VÀ CÁC CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

» Thời tiết, khí hậu ở Việt Nam những năm gần đây ngày càng bất thường thể hiện qua các biểu hiện dị thường của các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa, mực nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Do đó, các yếu tố đầu vào của nhà máy thủy điện của EVN*GENCO3* cũng bị ảnh hưởng, như: mưa, bốc hơi, dòng chảy mùa lũ, dòng chảy mùa cạn, xói mòn lưu vực, bồi lắng hồ chứa... Những sự thay đổi này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng sản xuất điện (an toàn năng lượng), an toàn công trình, ngập lụt, hạn hán...

» Các rủi ro và cơ hội phát sinh do biến đổi khí hậu (BĐKH) có khả năng tạo ra những thay đổi lớn trong công tác vận hành, doanh thu hoặc chi phí các nhà máy điện, bao gồm:

Rủi ro	Cơ hội	Ảnh hưởng đến EVN*GENCO3*
» Ảnh hưởng đến an toàn công trình do mưa lũ. » Giảm lưu lượng nước về do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết Elnino	» Tăng lưu lượng nước về do hiện tượng La Nina kéo dài.	» Diễn biến thời tiết phức tạp đã ảnh hưởng đến công tác dự báo lưu lượng nước về và công tác vận hành của EVN*GENCO3*. » Đặc biệt những năm thời tiết khô hạn sẽ làm giảm sản lượng điện của các nhà máy



Phương án quản lý rủi ro:

» Để vận hành các nhà máy thủy điện an toàn, hiệu quả trong mùa mưa bão, hàng năm, Tổng Công ty lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị các tổ máy, trạm điện và đường dây 220kV theo đúng kế hoạch vào thời điểm phù hợp theo thời tiết của khu vực để phát huy tối đa công suất các tổ máy.

» Với từng hồ, cần đánh giá tác động của BĐKH đến tình hình dòng chảy đến hồ trong tương lai và xây dựng quy trình vận hành tối ưu để tận dụng được sự gia tăng lượng nước vào mùa lũ phục vụ phát điện. Có kế hoạch khảo sát đo đạc lại địa hình lòng hồ, đề xuất phương án nạo vét để đảm bảo dung tích hữu ích và dung tích phòng lũ của hồ chứa như thiết kế.

» Xây dựng kế hoạch PCTT&TKCN với phương châm "4 tại chỗ" về chỉ huy- lực lượng - phương tiện - vật tư và hậu cần nhằm nâng cao năng lực và trách nhiệm chuyên trách cho công tác đảm bảo an toàn của công trình trong mùa lũ, đưa tiêu chí an toàn lên hàng đầu và xuyên suốt trong hoạt động của Công ty.

» Để kịp thời thông tin vận hành điều tiết các hồ chứa đến người dân dọc hạ du, Công ty đã thiết lập 24 trạm cảnh báo lũ dọc hạ du (hồ Buôn Tua Srah: 14 Trạm; hồ Buôn Kuốp 10 trạm) đặt dọc sông vùng hạ du hồ chứa để cảnh báo cho nhân dân biết và chủ động phòng tránh. Đồng thời Công ty đã lập các nhóm Zalo cho 3 hồ chứa với Chính quyền địa phương để thông báo, trao đổi và cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng giữa các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác ứng phó với mưa lũ.

» Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đã nghiên cứu, đưa vào ứng dụng thành công hệ thống cảnh báo lũ từ xa thay cho việc cảnh báo bằng còi giúp cho người dân vùng hạ du thủy điện tránh được các tai nạn đáng tiếc, hạn chế được thiệt hại khi có bão lũ xảy ra.

GRI 201-4
HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ

» Trong quá trình đầu tư, các Dự án nguồn điện của Tổng Công ty đã nhận được sự hỗ trợ của các cấp có thẩm quyền trong việc cho vay lại, bảo lãnh vay vốn nguồn vốn vay nước ngoài, điển hình như:

› Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1: vay ADB và KEXIM với tổng hạn mức vay 1.440.710.000 USD.

› Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2: vay China Eximbank với tổng hạn mức vay 980.025.629,05 USD và 600.000.000 CNY.

SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG - GRI 202

GRI 202-1
TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG

» Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP thực hiện chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

» Tổng Công ty thực hiện mức lương khởi điểm cho NLĐ đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định pháp luật và không có sự khác biệt về mức lương theo giới tính.

TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP - GRI 203

GRI 203-1
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ

» Trong năm 2022, EVN*GENCO3* tiếp tục đồng hành cùng các địa phương, nơi đóng chân của các nhà máy trong công tác cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống của người dân

» Tổng Công ty/Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân cũng phối hợp với Đài truyền hình Bình Thuận, UBMTTQVN tỉnh Bình Thuận tiếp tục triển khai chương trình "Mái ấm yêu thương" trao tặng nhà tình thương cho các gia đình khó khăn tại tỉnh Bình Thuận, mỗi căn trị giá 100 triệu đồng. Từ năm 2019 đến nay, chương trình đã thực hiện và bàn giao được 34 căn nhà.

» Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, CTNĐ Mông Dương, CTTĐ Buôn Kuốp, CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh trao tặng 19 căn nhà Đại đoàn kết cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn các tỉnh.

» Đoàn thanh niên EVN*GENCO3* hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn bằng bê tông tro xỉ NMNĐ Vĩnh Tân 2, thắp sáng các tuyến đường quê dài 3km bằng đèn năng lượng mặt trời tại Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

THUẾ - GRI 207

GRI 207-1
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN THUẾ

» Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp các loại thuế theo quy định như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật.

» Ngoài ra, từng Công ty con, công ty liên kết được áp dụng mức thuế riêng do được hưởng ưu đãi từ việc đầu tư, xây dựng các nhà máy điện.

» Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Tổng Công ty thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

» Thuế Thu nhập cá nhân: Tổng Công ty và các cổ đông trong Tổng Công ty khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu phải nộp thuế Thu nhập cá nhân theo các quy định hiện hành.



GRI 300

CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG

NĂNG LƯỢNG - GRI 302

Nhận thức được vai trò của việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất điện là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo phát triển bền vững. Tổng Công ty Phát điện 3 thực hiện nhiều giải pháp giảm suất hao nhiệt, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, tồn kho nhiên liệu tối ưu.

KHỐI LƯỢNG NHIÊN LIỆU CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN ĐÃ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT ĐIỆN NĂM 2022

Nhà máy điện	Nhiên liệu sử dụng	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng	Nhà cung cấp
Nhiên liệu không thể tái tạo				
NMNĐ Phú Mỹ	Khí tự nhiên	Triệu BTU	80.870.221	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP
	Dầu DO	Lít	1.711.065	Các đơn vị cung cấp xăng dầu
	Điện tự dùng	kWh	214.213.759	Tự sản xuất và mua ngoài
NMNĐ Vĩnh Tân 2	Than cám	Tấn	3.088.301	» Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam » Tổng Công ty Đông Bắc » Than nhập khẩu (NK) từ các nhà cung cấp (NCC) khác
	Dầu DO	Lít	5.946.741	» Nhiều NCC
	Điện tự dùng	kWh	466.597.812	» Tự sản xuất và mua EVN (đối với lượng điện nhận từ lưới)
NMNĐ Mông Dương 1	Than cám	Tấn	3.393.937	» Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam » Tổng Công ty Đông Bắc
	Dầu DO	Lít	3.311.547	» Nhiều NCC
	Điện tự dùng	kWh	712.126.542	Tự sản xuất và mua ngoài
Nhiên liệu có thể tái tạo				
NMĐMT Vĩnh Tân 2	Bức xạ Nhiệt	W/m²	1.643.602	

NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI - GRI 303

NƯỚC TIÊU THỤ

Tổng Công ty đang khai thác và sử dụng các nguồn nước sau đây:

» Nước chạy máy sản xuất điện trong nhà máy thủy điện: được tích trong các hồ chứa phía thượng lưu nhà máy, qua hệ thống tuyến năng lượng dẫn vào tuabin phát điện, sau đó đổ ra hạ lưu nhà máy qua hệ thống kênh dẫn và nhập vào các nhánh sông, suối.

» Nước làm mát trong các nhà máy nhiệt điện: được lấy từ sông hoặc biển qua hệ thống kênh dẫn nước vào, đưa vào bình ngưng để trao đổi nhiệt làm mát, sau đó đổ ra lại sông hoặc biển qua hệ thống kênh thoát nước làm mát.

» Ngoài ra, các nhà máy nhiệt điện còn sử dụng nước thủy cục (từ đơn vị cung cấp), nước hồ hoặc nước biển để sản xuất nước khử khoáng phục vụ sản xuất điện; nước biển còn được tận dụng để xử lý môi trường đối với khói thải trước khi qua ống khói.

NƯỚC THẢI

» Nước thải công nghiệp: nước thải phát sinh trong các hoạt động sản xuất của nhà máy, như nước thải nhiễm dầu, nhiễm than, nhiễm hóa chất,...Các nguồn nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung, sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng cho các các mục đích phù hợp hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

» Nước thải sinh hoạt: không đáng kể. Nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng để tưới cây hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

HỆ THỐNG QUAN TRẮC ONLINE ĐỐI VỚI NƯỚC MẶT, NƯỚC BIỂN VÀ NƯỚC THẢI

» Các NMTĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc, giám sát việc khai thác, sử dụng nước hồ và truyền số liệu về cơ quan chức năng theo quy định.

» Các NMNĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống quan trắc online đối với nước mặt, nước biển, nước thải và truyền về Sở TN&MT địa phương theo quy định.

» Đồng thời cũng truyền về trụ sở EVN*GENCO3* để phối hợp giám sát, kiểm soát, góp phần cho công tác quản lý môi trường được kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn.

KHỐI LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN NĂM 2022

Nhà máy điện	Thông số	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng
NMNĐ Phú Mỹ	Nước sạch tiêu thụ	m³	1.085.951.808
NMNĐ Vĩnh Tân 2	Nước sạch tiêu thụ	m³	1.185.789.833
NMNĐ Mông Dương 1	Nước sạch tiêu thụ	m³	1.223.261.000
NMTĐ Buôn Kuốp	Tổng lưu lượng nước chạy máy	m³	3.141.931.680
NMTĐ Buôn Tua Srah	Tổng lưu lượng nước chạy máy	m³	6.594.492.960
NMTĐ Srêpôk 3	Tổng lưu lượng nước chạy máy	m³	8.584.729.920

KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI NĂM 2022

Nhà máy điện	Khối lượng (m³)
NMNĐ Phú Mỹ	298.112
NMNĐ Vĩnh Tân 2	99.020
NMNĐ Mông Dương 1	831.640



ĐA DẠNG SINH HỌC - GRI 304

» Trong khuôn viên các NMNĐ được phủ xanh tối đa tại các vị trí đất trống, trừ những khu vực cần phải ngăn ngừa tuyệt đối vấn đề cháy nổ. Đối với các NMNĐ than còn trồng cây xanh tại khu vực xung quanh bãi xỉ.

» Đối với các NMTĐ, bên cạnh trồng cây xanh bổ sung phần diện tích xây dựng nhà máy, đơn vị còn thực hiện nghĩa vụ đóng phí dịch vụ môi trường rừng, nộp vào ngân sách nhà nước.

» Đối với các nhà máy điện có sử dụng nước mặt để sản xuất điện, làm mát máy móc thiết bị thực hiện nghĩa vụ đóng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước.

» Các nhà máy có phát sinh nước thải sau xử lý xả ra nguồn tiếp nhận đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.



PHÁT THẢI - GRI 305

Chỉ tiêu	Đơn vị đo	Thông số năm 2022			
		CTNĐ Phú Mỹ	CTNĐ Vĩnh Tân	CTNĐ Mông Dương	CTTĐ Buôn Kuốp
Tổng lượng khí thải	triệu m^3	33.620,26	10.555,99	23.233,54	-

HỆ THỐNG XỬ LÝ

» Khói thải các NMNĐ khí tương đối sạch do nhiên liệu đầu vào là nhiên liệu sạch, kết hợp sử dụng các vòi đốt có công nghệ tiên tiến giảm phát thải, vì vậy nồng độ các khí thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như SOx, NOx, bụi chỉ ở mức thấp so với giới hạn cho phép. Khí thải sau khi qua khỏi lò thu hồi nhiệt được đưa đến ống khói cao xả ra nguồn tiếp nhận.

» Khí thải các NMNĐ than sau khi ra khỏi buồng đốt được dẫn qua lần lượt hệ thống SCR xử lý NOx, hệ thống FGD xử lý SOx, hệ thống ESP xử lý bụi, sau đó đưa đến ống khói cao xả ra nguồn tiếp nhận, vì vậy nồng độ các khí thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở mức thấp, trong ngưỡng giới hạn cho phép.

» Khí thải nhà kính hiện nay của các NMNĐ chủ yếu là CO_2. Hiện EVN*GENCO3* đang triển khai tìm hiểu, nghiên cứu các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính để tổ chức áp dụng đạt hiệu quả cao nhất.

HỆ THỐNG QUAN TRẮC KHÍ THẢI ONLINE

» Các NMNĐ than trong EVN*GENCO3* đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc khí thải online và truyền về Sở TN&MT địa phương theo quy định.

» Đồng thời cũng truyền về trụ sở EVN*GENCO3* để phối hợp giám sát, kiểm soát, góp phần cho công tác quản lý môi trường được kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn.

CHẤT THẢI - GRI 306

CHẤT THẢI NGUY HẠI

» Phần lớn phát sinh nhiều trong các NMNĐ, chủ yếu là các chất thải sau: Vật liệu mài dạng hạt có thành phần nguy hại (cát, bột mài, ...); Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Dầu mỡ thải các loại; Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước; Vật liệu lọc (bao gồm vật liệu lọc dầu) bị nhiễm các thành phần nguy hại; Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại; Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu thải; Vật liệu lót và chịu lửa có các thành phần nguy hại; Các loại chất oxy hóa thải.

» Chất thải nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý.

CHẤT THẢI KHÔNG NGUY HẠI

» Chất thải rắn phát sinh trong hoạt động làm việc tại văn phòng và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong hoạt động động ăn uống, sinh hoạt thường nhật.

» Tro xỉ phát sinh trong hoạt động sản xuất điện của NMNĐ than.

» Chất thải rắn công nghiệp thông thường: vật tư kém, mất phẩm chất.

» Chất thải không nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý.

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN HẠN CHẾ PHÁT SINH CHẤT THẢI

» Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và thực hiện chính sách thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tài nguyên hiện có đến từng CBCNV; kết hợp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở.

» Quan điểm: khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên, các nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất, văn phòng phẩm,...; tối ưu trong việc tận dụng, tái sử dụng, tái chế nguyên nhiên vật liệu, văn phòng phẩm, vật tư, phế liệu kém, mất phẩm chất, hạn chế việc thải bỏ.

» Khai thác tro xỉ như một dạng sản phẩm hàng hóa, có thể trao đổi, buôn bán hoặc sử dụng trong hoạt động xây dựng, làm đường giao thông, san nền,...

Chỉ tiêu	Đơn vị đo	Thông số năm 2022				
		CTNĐ Phú Mỹ	CTNĐ Vĩnh Tân	CTNĐ Mông Dương	CTTĐ Buôn Kuốp	Tổng cộng
Chất thải rắn thông thường (bao gồm CTRSH và CTRCN)	tấn	76,71	155,45	277,09	2,00	511,25
Tro xỉ nhiệt điện than	tấn	-	1.429.496	2.045.762,11	-	1.429.496
Chất thải nguy hại	tấn	194,61	121,89	226,92	1.310,00	1.626,50



GRI 400

CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI



VIỆC LÀM - GRI 401

GRI 401-1
SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

» Số lượng nhân viên tuyển dụng mới trong TCT năm 2022: 74 người

» Tỷ lệ thôi việc trong Tổng Công ty năm 2022: 106 người.

GRI 401-2
PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN

» Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP đảm bảo thu nhập cạnh tranh; các chế độ phúc lợi như: bảo hiểm chăm sóc sức khỏe; tham quan nghỉ mát; chế độ làm việc linh hoạt; cơ hội học tập và phát triển trong/ngoài nước, chế độ thai sản đối với lao động nữ.

GRI 401-3
NGHỈ THAI SẢN

» TCT thực hiện chế độ thai sản cho NLĐ theo đúng các quy định pháp luật, người lao động được nghỉ thai sản hưởng chế độ BHXH và các chế độ trợ cấp, hỗ trợ của TCT theo Thỏa ước lao động tập thể.

VIỆC LÀM - GRI 403

» Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước, các Bộ, ngành, EVN về việc đo kiểm tra môi trường lao động, định kỳ đo kiểm và đánh giá, các chỉ số đều trong tiêu chuẩn cho phép; định kỳ quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động.

» Thực hiện tốt công tác cải tạo điều kiện, môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên triển khai công tác an toàn, vệ sinh phòng dịch, nhất là các biện pháp phòng dịch COVID-19.

» Tổ chức và tham gia đầy đủ các đợt tập huấn công tác y tế, sơ cấp cứu ban đầu, an toàn vệ sinh lao động.

» Tổ chức nghỉ điều dưỡng, phục hồi chức năng lao động cho người lao động có sức khỏe loại 4 hoặc loại 5 hoặc người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

GRI 403-1
HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

» Tổng Công ty đã lập hồ sơ quản lý sức khỏe theo đúng quy định và nhập kết quả khám bệnh, theo dõi sức khỏe cá nhân trên hệ thống phần mềm HRMS giúp người sử dụng lao động, CBCNV dễ dàng quản lý theo dõi tình trạng sức khỏe, phân công công tác hợp lý, phù hợp với đặc thù, tính chất công việc.

» Phòng y tế của các đơn vị được trang bị đầy đủ thuốc và các dụng cụ cần thiết; nhân viên y tế được huấn luyện, bồi dưỡng và có chứng nhận đầy đủ, thực hiện tốt việc cấp phát thuốc, săn sóc người lao động những bệnh thông thường và tiến hành sơ cấp cứu ban đầu, theo dõi chuyển bệnh nhân đến các cơ sở y tế có ký hợp đồng khám chữa bệnh ban đầu kịp thời để tiếp tục điều trị có hiệu quả, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

GRI 403-3
DỊCH VỤ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

» Hàng năm, Tổng Công ty/đơn vị đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNV theo đúng quy định 01 lần/năm, người làm việc nặng nhọc độc hại được khám 6 tháng/1 lần; tạo điều kiện để người lao động được khám chuyên sâu để phát hiện sớm, hỗ trợ điều trị bệnh theo phác đồ chữa trị. Ngoài ra, một số đơn vị còn chủ động tổ chức khám bệnh phụ khoa cho người lao động nữ 2 lần/năm.

» Tổng Công ty triển khai mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe hàng năm cho CBCNV.

GRI 403-5
HUẤN LUYỆN SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

» Tích cực tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng, huấn luyện chuyên sâu về nghiệp vụ y tế nhằm nâng cao trình độ và tay nghề của đội ngũ y bác sỹ tại các phòng y tế của các đơn vị, đảm bảo có đầy đủ hồ sơ và được cấp Giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận tham gia các khóa tập huấn đầy đủ.

» Tổng Công ty đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các đợt tập huấn, nâng cao kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên tuyên truyền về công tác an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên nhằm giảm rủi ro và các yếu tố có hại tại nơi làm việc.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - GRI 404

GRI 404-1
SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN

Trong năm 2022, Cơ quan TCT và các đơn vị trực thuộc thực hiện đào tạo, tập huấn 13.810 lượt với sự tham gia của 2.071 học viên, (đào tạo qua E-learning 31.884 lượt). Chi phí đào tạo là 59,55 tỷ đồng. Đảm bảo tối thiểu 40h đào tạo/năm/CBCNV.

GRI 404-2
CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHUYỂN TIẾP

» Triển khai theo Kế hoạch đào tạo năm, TCT luôn chú trọng các nội dung đào tạo gắn với nhiệm vụ SXKD, theo mô hình Tổ chức học hỏi, xây dựng đội ngũ CBCNV có năng lực, chuyên nghiệp.

» Chủ động đào tạo và đào tạo lại, đặc biệt đối với các lĩnh vực đã áp dụng chuyển đổi số, đảm bảo người lao động có đủ năng lực và thể lực đáp ứng linh hoạt, an toàn và hiệu quả; tập trung đào tạo kỹ thuật chuyên sâu, kết hợp đào tạo trong nước và nước ngoài (Chuyên gia tháo lắp cân chỉnh Máy phát điện tại Thụy Sỹ; SC Turbine hơi, Bảo dưỡng SC điện gió tại Mỹ; Công nghệ Mô phỏng CFD tại Đức; Điện gió ngoài khơi tại Úc)

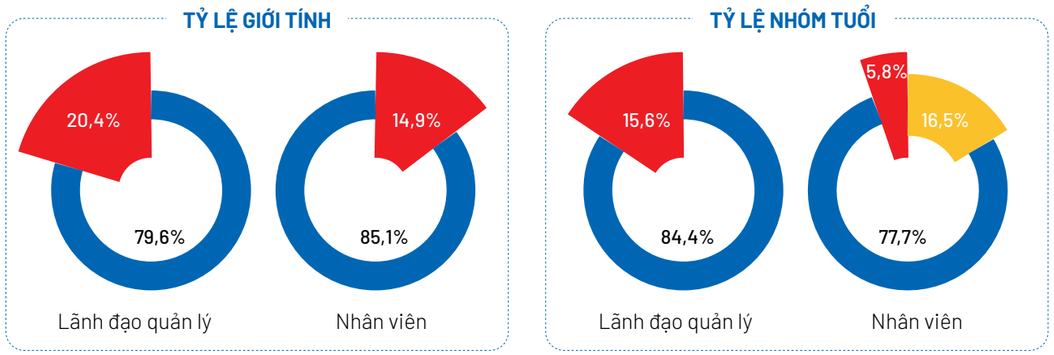
SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG - GRI 405

GRI 405-1
SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

» EVN*GENCO3* luôn đảm bảo nguyên tắc tuyển dụng bình đẳng, công bằng. Đồng thời, không phân biệt giới tính trong các chính sách cũng như chế độ phúc lợi

» Tham gia đánh giá và đạt chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu là sự khẳng định cho quyết tâm của EVN*GENCO3* trong quá trình xây dựng một môi trường làm việc bình đẳng thực chất về giới, hướng đến sự phát triển bền vững của TCT dựa vào những lợi ích mà một môi trường làm việc bình đẳng mang lại.

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN



	Tỷ lệ giới tính		Tỷ lệ nhóm tuổi		
	Nam	Nữ	<30	30-50	>50
Lãnh đạo quản lý	79,6%	20,4%	0,0%	84,4%	15,6%
Nhân viên	85,1%	14,9%	16,5%	77,7%	5,8%

CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG - GRI 413

» Hỗ trợ định kỳ hàng tháng cho 47 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi cha mẹ do dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, đến khi hoàn thành chương trình học lớp 12, mỗi năm tài trợ 1,28 tỷ đồng;

» Triển khai chương trình "Sữa học đường" cho các trường tiểu học tại Phú Mỹ và Vĩnh Tân hơn 01 tỷ đồng; trao tặng 50 bộ máy vi tính và dụng cụ học tập cho các trường ở Phú Yên, Bình Định bị ảnh hưởng thiên tai, bão lũ.

» Đồng thời, Tổng Công ty, các đơn vị tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho buôn kết nghĩa, người dân vùng hạ du, gia đình chính sách, hộ nghèo... trên địa bàn nhân dịp lễ, tết; Các hoạt động hiến máu nhân đạo hưởng ứng tuần lễ Hồng, tháng Tri ân khách hàng; hỗ trợ xây dựng trường học, làm đường giao thông... theo nhu cầu thực tế tại địa phương và chủ trương, tinh thần của EVN/EVN*GENCO3*



05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VỮNG BƯỚC **TƯƠNG LAI**

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP	Số 3025/QĐ-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 1 tháng 6 năm 2012.	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP	Số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021.	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch
	Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên (đến ngày 14 tháng 6 năm 2022)
	Ông Lê Văn Danh	Thành viên
	Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên
	Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên độc lập
BAN KIỂM SOÁT	Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng ban
	Ông Đậu Đức Chiến	Thành viên
	Bà Vũ Hải Ngọc	Thành viên
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc
TRỤ SỞ CHÍNH	Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	
CÔNG TY KIỂM TOÁN	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Phát Điện 3 – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

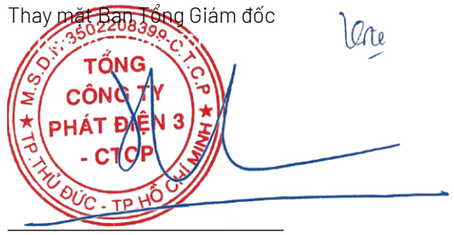
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Nhóm Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Nhóm Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 56. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phát Điện 3 – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 13 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 56.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Như được trình bày tại Thuyết minh 37 – Cổ phần hóa của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan thẩm quyền có liên quan chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Do đó, các ảnh hưởng tài chính (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất này có thể được thực hiện bổ sung khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa. Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)



Mai Viết Hùng Trân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12972
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023



Thái Văn Cường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3435-2020-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01 - DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**20.280.737.476.128**	**18.823.828.629.511**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**1.727.691.330.819**	**2.393.109.084.650**
111	Tiền		492.191.330.819	455.109.084.650
112	Các khoản tương đương tiền		1.235.500.000.000	1.938.000.000.000
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**3.837.650.000.000**	**4.112.650.000.000**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	3.837.650.000.000	4.112.650.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**12.447.021.904.234**	**9.144.287.998.333**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	11.710.481.578.712	8.628.333.046.050
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		186.819.665.642	194.724.871.555
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	549.720.659.880	321.230.080.728
140	**Hàng tồn kho**	**7**	**1.920.190.836.695**	**3.065.857.280.370**
141	Hàng tồn kho		1.922.515.305.345	3.068.493.224.605
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.324.468.650)	(2.635.944.235)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**348.183.404.380**	**107.924.266.158**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	51.726.147.993	41.553.026.092
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(b)	286.390.636.066	36.090.153.662
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(b)	10.066.620.321	30.281.086.404
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**45.937.223.039.706**	**49.133.370.089.140**
210	**Khoản phải thu dài hạn**		**3.274.424.000**	**3.324.424.000**
216	Phải thu dài hạn khác		3.274.424.000	3.324.424.000
220	**Tài sản cố định**		**40.707.325.461.416**	**44.484.432.498.953**
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	40.107.624.331.926	43.892.248.185.798
222	Nguyên giá		114.631.289.946.787	113.897.334.917.646
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(74.523.665.614.861)	(70.005.086.731.848)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	599.701.129.490	592.184.313.155
228	Nguyên giá		659.981.216.961	640.634.704.693
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(60.280.087.471)	(48.450.391.538)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**342.714.757.716**	**395.448.757.956**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	342.714.757.716	395.448.757.956
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**2.616.222.567.285**	**2.417.344.495.857**
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	2.026.710.839.437	1.696.435.122.469
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	536.909.373.388	536.909.373.388
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(5.397.645.540)	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	58.000.000.000	184.000.000.000
260	**Tài sản dài hạn khác**		**2.267.685.829.289**	**1.832.819.912.374**
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	266.684.645.678	256.320.914.148
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	2.001.001.183.611	1.576.498.998.226
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**66.217.960.515.834**	**67.957.198.718.651**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**48.575.214.944.157**	**50.548.049.490.150**
310	**Nợ ngắn hạn**		**13.138.480.832.135**	**10.457.422.068.212**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.045.551.157.760	3.737.264.605.887
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	1.617.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(a)	382.009.061.403	467.211.784.792
314	Phải trả người lao động	14	338.894.242.474	487.629.069.916
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	55.413.606.530	38.195.638.243
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	16.034.281.212	16.010.207.364
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	1.585.152.242.768	575.332.163.878
320	Vay ngắn hạn	18(a)	5.380.511.397.427	4.898.437.444.941
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	334.914.842.561	235.724.153.191
330	**Nợ dài hạn**		**35.436.734.112.022**	**40.090.627.421.938**
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	318.322.507.370	333.480.722.006
337	Phải trả dài hạn khác		24.613.000	4.100.000
338	Vay dài hạn	18(b)	35.118.386.991.652	39.757.142.599.932
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**17.642.745.571.677**	**17.409.149.228.501**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**17.642.745.571.677**	**17.409.149.228.501**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	11.234.680.460.000	11.234.680.460.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*11.234.680.460.000*	*11.234.680.460.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	6.014.917.945	6.014.917.945
414	Vốn khác của chủ sở hữu	21	50.811.630.001	47.147.215.051
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	1.315.934.828.273	696.713.720.759
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21	15.748.025.022	15.890.285.682
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	4.645.513.771.528	5.027.205.061.567
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*2.739.041.723.587*	*1.886.156.239.291*
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*1.906.472.047.941*	*3.141.048.822.276*
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	374.041.938.908	381.497.567.497
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**66.217.960.515.834**	**67.957.198.718.651**

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP

Trần Nguyễn Khánh Linh	Vũ Phương Thảo	Nguyễn Thị Thanh Hương
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu B 02 - DN/HN

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	25	**47.287.247.983.691**	**37.757.423.718.797**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	26	**(41.868.485.643.133)**	**(33.470.586.793.821)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**5.418.762.340.558**	**4.286.836.924.976**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27	323.141.834.137	1.260.808.123.657
22	Chi phí tài chính	28	(2.543.103.087.532)	(1.217.742.963.056)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	*28*	*(1.576.833.210.859)*	*(1.221.622.521.691)*
24	Phần lãi trong công ty liên kết	4(b)	513.938.765.968	207.095.071.378
25	Chi phí bán hàng		(245.097.769)	(224.928.362)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(674.280.026.384)	(615.369.329.470)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**3.038.214.728.978**	**3.921.402.899.123**
31	Thu nhập khác		31.274.606.898	29.528.270.392
32	Chi phí khác		(12.138.074.008)	(38.774.044.478)
40	**Lợi nhuận/(lỗ) khác**		**19.136.532.890**	**(9.245.774.086)**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**3.057.351.261.868**	**3.912.157.125.037**
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	30	(507.534.849.403)	(733.238.642.817)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.549.816.412.465	3.178.918.482.220
	Phân bổ cho:			
61	Tổng Công ty		2.524.379.473.241	3.141.048.822.276
62	Cổ đông không kiểm soát		25.436.939.224	37.869.659.944
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23(a)	2.247	2.614
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23(b)	2.247	2.614

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Nguyễn Khánh Linh	Vũ Phương Thảo	Nguyễn Thị Thanh Hương
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu B 03 - DN/HN

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**3.057.351.261.868**	**3.912.157.125.037**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		4.530.091.410.486	4.503.213.059.711
03	Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng		5.978.016.761	(5.807.243.679)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		892.894.434.202	(907.924.555.568)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(779.644.468.389)	(474.749.621.605)
06	Chi phí lãi vay		1.576.833.210.859	1.221.622.521.691
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**9.283.503.865.787**	**8.248.511.285.587**
09	Tăng các khoản phải thu		(9.585.911.047.900)	(6.058.888.818.271)
10	Giảm hàng tồn kho		1.145.086.072.454	1.254.271.314.829
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		185.387.536.833	(1.110.952.749.278)
12	Tăng chi phí trả trước		(15.794.083.651)	(46.536.731.437)
14	Tiền lãi vay đã trả		(169.125.050.113)	(361.521.168.900)
15	Thuế TNDN đã nộp		(577.463.723.938)	(537.478.331.324)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		110.320.000	154.719.600
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(110.208.387.509)	(91.499.404.535)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**155.585.501.963**	**1.296.060.116.271**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(976.848.420.334)	(1.067.617.673.672)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		466.486.375	1.821.196
23	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		(5.049.000.000.000)	(812.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		5.450.000.000.000	1.016.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(91.661.010.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		310.226.258.152	214.484.830.927
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(265.155.675.807)**	**(740.792.031.549)**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu B 03 - DN/HN

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		119.500.000.000	206.172.417.592
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(636.738.214.128)	(949.149.015.167)
36	Tiền chi trả cổ tức		(38.611.613.275)	(26.260.518.179)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**(555.849.827.403)**	**(769.237.115.754)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(665.420.001.247)**	**(213.969.031.032)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**2.393.109.084.650**	**2.607.079.192.090**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.247.416	(1.076.408)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**1.727.691.330.819**	**2.393.109.084.650**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Nguyễn Khánh Linh	Vũ Phương Thảo	Nguyễn Thị Thanh Hương
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 - DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công thương quyết định cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất, lần thứ 9, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 3 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là "PGV" theo Quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Theo Quyết định số 34/QĐ-SGDHN ngày 19 tháng 1 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Tổng Công ty được hủy đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 24 tháng 1 năm 2022.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 với mã giao dịch cổ phiếu là "PGV" theo Quyết định số 731/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 10 tháng 2 năm 2022.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện. Ngoài ra, Nhóm Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 60 - 66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 8 chi nhánh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 8 chi nhánh), cụ thể như sau:

- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp tại số 22 đường Mai Xuân Thưởng, Phường Thành Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Mông Dương tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam;

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (TIẾP THEO)

- Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3 tại số 332, đường Độc Lập (Quốc lộ 51), Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam;
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam;
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam; và
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình tại Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 2 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2 công ty con) được trình bày như sau:

		31.12.2022		31.12.2021	
	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	**Tỷ lệ sở hữu %**	**Tỷ lệ biểu quyết %**	**Tỷ lệ sở hữu %**	**Tỷ lệ biểu quyết %**
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (i)	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	79,56	79,56	79,56	79,56
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (ii)	Tỉnh Ninh Bình	54,76	54,76	54,76	54,76

(i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000451 ngày 1 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa có trụ sở chính tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh điện năng.

(ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0903000161 ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp. Công ty Cổ phần có trụ sở chính tại Số 1, Đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty có 3 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3 công ty liên kết) được trình bày ở Thuyết minh số 4(b), và có 2.698 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.730 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Nhóm Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua vào (bằng chuyển khoản) của chính ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản nợ phải trả với Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được Nhóm Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn Công văn số 5794/EVN-TCKT ngày 13 tháng 10 năm 2022 của EVN.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Nhóm Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Nhóm Công ty. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Nhóm Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Nhóm Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Nhóm Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Nhóm Công ty với các liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền, bao gồm tất cả các các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho khi có bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng, trong đó nguyên giá TSCĐ hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với TSCĐ hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp, và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá TSCĐ được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

» Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
» Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
» Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30 năm
» Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
» TSCĐ hữu hình khác	5 - 10 năm
» Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
» Bản quyền chuyển giao công nghệ	10 năm
» TSCĐ vô hình khác	3 - 10 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

» Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và

» Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên liên quan.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Nhóm Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau thuế TNDN của Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.19 Phân chia lợi nhuận

Nhóm Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và chia cổ tức như sau:

- LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và điều lệ của Nhóm Công ty.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Nhóm Công ty sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông/cuộc họp của Hội đồng Thành viên.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông/cuộc họp của Hội đồng Thành viên. Quỹ này được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Cổ tức của Nhóm Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Nhóm Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Nhóm Công ty thì Nhóm Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên số dư gốc và lãi suất tương ứng.

(d) Doanh thu từ cổ tức được chia

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 Thuế thu nhập doanh nhiệp hiện hành và thuế thu nhập doang nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Nhóm Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Tiền mặt	2.962.084.245	3.657.700.509
Tiền gửi ngân hàng	489.229.246.574	451.451.384.141
Các khoản tương đương tiền (*)	1.235.500.000.000	1.938.000.000.000
	1.727.691.330.819	2.393.109.084.650

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất được quy định tại Hợp đồng tiền gửi.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2022		31.12.2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.829.650.000.000	3.829.650.000.000	4.104.650.000.000	4.104.650.000.000
- Trái phiếu dài hạn đến hạn thanh toán (**)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	3.837.650.000.000	3.837.650.000.000	4.112.650.000.000	4.112.650.000.000
ii.Dài hạn				
- Trái phiếu (**)	58.000.000.000	58.000.000.000	184.000.000.000	184.000.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất được quy định tại Hợp đồng tiền gửi.

(**)Khoản đầu tư trái phiếu vào Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Hợp đồng số 01/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 24 tháng 4 năm 2020 và 02/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 25 tháng 6 năm 2020 với Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. Khoản trái phiếu có thời gian đáo hạn 84 tháng từ ngày phát hành với mức lãi suất áp dụng cho 4 năm đầu tiên của mỗi đợt phát hành là 10,5%/năm, các năm tiếp theo sẽ được áp dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng thêm 3,6%/năm. Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn với tổng giá trị dựa theo Chứng thư thẩm định giá số 497/2019/CT-CIVS-BĐ do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung - Chi nhánh Bình Định phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2019.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 336,7 tỷ Đồng đã được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/13553572/HĐTD ngày 8 tháng 6 năm 2021 của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 806,2 tỷ Đồng).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31.12.2022				31.12.2021			
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết								
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (i)	30,55	1.535.556.161.954	2.280.984.348.400	-	30,55	1.225.192.777.704	2.071.653.506.300	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (ii)	30,00	329.276.001.764	561.975.000.000	-	30,00	309.653.880.130	573.405.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A (iii)	30,00	161.878.675.719	(*)	-	30,00	161.588.464.635	(*)	-
		2.026.710.839.437		-		1.696.435.122.469		-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iv)	1,80	114.770.927.800	133.734.879.263	-	1,80	114.770.927.800	180.336.845.187	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (v)	1,60	108.730.000.000	129.100.000.000	-	1,60	108.730.000.000	187.866.666.667	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (vi)	19,89	83.750.000.000	269.757.380.053	-	19,89	83.750.000.000	264.213.697.800	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (vii)	2,47	83.094.784.000	205.467.392.000	-	2,47	83.094.784.000	187.306.496.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP (viii)	15,00	74.463.661.588	(*)	(5.397.645.540)	15,00	74.463.661.588	(*)	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (ix)	6,43	50.000.000.000	(*)	-	6,43	50.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (x)	0,45	19.600.000.000	(*)	-	0,48	19.600.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (xi)	1,10	2.500.000.000	(*)	-	1,10	2.500.000.000	(*)	-
		536.909.373.388		(5.397.645.540)		536.909.373.388		-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(**) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu mà Nhóm Công ty nắm giữ và giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính.

(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của EVN. Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.

(ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.

(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 1 tháng 11 năm 2003 theo Công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900308540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 9 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.

(iv) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 700434869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh là sản xuất và kinh doanh điện.

(v) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất và kinh doanh điện.

(vi) Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 5 năm 2009. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là sản xuất và kinh doanh điện.

(vii) Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là sản xuất và kinh doanh điện năng.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(viii) Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 10 năm 2012. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP là sửa chữa máy móc thiết bị.

(ix) Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17 tháng 1 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện năng.

(x) Công ty Cổ phần Điện Việt Lào được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101389382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 7 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào là sản xuất và kinh doanh điện năng. Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về phương án tăng vốn điều lệ và tiến độ góp vốn của CTCP Điện Việt Lào, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 4.065.732.920.909 Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lên 4.369.531.580.000 Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty giảm tương ứng từ 0,48% còn 0,45% do Tổng Công ty không đăng ký mua thêm cổ phần phát hành mới.

(xi) Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800383471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương.

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số dư đầu năm	1.696.435.122.469	1.537.704.041.091
Tăng trong năm (Thuyết minh 33(a))	-	91.661.010.000
Phần lãi trong công ty liên kết	513.938.765.968	207.095.071.378
Cổ tức đã chia	(183.663.049.000)	(140.025.000.000)
Số dư cuối năm	2.026.710.839.437	1.696.435.122.469

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Bên thứ ba	26.917.452.317	11.533.566.603
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	11.683.564.126.395	8.616.799.479.447
	11.710.481.578.712	8.628.333.046.050

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	283.237.369.103	1.601.908.368
Phải thu về chi hộ và phải thu khác từ bên liên quan	148.879.081.794	157.410.685.332
Lãi tiền gửi dự thu	70.458.551.140	30.553.551.236
Lãi phải thu trái phiếu	652.224.657	1.844.266.667
Phải thu cổ tức được chia	-	83.700.000.000
Khác	46.493.433.186	46.119.669.125
	549.720.659.880	321.230.080.728
Trong đó:		
Bên thứ ba	398.998.081.063	77.754.509.169
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	150.722.578.817	243.475.571.559
	549.720.659.880	321.230.080.728

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2022		31.12.2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.760.743.932.957	(2.324.468.650)	2.884.214.014.253	(2.635.944.235)
Công cụ, dụng cụ	137.457.580.099	-	167.443.353.901	-
Hàng mua đang đi trên đường	6.264.942.908	-	7.571.588.689	-
Chi phí SXKD dở dang	17.766.392.766	-	8.933.486.416	-
Thành phẩm tồn kho	282.456.615	-	330.781.346	-
	1.922.515.305.345	(2.324.468.650)	3.068.493.224.605	(2.635.944.235)

7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.635.944.235	2.219.048.101
Tăng dự phòng	580.371.221	955.223.048
Xử lý hủy bỏ hàng tồn kho đã trích lập	-	(538.326.914)
Thanh lý hàng tồn kho đã trích lập	(891.846.806)	-
Số dư cuối năm	2.324.468.650	2.635.944.235

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Chi phí bảo hiểm	42.036.987.947	38.539.763.163
Khác	9.689.160.046	3.013.262.929
	51.726.147.993	41.553.026.092

(b) Dài hạn

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Chi phí liên quan đến thuê (*)	195.718.262.372	203.065.469.168
Khác	70.966.383.306	53.255.444.980
	266.684.645.678	256.320.914.148

(*) Chi phí liên quan đến đất thuê bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê đất.

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	20.651.526.090.002	86.200.150.807.945	6.743.600.551.026	263.046.161.889	39.011.306.784	**113.897.334.917.646**
Mua trong năm	6.923.048.281	137.706.318.690	10.545.135.274	63.811.450.440	-	**218.985.952.685**
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 10)	30.105.219.259	520.155.022.338	6.081.100.000	6.297.254.803	90.000.000	**562.728.596.400**
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.673.759.469)	(2.250.403.337)	(982.618.015)	-	**(4.906.780.821)**
Điều chỉnh theo quyết toán chính thức	(48.164.910.251)	(3.099.662.252)	(2.631.545.042)	-	31.470.962	**(53.864.646.583)**
Phân loại lại từ TSCĐ vô hình (Thuyết minh 9(b))	-	-	-	11.480.197.460	-	**11.480.197.460**
Khác	-	(468.290.000)	-	-	-	**(468.290.000)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	20.640.389.447.291	86.852.770.437.252	6.755.344.837.921	343.652.446.577	39.132.777.746	**114.631.289.946.787**
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	8.446.306.620.643	57.451.722.554.172	3.900.534.491.670	193.417.537.171	13.105.528.192	**70.005.086.731.848**
Khấu hao trong năm	712.497.943.586	3.455.541.696.376	310.968.779.092	39.390.677.921	4.798.952.603	**4.523.198.049.578**
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.673.759.469)	(2.250.403.337)	(982.618.015)	-	**(4.906.780.821)**
Điều chỉnh theo quyết toán chính thức	-	(4.137.816.693)	-	-	-	**(4.137.816.693)**
Phân loại lại từ TSCĐ vô hình (Thuyết minh 9(b))	-	-	-	4.425.430.949	-	**4.425.430.949**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	9.158.804.564.229	60.901.452.674.386	4.209.252.867.425	236.251.028.026	17.904.480.795	**74.523.665.614.861**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	12.205.219.469.359	28.748.428.253.773	2.843.066.059.356	69.628.624.718	25.905.778.592	**43.892.248.185.798**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	11.481.584.883.062	25.951.317.762.866	2.546.091.970.496	107.401.418.551	21.228.296.951	**40.107.624.331.926**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 18.047 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 19.770 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 37.366 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 36.310 tỷ Đồng).

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ") (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	569.053.723.199	44.574.854.525	9.260.276.148	17.745.850.821	**640.634.704.693**
Mua trong năm	-	22.953.828.009	8.158.210.000	471.200.000	**31.583.238.009**
Thanh lý, nhượng bán	-	(756.528.281)	-	-	**(756.528.281)**
Phân loại lại sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	-	-	-	(11.480.197.460)	**(11.480.197.460)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	569.053.723.199	66.772.154.253	17.418.486.148	6.736.853.361	**659.981.216.961**
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	16.146.467.510	19.872.723.512	8.109.979.035	4.321.221.481	**48.450.391.538**
Khấu hao trong năm	1.336.517.124	10.439.742.903	3.521.257.802	1.714.137.334	**17.011.655.163**
Thanh lý, nhượng bán	-	(756.528.281)	-	-	**(756.528.281)**
Phân loại lại sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	-	-	-	(4.425.430.949)	**(4.425.430.949)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	17.482.984.634	29.555.938.134	11.631.236.837	1.609.927.866	**60.280.087.471**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	552.907.255.689	24.702.131.013	1.150.297.113	13.424.629.340	**592.184.313.155**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	551.570.738.565	37.216.216.119	5.787.249.311	5.126.925.495	**599.701.129.490**

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 17,2 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10,1 tỷ Đồng).

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Sữa chữa lớn TSCĐ dở dang	200.982.542.924	-
Mua sắm TSCĐ chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng	87.662.429.032	362.527.268.872
Khác	54.069.785.760	32.921.489.084
	342.714.757.716	395.448.757.956

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số dư đầu năm	395.448.757.956	117.776.262.642
Mua sắm	509.994.596.160	872.900.307.589
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(562.728.596.400)	(109.028.312.275)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(486.199.500.000)
Số dư cuối năm	342.714.757.716	395.448.757.956

11 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn thể hiện giá trị thuần của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản và có thời gian dự trữ hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2022	31.12.2021
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	2.657.549.850.230	1.400.569.433.439
Tổng Công ty Đông Bắc	867.883.019.531	81.349.570.092
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	760.335.977.572	413.553.873.402
General Electric	19.732.996.463	458.886.739.376
Khác	734.966.733.304	1.375.196.734.107
	5.040.468.577.100	3.729.556.350.416
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	5.082.580.660	7.708.255.471
	5.045.551.157.760	3.737.264.605.887

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải nộp/ phải thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ hoàn thuế trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
(a) Phải nộp						
Thuế GTGT	70.640.473.609	4.095.395.045.425	(777.309.346.801)	(3.303.896.542.578)	(21.060.759.614)	63.768.870.041
Thuế tài nguyên	40.952.962.868	439.135.581.034	(442.651.998.181)	-	-	37.436.545.721
Thuế TNDN	294.940.078.031	507.534.849.403	(577.463.723.938)	-	6.166.965.765	231.178.169.261
Phí dịch vụ môi trường rừng	41.831.310.440	118.105.152.696	(123.067.481.240)	-	-	36.868.981.896
Thuế thu nhập cá nhân	12.189.584.945	99.063.358.262	(99.984.546.971)	-	(1.108.286.015)	10.160.110.221
Các loại thuế khác	6.657.374.899	106.532.036.372	(106.460.933.493)	-	(4.132.093.515)	2.596.384.263
	467.211.784.792	5.365.766.023.192	(2.126.938.030.624)	(3.303.896.542.578)	(20.134.173.379)	382.009.061.403
(b) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ	36.090.153.662	3.554.197.024.982	-	(3.303.896.542.578)	-	286.390.636.066
Thuế GTGT nộp thừa	21.127.889.580	-	(67.129.966)	-	(21.060.759.614)	-
Các loại thuế khác	9.153.196.824	-	(13.162.738)	-	926.586.235	10.066.620.321
	66.371.240.066	3.554.197.024.982	(80.292.704)	(3.303.896.542.578)	(20.134.173.379)	296.457.256.387

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư thể hiện các khoản phải trả người lao động theo chính sách lương của Nhóm Công ty.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Lãi vay	18.439.068.960	16.903.947.245
Khác	36.974.537.570	21.291.690.998
	55.413.606.530	38.195.638.243

16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là khoản doanh thu cho thuê tài sản nhận trước từ Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1.

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 22)	625.910.262.784	7.582.728.659
Phải trả cho EVN (*)	606.234.490.707	346.768.343.073
Thuế GTGT tạm tính	282.742.457.619	133.688.560.354
Phải trả từ bán cổ phần	39.969.577.665	39.969.577.665
Khác	30.295.453.993	47.322.954.127
	1.585.152.242.768	575.332.163.878
Trong đó:		
Bên thứ ba	347.805.389.804	215.778.992.673
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	1.237.346.852.964	359.553.171.205
	1.585.152.242.768	575.332.163.878

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản phải trả cho EVN chủ yếu bao gồm lãi vay, phí vay lại.

18 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay ngân hàng	-	119.500.000.000	(119.500.000.000)	-	-	-
Vay ngân hàng dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(b)(*))	369.491.279.424	-	(369.491.279.428)	700.002.305.488	-	700.002.305.484
Vay bên liên quan dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(b), 33(b)(**))	4.528.946.165.517	-	(4.531.082.733.999)	4.605.699.927.402	76.945.733.023	4.680.509.091.943
	4.898.437.444.941	119.500.000.000	(5.020.074.013.427)	5.305.702.232.890	76.945.733.023	5.380.511.397.427

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay ngân hàng (*)	1.734.923.193.446	-	(147.746.934.700)	(700.002.305.488)	-	887.173.953.258
Vay bên liên quan (Thuyết minh 33(b) (**))	38.022.219.406.486	-	-	(4.605.699.927.402)	814.693.559.310	34.231.213.038.394
	39.757.142.599.932	-	(147.746.934.700)	(5.305.702.232.890)	814.693.559.310	35.118.386.991.652

18 VAY (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết số dư của các khoản vay ngân hàng như sau:

	Nguyên tệ	Năm đáo hạn	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Vay ngân hàng						
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1						
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	40.101.003.862	55.976.880.538	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm	(i)
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	470.000.000.000	470.000.000.000	Xác định theo thông báo của ngân hàng	(i)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	617.912.751.456	842.608.297.440	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm	(i)
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp						
Ngân hàng TMCP Sài gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	90.000.000.000	130.000.000.000	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm	(i)
Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Vĩnh Tân						
Ngân hàng TMCP Sài gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Thành	VND	2022	-	193.235.908.648	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm	(i)
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2031	369.162.503.424	412.593.386.244	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,7%/năm	(ii)
			1.587.176.258.742	2.104.414.472.870		
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(a))			(700.002.305.484)	(369.491.279.424)		
			887.173.953.258	1.734.923.193.446		

(i) Tất cả những khoản vay nêu trên đều được đảm bảo thanh toán bởi EVN.

(ii) Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 (Thuyết minh 9(a)) và Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 ký giữa Nhóm Công ty và EVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất áp dụng cho các khoản vay ngân hàng nêu trên là từ 7,6%/năm đến 10,26%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 7,6%/năm đến 9,2%/năm).

18 VAY (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(**) Chi tiết số dư của các khoản vay lại từ EVN như sau:

	Nguyên tệ	Năm đáo hạn	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Vay lại từ bên liên quan (Thuyết minh 33(b))						
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1						
Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB")	USD	2032	374.450.171.403	383.673.646.210	Lãi suất LIBOR 6 tháng + 1%/năm	(iii)
ADB	USD	2034	17.120.997.292.319	17.227.531.267.362	Lãi suất LIBOR 6 tháng + 0,65%/năm	(iii)
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	5.319.073.212.262	6.071.605.004.087	Lãi suất LIBOR 6 tháng + 4,05%/năm	(iii)
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2						
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc ("China Eximbank")	USD	2027	3.559.378.938.320	4.125.459.684.448	3,45%/năm	(iv)
China Eximbank	CNY	2027	933.636.851.270	1.205.306.231.805	3,4%/năm	(iv)
China Eximbank	USD	2028	9.023.238.663.512	10.167.779.239.327	Lãi suất LIBOR 6 tháng + 2,65%/năm	(iv)
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp						
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản ("JBIC")	JPY	2026	38.582.084.753	53.555.196.233	2,75%/năm	(iv)
JBIC	JPY	2028	33.633.098.653	44.139.098.681	2,55%/năm	(iv)

18 VAY (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(**) Chi tiết số dư của các khoản vay lại từ EVN (tiếp theo) như sau:

	Nguyên tệ	Năm đáo hạn	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Vay lại từ bên liên quan (Thuyết minh 33(b)(tiếp theo))						
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1						
JBIC	JPY	2028	2.262.963.969.675	2.969.847.989.121	Từ 1,15%/năm đến 2,7%/năm	(iv)
Dự án đuôi hơi 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa						
Ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu	KRW	2027	245.767.848.170	302.268.214.729	2,4%/năm	(iv)
			38.911.722.130.337	42.551.165.572.003		
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(a))			(4.680.509.091.943)	(4.528.946.165.517)		
			34.231.213.038.394	38.022.219.406.486		

(iii) Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Mông Dương 1 (Thuyết minh 9(a)).

(iv) Các khoản vay nêu trên không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất áp dụng cho các khoản vay lại từ EVN bằng đồng USD áp dụng lãi suất thả nổi là từ 0,89%/năm đến 7,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 0,89%/năm đến 4,3%/năm).

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số dư đầu năm	235.724.153.191	151.637.057.334
Trích lập quỹ (Thuyết minh 21)	209.892.140.413	175.431.780.792
Phân loại lại (Thuyết minh 21)	178.809.276	-
Tăng khác	110.320.000	154.719.600
Sử dụng quỹ	(110.208.387.509)	(90.716.305.304)
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	(782.192.810)	(783.099.231)
Số dư cuối năm	334.914.842.561	235.724.153.191

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2022		31.12.2021	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	1.123.468.046	-	1.123.468.046	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2022		31.12.2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
EVN	1.114.422.994	99,19	1.114.422.994	99,19
Khác	9.045.052	0,81	9.045.052	0,81
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.123.468.046	100,00	1.123.468.046	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 21)	53.498.469	534.984.690.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.123.468.046	11.234.680.460.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Tổng Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	10.699.695.770.000	6.014.917.945	46.494.391.137	184.357.112.169	15.890.285.682	3.641.098.585.198	370.434.090.122	**14.963.985.152.253**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 22)	534.984.690.000	-	-	-	-	(534.984.690.000)	-	**-**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	3.141.048.822.276	37.869.659.944	**3.178.918.482.220**
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	514.017.158.580	-	(514.017.158.580)	-	**-**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(170.955.708.827)	(4.476.071.965)	**(175.431.780.792)**
Cổ tức chia cho cổ đông thiểu số (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(534.984.788.500)	(22.330.110.604)	**(557.314.899.104)**
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	652.823.914	(1.660.549.990)	-	-	-	**(1.007.726.076)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	11.234.680.460.000	6.014.917.945	47.147.215.051	696.713.720.759	15.890.285.682	5.027.205.061.567	381.497.567.497	**17.409.149.228.501**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	2.524.379.473.241	25.436.939.224	**2.549.816.412.465**
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	623.345.602.464	-	(623.345.602.464)	-	**-**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(204.309.275.716)	(5.582.864.697)	**(209.892.140.413)**
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)(**)	-	-	-	-	-	(2.078.415.885.100)	(27.273.154.500)	**(2.105.689.039.600)**
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.664.414.950	(4.124.494.950)	-	-	-	**(460.080.000)**
Phân loại lại (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(142.260.660)	-	(36.548.616)	**(178.809.276)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	11.234.680.460.000	6.014.917.945	50.811.630.001	1.315.934.828.273	15.748.025.022	4.645.513.771.528	374.041.938.908	**17.642.745.571.677**

(*) Thực hiện theo Nghị quyết số 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty; Nghị quyết số Nghị quyết số 715/NQ-NĐBR ngày 1 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Nghị quyết số 348/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết số 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Công ty đã thực hiện chia cổ tức từ LNST năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 13% vốn điều lệ tương ứng với tổng số tiền chi trả là 1.460.388.320.300 Đồng. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 91/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 7 năm 2022 về ngày đăng ký cuối cùng chi trả cổ tức là ngày 15 tháng 7 năm 2022 và ngày chi trả cổ tức là ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ là 5,5% vốn điều lệ tương ứng với tổng số tiền chi trả là 617.907.425.300 Đồng, ngày đăng ký cuối cùng chi trả cổ tức là ngày 28 tháng 12 năm 2022 và ngày chi trả cổ tức là ngày 10 tháng 2 năm 2023.

Thực hiện theo Nghị quyết số 348/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đã thực hiện chia cổ tức từ LNST năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 15% vốn điều lệ tương ứng với tổng số tiền chi trả là 19.298.250.000 Đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 715/NQ-NĐBR ngày 1 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã thực hiện chia cổ tức từ LNST năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 15% vốn điều lệ tương ứng với tổng số tiền chi trả là 90.728.400.000 Đồng.

22 CỔ TỨC

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Số dư đầu năm	7.582.728.659	7.205.964.234
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21)	2.105.689.039.600	1.092.299.589.104
Cấn trừ công nợ (Thuyết minh 33(a))	(1.448.749.892.200)	(530.677.616.500)
Cổ tức đã chi trả bằng cổ phiếu (Thuyết minh 21)	-	(534.984.690.000)
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(38.611.613.275)	(26.260.518.179)
Số dư cuối năm	625.910.262.784	7.582.728.659

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	31.12.2022	31.12.2021 (Trình bày lại (**))
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	2.524.379.473.241	3.141.048.822.276
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)(*)	(*)	(204.309.275.716)
	2.524.379.473.241	2.936.739.546.560
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.123.468.046	1.123.468.046
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.247	2.614

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định kế hoạch phân phối lợi nhuận. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông, lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được tính lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Số liệu báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	3.141.048.822.276	-	3.141.048.822.276
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(204.309.275.716)	(204.309.275.716)
	3.141.048.822.276	(204.309.275.716)	2.936.739.546.560
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.123.468.046	-	1.123.468.046
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.796	(182)	2.614

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 3.046,4 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3.072,8 Đô la Mỹ).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải thanh toán trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 34(a).

25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần về bán điện	46.779.421.537.943	36.973.868.379.756
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh khác	507.826.445.748	783.555.339.041
	47.287.247.983.691	37.757.423.718.797

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn sản xuất điện	41.456.064.867.671	32.739.374.223.482
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	412.420.775.462	731.212.570.339
	41.868.485.643.133	33.470.586.793.821

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	195.145.189.215	194.166.870.904
Lợi nhuận từ trái phiếu	14.978.842.922	19.339.470.323
Cổ tức, lợi nhuận được chia	55.115.183.909	54.146.387.804
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	57.902.618.091	85.230.839.058
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	907.924.555.568
	323.141.834.137	1.260.808.123.657

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	1.576.833.210.859	1.221.622.521.691
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	73.375.442.471	2.344.581.178
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(6.224.139.813)
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	892.894.434.202	-
	2.543.103.087.532	1.217.742.963.056

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	319.558.926.968	321.828.640.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.339.892.267	36.462.393.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	59.976.439.592	51.826.489.065
Chi phí công cụ, dụng cụ	19.102.565.151	19.332.273.711
Chi phí khác	237.302.202.406	185.919.532.790
	674.280.026.384	615.369.329.470

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhóm Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.057.351.261.868	3.912.157.125.037
Thuế tính ở thuế suất 20%	611.470.252.374	782.431.425.007
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(113.810.789.975)	(52.248.291.836)
Chi phí không được trừ	10.168.865.203	1.894.194.042
Dự phòng thiếu của năm trước	260.870.688	-
Lỗ tính thuế không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	1.161.315.604
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	(554.348.887)	-
Chi phí thuế TNDN (*)	507.534.849.403	733.238.642.817
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	507.534.849.403	733.238.642.817

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan đến hoạt động thương mại của Nhóm Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.752.905.406.542	25.354.051.792.589
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.496.751.318.758	4.477.723.940.240
Chi phí sửa chữa lớn	548.789.444.696	1.210.633.825.558
Chi phí nhân viên	1.109.691.675.029	1.125.009.132.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.445.455.662	698.306.059.951
Chi phí khác	1.105.427.466.599	1.220.456.300.868
	42.543.010.767.286	34.086.181.051.653

32 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT") HỢP NHẤT

Các giao dịch chủ yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất như sau:

	2022 VND	2021 VND
Bù trừ nợ gốc vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 33(a))	4.510.989.167.077	4.470.065.572.771
Bù trừ khoản phải trả cổ tức với khoản phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh 33(a))	1.448.749.892.200	530.677.616.500
Bù trừ chi phí lãi và chi phí đi vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 33(a))	1.146.706.891.397	1.080.359.165.911
Bù trừ khoản phải trả ngắn hạn khác và khoản phải trả nhà cung cấp với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 33(a))	115.747.320.596	231.385.659.974
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả (Thuyết minh 17)	625.910.262.784	7.582.728.659
Mua TSCĐ và chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	123.113.249.439	337.975.952.594
Tăng đầu tư góp vốn không bằng tiền vào đơn vị khác	-	14.614.784.000
Cổ tức được chia phải thu	-	83.700.000.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	534.984.690.000

33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty là một công ty cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông được nêu trong Thuyết minh 20(b).

Trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan sau:

Công ty mẹ

EVN

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A

Bên liên quan khác

Công ty Nhiệt điện Uông Bí

Công ty Cổ phần Điện Việt Lào

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4

Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Bắc

Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Trung

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình - Chi nhánh EVN ("Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình")

Công ty Mua bán điện - Chi nhánh EVN ("Công ty Mua bán điện")

Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 ("Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn")

Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 ("Công ty Nhiệt điện Duyên Hải")

Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh EVN ("Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin")

Công ty TNHH MTV Khách sạn Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực

Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN - Chi nhánh EVN ("Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN")

Công ty Truyền tải điện 2 - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia ("Công ty Truyền tải điện 2")

Công ty Nhiệt điện Thái Bình - Chi nhánh EVN ("Công ty Nhiệt điện Thái Bình")

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 ("Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh")

Công ty Điện lực Quảng Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc ("Công ty Điện lực Quảng Ninh")

Công ty Điện lực Đắc Lắc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung TNHH

Công ty Điện lực Đắc Nông - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung TNHH

Công ty Điện lực Thủ Thiêm - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH

Công ty Điện lực Bình Thuận - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH

Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH ("Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu")

Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân ("Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng")

Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - Chi nhánh EVN ("Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4")

Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam ("Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam")

33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

		2022 VND	2021 VND
i)	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		
	Công ty Mua bán điện	46.801.867.997.743	36.970.872.194.934
	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	381.179.420.233	612.692.676.766
	Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	-	79.609.825.318
	Khác	32.583.342.068	1.657.416.898
		47.215.630.760.044	37.664.832.113.916
ii)	**Mua hàng hóa và dịch vụ**		
	EVN	118.422.082.499	137.661.724.695
	Công ty Điện lực Quảng Ninh	7.413.123.438	6.928.106.507
	Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Bắc	8.107.372.947	750.000.000
	Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	2.738.066.206	2.598.932.749
	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.485.697.720	2.808.640.841
	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	1.403.824.500	1.450.052.273
	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	1.925.216.222	3.596.546.908
	Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh EVN	-	2.362.834.636
	Khác	13.762.725.476	8.144.829.216
		155.258.109.008	166.301.667.825
iii)	**Hoạt động tài chính**		
	Cổ tức, lợi nhuận được chia		
	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11.751.168.000	14.243.840.000
	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	8.000.000.000	21.750.000.000
	Khác	35.364.015.909	18.152.547.804
		55.115.183.909	54.146.387.804
	Lãi dự thu trái phiếu		
	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	14.978.842.922	19.339.470.323
	Thu hồi từ trái phiếu		
	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	126.000.000.000	8.000.000.000
	Chi phí lãi vay		
	EVN	1.412.400.303.940	1.013.673.019.580
	Bù trừ nợ gốc vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	EVN	4.510.989.167.077	4.470.065.572.771
	Bù trừ chi phí lãi và chi phí đi vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	EVN	1.146.706.891.397	1.080.359.165.911
	Thanh toán gốc vay		
	EVN	50.378.035.822	50.128.144.770
	Thanh toán lãi vay		
	EVN	6.298.164.077	8.237.073.736

33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
iv) Hoạt động đầu tư		
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 4(b))		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	91.661.010.000
v) Hoạt động khác		
Bù trừ khoản phải trả ngắn hạn khác và khoản phải trả nhà cung cấp với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
EVN	115.747.320.596	231.385.659.974
Bù trừ khoản phải trả cổ tức với khoản phải thu khách hàng ngắn hạn		
EVN	1.448.749.892.200	530.677.616.500
vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Chủ tịch Hội đồng Quản trị	897.996.000	945.264.000
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	870.792.000	916.620.000
Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách (đến ngày 14 tháng 6 năm 2022)	361.697.000	830.688.000
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	157.836.000	166.140.000
Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	157.836.000	166.140.000
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 10 năm 2021)	-	685.620.000
Phó Tổng Giám đốc	789.156.000	900.248.000
Phó Tổng Giám đốc	789.156.000	900.248.000
Phó Tổng Giám đốc	789.156.000	830.688.000
Phó Tổng Giám đốc (từ tháng 4 năm 2021)	789.156.000	588.404.000
Kế toán trưởng	734.736.000	773.400.000
Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	816.360.000	859.332.000
Kiểm soát viên kiêm nhiệm	157.836.000	166.140.000
Kiểm soát viên kiêm nhiệm	157.836.000	166.140.000
	7.469.549.000	8.895.072.000

33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Mua bán điện	10.823.439.654.821	7.636.241.034.912
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	814.059.611.377	902.526.554.588
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	6.015.620.139	12.615.620.139
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	6.210.749.473	36.708.328.507
Khác	33.838.490.585	28.707.941.301
	11.683.564.126.395	8.616.799.479.447
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
EVN	15.256.171.287	15.256.171.287
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN	67.966.368.944	67.966.368.944
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng	65.091.830.980	69.982.724.313
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	-	83.700.000.000
Khác	2.408.207.606	6.570.307.015
	150.722.578.817	243.475.571.559
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
EVN	965.412.038	918.536.099
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.026.188.000	612.178.000
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	487.805.443	1.316.265.263
Khác	2.603.175.179	4.861.276.109
	5.082.580.660	7.708.255.471
iv) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)		
EVN	1.219.167.137.407	346.768.343.073
Khác	18.179.715.557	12.784.828.132
	1.237.346.852.964	359.553.171.205
v) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))		
EVN	4.680.509.091.943	4.528.946.165.517
vi) Vay dài hạn (Thuyết minh 18(b))		
EVN	34.231.213.038.394	38.022.219.406.486

34 CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Dưới 1 năm	34.549.972.046	23.293.638.489
Từ 1 đến 5 năm	116.285.505.127	105.874.012.122
Trên 5 năm	844.993.186.884	768.430.550.325
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	995.828.664.057	897.598.200.936

(b) Cam kết vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt của Nhóm Công ty như sau:

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
Nhà máy điện và các công trình khác	277.999.936.000	514.455.000.000

35 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Nhóm Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là các lĩnh vực kinh doanh khác của Nhóm Công ty không có ảnh hưởng đáng kể theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

36 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Nhóm Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty. Theo đó, Nhóm Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa đủ thông tin cần thiết để lập dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

37 CỔ PHẦN HÓA

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Tổng Công ty. Theo Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty. Tổng Công ty đã hoàn thành việc lập báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2018 bao gồm thực hiện xử lý tài chính ở thời điểm doanh nghiệp chính thức trở thành công ty cổ phần, thực hiện công tác kiểm toán độc lập báo cáo tài chính, thực hiện quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 (thành lập theo Quyết định số 110/Qđ-UBQLV ngày 9 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp) đã gửi Báo cáo số 6932/BC-EVN về việc rà soát Hồ sơ quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 đến Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đề nghị phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và quyết toán cổ phần hóa.

Tại ngày 2 tháng 2 năm 2023, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Công văn số 402/EVN-QLV gửi Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước đề nghị hướng dẫn thực hiện và xem xét, phê duyệt giá trị quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty chưa được phê duyệt. Do đó, các ảnh hưởng tài chính (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất này có thể được bổ sung khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

38 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền vào ngày 10 tháng 2 năm 2023 với giá trị là 617.907.425.300 Đồng.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 13 tháng 3 năm 2023.

Trần Nguyễn Khánh Linh Người lập	Vũ Phương Thảo Kế toán trưởng	Nguyễn Thị Thanh Hương Phó Tổng Giám đốc Ngày 13 tháng 3 năm 2023

EVN GENCO3

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP

Số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala,
Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam

(+84) 28 3636 7449

www.genco3.com